

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình dạy học trình độ đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định 456/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình dạy học trình độ đại học chính quy gồm các ngành đào tạo: Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; Công nghệ thông tin; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật trắc địa bản đồ; Khí tượng và khí hậu học; Luật; Quản lý biển; Quản lý tài nguyên nước; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị kinh doanh; Thủy văn học.

Chương trình dạy học trình độ đại học chính quy các ngành đào tạo được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường, giảng viên và học viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng (đề b/c);
- Lưu: VT, ĐT (5b).



KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



★ **Trần Duy Kiều**

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2400 /QĐ-TĐHHN ngày 08 tháng 07 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1 Một số thông tin về chương trình đào tạo	1
1.2 Mục tiêu đào tạo	1
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:	2
1.4. Hình thức đào tạo.	2
1.5. Điều kiện tốt nghiệp	2
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
2.1. Kiến thức	3
2.2. Kỹ năng.....	4
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	4
PHẦN 3	5
MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA	5
PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo	1
4.2. Chương trình đào tạo	1
4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra	33
4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)	36
4.5. Đề cương các học phần.....	39
4.5.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1 2TC	39
4.5.2. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2 3TC	46
4.5.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3TC	56
4.5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2TC.....	64
4.5.5. Kỹ năng mềm 2TC	74
4.5.6. Pháp luật đại cương 2TC.....	80
4.5.7. Tiếng Anh 1 3TC	87
4.5.8. Tiếng Anh 2 3TC	97
4.5.9. Tiếng Anh 3 2TC	104
4.5.10. Toán cao cấp 3 TC1. Thông tin chung về học phần	111
4.5.11. Tin học đại cương 2TC	116
4.5.12. Kinh tế vi mô 3TC.....	123
4.5.13. Kinh tế vĩ mô 3TC.....	132
4.5.14. Kinh tế tài nguyên và môi trường 2TC	138
4.5.15. Nguyên lý thống kê kinh tế 2TC	143
4.5.16. Nguyên lý kế toán 3TC.....	150
4.5.17. Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 2TC.....	159
4.5.18. Điểm đến du lịch 3TC	167
4.5.19. Quản trị học 3TC	172
4.5.20. Marketing căn bản 2TC	181

4.5.21. Tài chính – Tiền tệ	2TC	190
4.5.22. Tổng quan du lịch	3TC	201
4.5.23. Quản lý nhà nước về du lịch	2TC	209
4.5.24. Quản trị doanh nghiệp du lịch	3TC	215
4.5.24. Quản trị doanh nghiệp du lịch (TA)	3TC	223
4.5.25. Quản trị nguồn nhân lực	3TC	230
4.5.26. Quản trị sự kiện	3TC	239
4.5.27. Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	3TC	247
4.5.28. Quản trị chất lượng du lịch	2TC	255
4.5.29. Marketing du lịch	3TC	262
4.5.30. Quản trị lễ tân	2TC	269
4.5.30. Quản trị lễ tân (TA)	2TC	276
4.5.31. Thương mại điện tử	2TC	283
4.5.32. Tâm lý khách hàng Du lịch	3TC	291
4.5.33. Văn hóa ẩm thực	3TC	298
4.5.34. Đạo đức nghề du lịch	2TC	305
4.5.35. Du lịch bền vững	3TC	312
4.5.36. Kế toán tài chính	2TC	320
4.5.37. Quản trị điểm đến du lịch	2TC	329
4.5.38. Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	3TC	336
4.5.39. Kỹ năng phát triển nghề du lịch		343
4.5.40. Thiết kế và quản lý điều hành chương trình du lịch	3TC	350
4.5.41. Hướng dẫn du lịch	3TC	357
4.5.42. Quản trị kinh doanh khách sạn	3TC	364
4.5.43. Du lịch sinh thái	3TC	374
4.5.44. Du lịch văn hóa Việt Nam	2TC	382
4.5.45. Thực tập khách sạn	4TC	388
4.5.46. Thực tập lữ hành	4TC	391
4.5.47. Thực tập tốt nghiệp	6TC	394
4.5.48. Khóa luận tốt nghiệp	6TC	399
4.5.49. Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	2TC	403
4.5.50. Văn hóa các dân tộc Việt Nam	2TC	408
4.5.51. Lịch sử văn minh thế giới	2TC	415
4.5.52. Lịch sử Việt Nam đại cương	2TC	420
4.5.53. Cơ sở văn hóa Việt Nam	2TC	429
4.5.54. Tin học ứng dụng	2TC	438
4.5.55. Phân tích định lượng	2TC	446
4.5.56. Quản trị chiến lược	3TC	452
4.5.57. Tài nguyên và kinh doanh du lịch	3TC	462
4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình		468

4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu	468
4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình	482
4.7.Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	483

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1 Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
 - Tiếng Anh: **Tourism and travel services management**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
- Mã số: **7810103**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - Tiếng Việt: **Cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Tourism and travel services management**

1.2 Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung: đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có chuyên môn sâu về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Có kiến thức và năng lực vững vàng về lý thuyết lẫn thực hành đáp ứng yêu cầu của việc phát triển du lịch bền vững. Đồng thời có kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, có phẩm chất tốt, có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

Đào tạo cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

a) Kiến thức

MT1: Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có kiến thức thực tế và biết vận dụng để giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá được các quá trình hoạt động du lịch theo các tiêu chuẩn nhất định.

MT2: Có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá được các quá trình hoạt động du lịch theo các tiêu chuẩn nhất định.

b) Kỹ năng

MT3: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các nội dung cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh du lịch; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn

đạt, xử lý những tình huống thường gặp khi phục vụ khách du lịch; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến chuyên môn.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT4: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

MT5: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình;

d) Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe:

MT6: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

e) Đủ khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

MT7: Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.
- Tiêu chí tuyển sinh: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và đào tạo; theo quy định của trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hàng năm.

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

- KT1: Hiểu được những nguyên lý, kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam để vận dụng trong ngành Du lịch. Phân tích được những kiến thức cơ bản của các khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội vận dụng trong ngành Du lịch. Vận dụng được những kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, khoa học công nghệ, luật pháp... trong kinh doanh du lịch và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch một cách bền vững.

- KT2: Áp dụng được các kiến thức về lĩnh vực Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính, Kế toán, Thống kê kinh tế nhằm làm cơ sở nghiên cứu sâu hơn các nội dung kiến thức chuyên ngành. Hiểu được những kiến thức về ẩm thực, các nền văn hóa khác nhau của Việt Nam và thế giới để vận dụng linh hoạt trong thực tiễn nghề nghiệp du lịch.

- KT3: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý trong kinh doanh du lịch, đặc biệt trong lĩnh vực lữ hành, khách sạn và tổ chức sự kiện. Phân tích, tổng hợp được những quan điểm, lý thuyết, các vấn đề cơ bản của khoa học du lịch và áp dụng vào thực tiễn hoạt động nghiên cứu và kinh doanh quản lý du lịch. Áp dụng được những nguyên tắc cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch có chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng, đảm bảo phát triển bền vững. Hiểu biết thực tế công việc chuyên môn thuộc ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành từ đó trau dồi kỹ năng nghề nghiệp về lĩnh vực Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá được các quá trình hoạt động du lịch theo tiêu chuẩn VTOS của Tổng cục Du lịch Việt Nam và EU. Phân tích được kiến thức trong hoạt động nghiên cứu, tổ chức, quản lý, điều hành, kinh doanh du lịch. Vận dụng đưa ra được các chiến lược du lịch bền vững để giảm thiểu các tác động tiêu cực cũng như tối đa hóa các tác động tích cực.

- KT5: Kiến thức Ngoại ngữ và Tin học

+ Đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương.

+ Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và

Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

2.2. Kỹ năng

- KN1: Có kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.
- KN2: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- KN3: Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
- KN4: Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- KN5: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- NL: Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

PHẦN 3

MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
Kiến thức	KT1	X				X		
	KT2	X						
	KT3	X						
	KT4		X		X			
	KT5	X		X				
Kỹ năng	KN1		X	X	X	X		
	KN2			X			X	
	KN3			X				
	KN4			X	X			
	KN5			X	X			
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	NL				X	X		X

PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	132
Trong đó:	
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (<i>Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN</i>)	27
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	105
• Kiến thức cơ sở ngành	25
• Kiến thức ngành	68
+ <i>Bắt buộc:</i>	60
+ <i>Tự chọn:</i>	08
• Kiến thức thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12

4.2. Chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết
 - TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
I	Kiến thức giáo dục đại cương							
I.1	1. I.1. Lý luận chính trị							
1	LTML210 1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt được các mục tiêu: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học, vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.	2	22	8	60	
2	LTML210 2	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt được các mục tiêu: trình bày và giải thích được	3	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		Lê nin 2	những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học, vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.					
3	LTĐL210 1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt được các mục tiêu: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam và đánh giá được kết quả thực hiện đường lối đó. Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội; xác định được trách nhiệm của bản thân để thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.	3	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
4	LTTT210 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại; Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác; Hun đúc lòng yêu nước, nâng cao lòng tự hào về Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.	2	21	9	60	
I.2	Khoa học xã hội							
5	KTQU215 1	Kỹ năng mềm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			sống và thực tiễn. Trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.					
6	LTPL210 1	Pháp luật đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt được các mục tiêu: Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau; Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.					
I.3 Ngoại ngữ								
7	NNTA210 1	Tiếng Anh 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể phát âm thành thạo vốn từ đã học. Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có các kỹ năng đọc, nghe, nói, viết.	3	8	37	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
8	NNTA210 2	Tiếng Anh 2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch... và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.	3	6	39	90	
9	NNTA210 3	Tiếng Anh 3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức nâng cao (trình độ trung cấp) trong việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu...;		6	24	60	
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học							
10	KDTO210 8	Toán cao cấp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép	3	25	20	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn. Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;					
11	CTKH215 1	Tin học đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng,... để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Thành thạo các ứng dụng văn phòng, sử dụng internet.	2	20	10	60	
I.5	Giáo dục thể chất							
I.6	Giáo dục quốc phòng – An ninh							

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
II.1	Kiến thức cơ sở ngành							
12	KTKH2301	Kinh tế vi mô	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.	3	33	12	90	
13	KTKH2302	Kinh tế vĩ mô	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm	3	35	10	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở. Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô.					
14	KTTM2301	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô	2	22	08	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			nhiệm; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên, xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu.					
15	KTPT230 1	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên Hiểu được kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.	2	19	11	60	
16	KTKE250 1	Nguyên lý kế toán	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình. Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công	3	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			việc kế toán ở dạng đơn giản.					
17	KTPT230 2	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.	2	24,5	5,5	60	
18	KTDL240 1	Điểm đến du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về du lịch và điểm đến du lịch, biết được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch, biết được về tổ chức lãnh thổ du lịch, hiểu hệ thống phân vùng lãnh thổ du lịch trên thế giới và tại Việt Nam. Vận	3	35	10	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			dụng hệ thống kiến thức của điểm đến du lịch để nâng cao hiểu biết về các loại hình du lịch trên thế giới và tại Việt Nam, từ đó cung cấp các dữ liệu du lịch tại các vùng và tư vấn cho khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.					
19	MNT101	Quản trị học	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức.	3	36	9	90	
20	BMA202	Marketing	Sau khi kết thúc học	2	24	6	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		căn bản	phần sinh viên hiểu được các vấn đề căn bản về Marketing như: Một số khái niệm cơ bản về marketing, vai trò, chức năng và phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng; Các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến.					
21	KTTC2304	Tài chính - Tiền tệ	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước;	2	24	6	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			hiểu được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.					
II.2	Kiến thức ngành							
22	OVT101	Tổng quan du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các vấn đề căn bản liên quan tới lĩnh vực du lịch, đặc điểm của du lịch cũng như sự phát triển của ngành du lịch, và vai trò của ngành du lịch trong phát triển kinh tế. Ngoài ra, sinh	3	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			viên còn hiểu biết những kiến thức liên quan đến quản trị và xu hướng phát triển của ngành du lịch trong tương lai để áp dụng trong thực hiện các nghiệp vụ du lịch.					
23	SMT202	Quản lý nhà nước về du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch; hiểu được một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch và áp dụng vào thực tế nghề nghiệp.	2	24	6	60	
24	KTDL240 4	Quản trị doanh nghiệp du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản như tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch. Ngoài ra, người học có thể phân tích hoạt động quản trị kinh doanh của một số loại hình doanh nghiệp điển hình như:	3	33	12	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			nhà hàng, khách sạn, doanh nghiệp lữ hành, đại lý du lịch.					
25	HRM 203	Quản trị nguồn nhân lực	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả... Vận dụng sáng tạo những vấn đề cơ bản của quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả.	3	32	13	90	
26	ETM203	Quản trị sự kiện	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản như các nội dung quản trị trong tổ chức sự kiện, chúng có mối quan hệ như thế nào đối với	3	35	10	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			hoạt động du lịch. Ngoài ra, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức trong quá trình tổ chức sự kiện như chuẩn bị chương trình, quản trị hậu cần, lập kế hoạch cho sự kiện, tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.					
27	MIR202	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các vấn đề căn bản như: điều kiện, thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, vấn đề thị thực đối với khách du lịch, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch cơ bản và các nội dung cơ bản trong quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú. Từ đó, biết áp dụng trong thực tiễn nghề nghiệp của mình.	3	35	10	90	
28	TQM203	Quản trị chất lượng du lịch	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được những kiến	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. Từ đó người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.					
29	TMG202	Marketing du lịch	Sau khi nghiên cứu học phần sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.	3	36	9	90	
30	FOM203	Quản trị lễ tân	Sau khi nghiên cứu học phần sinh viên hiểu được những kiến thức	2	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			cơ bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị lễ tân như: lập kế hoạch đón tiếp khách hàng, dự báo quỹ phòng, chu trình đặt phòng, trả phòng, các hình thức thanh toán khi trả phòng, phục vụ khách hàng trong thời gian lưu trú, đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân. Từ đó người học vận dụng được kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tại bộ phận lễ tân.					
31	KTQU2506	Thương mại điện tử	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học	2	24	6	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn trong phát triển hoạt động thương mại điện tử áp dụng với các mô hình giao dịch điện tử B2B, B2C, C2C, G2G, G2B, G2C.					
32	PGT203	Tâm lý khách hàng du lịch	Sau khi kết thúc học phần sinh viên biết được các kiến thức cơ bản như: tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch. Ngoài ra người học cũng tổng hợp được những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam. Từ đó áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và	3	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và lữ hành trong tương lai.					
33	FOC102	Văn hóa ẩm thực	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. So sánh được văn hóa ẩm thực của Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới.	3	29	16	90	
34	KTDL251 2	Đạo đức nghề du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được khái niệm đạo đức, cấu trúc của đạo đức, ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức, quan hệ đạo đức, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân, vai trò, nguồn gốc, bản chất và chức năng của đạo đức. Phân tích được mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội. Nhận diện các vấn đề đạo đức nghề	2	24,5	5,5	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			nghiệp nói chung và lĩnh vực du lịch nói riêng; cũng như hiểu được các quy tắc ứng xử đạo đức kinh doanh du lịch toàn cầu và Việt Nam.					
35	STT202	Du lịch bền vững	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các vấn đề liên quan về du lịch, du lịch bền vững, phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững trong phạm vi ngành du lịch Việt Nam; Các kiến thức về phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm: vùng bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái hoang sơ. Từ đó, người học liên hệ các kiến thức đã học với định hướng và các công cụ tăng cường du lịch bền vững, vận dụng những kiến thức và công cụ phát triển bền vững để hoạch định những chiến lược phù hợp trong quá trình lập	3	29	16	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			kế hoạch phát triển cho các điểm du lịch.					
36	KTKE252 4	Kế toán tài chính	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất.	2	21	9	60	
37	KTDL251 4	Quản trị điểm đến du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về quản trị điểm đến du lịch; lập kế hoạch điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; tổ chức quản lý điểm đến, ứng dụng quản lý điểm đến tại một số điểm đến thực tế. Từ đó, người học biết triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.	2	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
38	OMT203	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được tổng quan về kinh doanh lữ hành và doanh nghiệp lữ hành; quản trị các hoạt động cung ứng; xây dựng chương trình du lịch, xúc tiến bán, thực hiện chương trình du lịch và quản trị chất lượng sản phẩm du lịch của doanh nghiệp lữ hành. Từ đó áp dụng vào thực tiễn nghề nghiệp sau này.	3	31	14	90	
39	KTQU258 6	Kỹ năng phát triển nghề du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết áp dụng các kỹ năng vào thực tế nghề nghiệp, bao gồm: kỹ năng đàm phán và thương lượng, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng xử lý tình huống và kỹ năng của một số vị trí cụ thể trong ngành du lịch.	2	19	11	60	
40	KTDL251 7	Thiết kế và quản lý điều hành chương trình du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu về chương trình du lịch và quản lý điều hành	3	28	17	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			chương trình du lịch; biết xây dựng chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán chương trình du lịch; tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch; quản lý chất lượng chương trình du lịch.					
41	TVG203	Hướng dẫn du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch, các yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch và một số nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch. Từ đó, người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.	3	26	19	90	
42	KTDL2520	Quản trị kinh doanh khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản như: tổng quan về quản trị kinh doanh khách sạn; vận dụng được các	3	35	10	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			nghiệp vụ quản trị nguồn nhân lực, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị chiến lược, quản trị chất lượng vào trong thực tế việc làm.					
43	KTDL262 1	Du lịch văn hóa Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam, cơ sở văn hóa Việt Nam, các loại hình du lịch văn hóa Việt Nam, vận dụng các kỹ năng nghiệp vụ của du lịch văn hóa Việt Nam vào định hướng phát triển du lịch văn hóa Việt Nam.	2	20	10	60	
44	KTDL251 9	Du lịch sinh thái	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đặc trưng, các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của du lịch sinh thái, phát triển du lịch sinh thái bền vững, tài nguyên du lịch sinh thái, xây dựng quy hoạch du	3	33	12	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			lịch sinh thái, một số phương pháp trong lập kế hoạch và phát triển du lịch sinh thái, đồng thời biết vận dụng để quản lý các dự án du lịch sinh thái tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia của Việt Nam.					
45	KTDL272 2	Thực tập khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết được mô hình cơ cấu tổ chức và đánh giá được quy trình hoạt động của các đơn vị kinh doanh hoạt động lưu trú, khách sạn.	4		60	120	
46	KTDL272 3	Thực tập lễ hành	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được mô hình cơ cấu tổ chức và đánh giá được quy trình hoạt động của các đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực lễ hành.	4		60	120	
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp							
47	ITS204	Thực tập tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và củng cố hóa được kiến thức cơ bản về kiến thức	6		90	180	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			chuyên môn ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Tiếp cận và mô tả được công tác Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tại các doanh nghiệp, tổ chức thông qua các kênh tìm kiếm thông tin như internet, thông tin thu thập từ doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước,... Phân tích và đánh giá được tình hình quản lý, quản trị và các nội dung khác trong các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ du lịch và lữ hành; Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế để đưa ra được các quyết định quản trị trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch và lữ hành;					
48	DST209	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nhận diện và khái quát hóa được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Xây dựng, lập được kế hoạch	6		90	180	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			thu thập và phân tích, xử lý tài liệu, số liệu tại các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ du lịch và lễ hành.					
III	Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn							
III.1	Khối kiến thức tự chọn							
1	CFV102	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết được những kiến thức về phong tục tập quán, lễ hội Việt Nam. Hiểu được những đặc trưng và đặc điểm của phong tục, tín ngưỡng, tập quán, lễ hội truyền thống, những nét đặc sắc của phong tục tập quán lễ hội các vùng miền trên đất nước, đồng thời là sự thể hiện văn hóa trong phong tục, tín ngưỡng, lễ hội Việt Nam. Biết vận dụng kiến thức đã học vào lĩnh vực du lịch văn hóa.	2	22	8	60	
2	CNV102	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết các kiến thức cơ bản về văn hóa đặc trưng của các	2	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			dân tộc trên mọi miền tổ quốc. Biết vận dụng những kiến thức về văn hóa của các dân tộc Việt Nam trong nghiệp vụ du lịch và lễ hành của mình sau này.					
3	HWC102	Lịch sử văn minh thế giới	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết những kiến thức cơ bản về các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới. Nhận diện và phân biệt được các nền văn minh với nhau.	2	25	5	60	
4	GHV102	Lịch sử Việt Nam đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết được các kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam từ xưa đến nay. Đồng thời biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế việc làm ngành quản trị dịch vụ du lịch – lễ hành của mình.	2	24	6	60	
5	VNC102	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những tri thức cơ bản của một nền văn hóa; Phân tích được các	2	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			đặc trưng cơ bản và các quy luật hình thành, phát triển của văn hóa Việt Nam;					
6	API202	Tin học ứng dụng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải trình bày được những kiến thức ứng dụng phần mềm Excel cơ bản trong tổng hợp, xử lý và phân tích các số liệu điều tra. Vận dụng các tiện ích của phần mềm Excel để phân tích các số liệu thống kê và làm các công việc trong công tác quản lý du lịch.	2	13	17	60	
7	QNA203	Phân tích định lượng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về bản chất của phân tích định lượng, cách xây dựng mô hình kinh tế, tìm ra những phương án tối ưu hoá trong sản xuất và kinh doanh cũng như trong tiêu dùng. Đồng thời người học trình bày được kiến thức cơ bản về lý thuyết,	2	17	13	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			phương pháp và các mô hình hồi quy tuyến tính đơn biến, hồi quy tuyến tính đa biến.					
III.2 Khối kiến thức bổ trợ, thay thế khóa luận								
8	SMN204	Quản trị chiến lược	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được một số khái niệm cơ bản về quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược; Biết nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Thiết lập mục tiêu chiến lược; Xác định các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp; Hoạch định chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp chức năng; Thực hiện và đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp.	3	34	11	90	
9	RTB204	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu những kiến thức tổng quát về tài nguyên du lịch và kinh doanh du lịch, hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, và có một tầm	3	35	10	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			nhìn rộng về các loại tài nguyên được sử dụng trong du lịch, nhận diện được các hoạt động kinh doanh du lịch, mối liên hệ giữa tài nguyên và kinh doanh du lịch.					

4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
		Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm
												NL
KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5			
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương											
I.1	Lý luận chính trị											
1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	x									x	
2	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	x									x	
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	x									x	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x									x	
I.2	Khoa học xã hội											
5	Kỹ năng mềm		x					x		x	x	
6	Pháp luật đại cương	x									x	
I.3	Ngoại ngữ											
7	Tiếng Anh 1				x						x	
8	Tiếng Anh 2				x						x	

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
		Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm
												NL
KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5			
9	Tiếng Anh 3					x						x
I.4	<i>Khoa học tự nhiên - Tin học</i>											
10	Toán cao cấp	x	x									x
11	Tin học đại cương	x	x									x
I.5	<i>Giáo dục thể chất</i>	x										x
I.6	<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>	x										x
II	Khởi kiến thức giáo dục chuyên nghiệp											
II.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>											
12	Kinh tế vi mô		x									x
13	Kinh tế vĩ mô		x									x
14	Kinh tế tài nguyên và môi trường		x									x
15	Nguyên lý thống kê kinh tế		x									x
16	Nguyên lý kế toán		x									x
17	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh		x									x
18	Điểm đến du lịch			x								x
19	Quản trị học		x				x					x
20	Marketing căn bản		x									x
21	Tài chính - Tiền tệ		x									x
II.2	<i>Kiến thức ngành</i>											
22	Tổng quan du lịch			x			x			x	x	x
23	Quản lý nhà nước về du lịch			x	x		x				x	x
24	Quản trị doanh nghiệp du lịch			x	x		x	x		x	x	x
25	Quản trị nguồn nhân lực			x	x		x	x	x	x	x	x
26	Quản trị sự kiện			x	x		x	x	x	x	x	x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
		Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm
												NL
KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5			
27	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú			x	x		x		x	x	x	x
28	Quản trị chất lượng du lịch			x	x		x			x	x	x
29	Marketing du lịch			x	x		x					
30	Quản trị lễ tân			x	x		x		x		x	x
31	Thương mại điện tử		x									
32	Tâm lý khách hàng du lịch		x	x			x				x	x
33	Văn hóa ẩm thực		x	x			x					
34	Đạo đức nghề du lịch			x			x		x		x	x
35	Du lịch bền vững			x					x	x	x	x
36	Kế toán tài chính		x									x
37	Quản trị điểm đến du lịch			x	x				x		x	x
38	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành			x	x		x		x	x	x	x
39	Kỹ năng phát triển nghề du lịch	x		x					x	x	x	x
40	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch			x	x		x					x
41	Hướng dẫn du lịch			x	x		x				x	x
42	Quản trị kinh doanh khách sạn			x	x		x		x	x	x	x
43	Du lịch sinh thái			x					x	x	x	x
44	Du lịch văn hóa Việt Nam			x					x	x	x	
45	Thực tập khách sạn			x	x		x	x	x	x	x	x
46	Thực tập lữ hành			x	x		x	x	x	x	x	x
II.2.2	Tự chọn											
47	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	x										x
48	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	x										x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA										
		Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL
49	Lịch sử văn minh thế giới	x		x	x		x	x	x	x	x	x
50	Lịch sử Việt Nam đại cương	x		x	x		x	x	x	x	x	x
51	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x		x	x		x	x	x	x		x
52	Tin học ứng dụng		x									x
53	Phân tích định lượng		x									x
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp											
54	Thực tập tốt nghiệp			x	x		x	x				x
55	Khóa luận tốt nghiệp			x	x		x	x				x
II.4	Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp											
56	Quản trị chiến lược			x	x		x					x
57	Tài nguyên và kinh doanh du lịch			x	x		x					x
	Tổng số											

4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương									
I.1	Lý luận chính trị									
1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	LTML2101	2							
2	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	LTML2102		3						
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	LTĐL2101				3				
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LTTT2101			2					

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I.2	Khoa học xã hội									
5	Kỹ năng mềm	KTQU2151				2				
6	Pháp luật đại cương	LTPL2101	2							
I.3	Ngoại ngữ									
7	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3							
8	Tiếng Anh 2	NNTA2102		3						
9	Tiếng Anh 3	NNTA2103			2					
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học									
10	Toán cao cấp	KDTO2108	3							
11	Tin học đại cương	CTKH2151	2							
I.5	Giáo dục thể chất		x	x	x	x				
I.6	Giáo dục quốc phòng- An ninh									
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
II.1	Kiến thức cơ sở ngành									
12	Kinh tế vi mô	KTKH2301	3							
13	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302		3						
14	Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2301		2						
15	Nguyên lý thống kê kinh tế	KTPT2301		2						
16	Nguyên lý kế toán	KTKE2501			3					
17	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	KTPT2302							2	
18	Điểm đến du lịch	KTDL2401				3				
19	Quản trị học	MNT101		3						
20	Marketing căn bản	BMA202		2						
21	Tài chính - Tiền tệ	FIMO203			2					
II.2	Kiến thức ngành									
22	Tổng quan du lịch	OVT101			3					
23	Quản lý nhà nước về du lịch	SMT202						2		
24	Quản trị doanh nghiệp du lịch	MTA202				3				
25	Quản trị nguồn nhân lực	HRM 203			3					
26	Quản trị sự kiện	ETM203					3			
27	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	MIR202					3			

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
28	Quản trị chất lượng du lịch	TQM203				2				
29	Marketing du lịch	TMG202						3		
30	Quản trị lễ tân	FOM203					2			
31	Thương mại điện tử	KTQU2506			2					
32	Tâm lý khách hàng du lịch	PGT203				3				
33	Văn hóa ẩm thực	FOC102					3			
34	Đạo đức nghề du lịch	KTDL2512						2		
35	Du lịch bền vững	STT202						3		
36	Kế toán tài chính	FACT203				2				
37	Quản trị điểm đến du lịch	TDM204						2		
38	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	OMT203							3	
39	Kỹ năng phát triển nghề du lịch	KTQU2586							2	
40	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch	KTDL2517							3	
41	Hướng dẫn du lịch	TVG203							3	
42	Quản trị kinh doanh khách sạn	KTDL2520					3			
43	Du lịch sinh thái	KTDL2519						3		
44	Du lịch văn hóa Việt Nam	KTDL2621						2		
45	Thực tập khách sạn	KTDL2722					4			
46	Thực tập lữ hành	KTDL2723							4	
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghệ									
47	Thực tập tốt nghiệp	ITS204								6
48	Khóa luận tốt nghiệp	DST209								6
	Tổng số tín chỉ mỗi kỳ học		15	18	17	18	18	17	17	12
III.	Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn									
III. 1	Khối kiến thức tự chọn (08/22)									
1	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	CFV102	02/12							
2	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	CNV102								

ST T	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
3	Lịch sử văn minh thế giới	HWC102								
4	Lịch sử Việt Nam đại cương	GHV102								
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNC102								
6	Du lịch văn hóa Việt Nam	KTDL2621								
7	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	KTPT2302	06/10							
8	Kế toán tài chính	FACT203								
9	Thương mại điện tử	KTQU2506								
10	Tin học ứng dụng	API202								
11	Phân tích định lượng	QNA203								
III. 2	Khối kiến thức bổ trợ (6TC)									
1	Quản trị chiến lược	SMN204								
2	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	RTB204								
	Tổng (*) (132/132)									

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN

4.5. Đề cương các học phần

4.5.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1 2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1**
 - * Tiếng Anh: **Basic Principles of Marxist Leninism 1**
- Mã học phần: LTML2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
☒		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 07 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học

- *Về kỹ năng:* Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực nhận thức vấn đề theo thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan cách mạng, góp phần hình thành nhân cách người học theo chuyên ngành được đào tạo.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chương 2: Phép biện chứng duy vật
- Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình môn Triết học Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia (2010), Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC -LÊNIN	3			3	6	Đọc TLC, từ trang 09 – 23
I. Khái lược về chủ nghĩa Mác –	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lênin 1. Chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành 2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin						
II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1. Đối tượng, mục đích học tập, nghiên cứu 2. Một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu	1			1	2	
Chương 1. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	3		2	5	10	Đọc TLC từ trang 33 – 60, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 1.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học 1.1.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật	1		1	2	4	
1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 1.2.1. Vật chất 1.2.2. Ý thức 1.2.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thức 1.2.4. Ý nghĩa phương pháp luận						
Chương 2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	9		3	12	24	
2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.1.1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng 2.1.2. Phép biện chứng duy vật	1			1	2	Đọc TLC từ trang 61 -124, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.2.1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến 2.2.2. Nguyên lý về sự phát triển	2		1	3	6	
2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.3.1. Cái chung và cái riêng 2.3.2. Nguyên nhân và kết quả 2.3.3. Tất nhiên và ngẫu nhiên 2.3.4.Nội dung và hình thức 2.3.5. Bản chất và hiện tượng 2.3.6. Khả năng và hiện thực	2			2	4	
2.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.4.1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại 2.4.2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập 2.4.3.Quy luật phủ định của phủ định	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng <i>2.5.1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức</i> <i>2.5.2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý</i>	2		1	3	6	
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	7		2	9	18	
3.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất <i>3.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó</i> <i>3.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</i>	2		1	3	6	Đọc TLC từ trang 125 - 182, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng <i>3.2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i> <i>3.2.2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i>	1			1	2	
3.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội <i>3.3.1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội</i> <i>3.3.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội <i>3.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế xã hội</i> <i>3.4.2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội</i> <i>3.4.3. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế xã hội</i>	1			1	2	
3.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp <i>3.5.1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</i> <i>3.5.2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</i>	1			1	2	
3.6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân <i>3.6.1. Con người và bản chất của con người</i> <i>3.6.2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân .</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22		08	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.2. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2**
 - * Tiếng Anh: **Basic Principles of Marxist Leninism 2**
- Mã học phần: LTML2102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học
- *Về kỹ năng*: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ kinh tế, chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 4,5,6 trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- Chương 7,8 khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội.
- Chương 9 khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 185-217, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá 4.1.1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá 4.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá	1		0.5	1.5	3	
4.2. Hàng hoá 4.2.1. Hàng hoá và hai thuộc tính hàng hoá 4.2.2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá	2		0.5	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá						
4.3. Tiền tệ 4.3.1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ 4.3.2. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ	1		0.5	1.5	3	
4.4. Quy luật giá trị 4.4.1. Nội dung và yêu cầu của quy luật giá trị 4.4.2. Tác động của quy luật giá trị	1		0.5	1.5	3	
Chương 5. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ	12		3	15	30	Đọc TLC từ trang 218-312, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản 5.1.1. Công thức chung của tư bản 5.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản 5.1.3. Hàng hoá sức lao động	2		0.5	2.5	5	
5.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.2. Bản chất của tư bản. Sự	2		1.0	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến</i> <i>5.2.3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư</i> <i>5.2.4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư</i> <i>5.2.5. Sản xuất giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản</i>						
<i>5.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản</i> <i>5.3.1. Bản chất kinh tế của tiền công</i> <i>5.3.2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong CNTB</i> <i>5.3.3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế</i>	2			2.0	4.0	
<i>5.4. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản-tích lũy tư bản</i> <i>5.4.1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản</i> <i>5.4.2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản</i> <i>5.4.3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản</i>	2		0.5	2.5	5	
<i>5.5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư</i> <i>5.5.1. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản</i> <i>5.5.2. Tái sản xuất và lưu thông</i>	2			2.0	4.0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>của tư bản xã hội</i> 5.5.3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản						
5.6. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư 5.6.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận 5.6.2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất 5.6.3. Sự chuyển hoá của giá trị hàng hoá thành giá cả sản xuất 5.6.4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản	2		1.0	3.0	6	
Chương 6. HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC	5		2	7	14	
6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền 6.1.1. Những nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh thành chủ nghĩa tư bản độc quyền 6.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền	2		1.0	3.0	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.1.3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền						
6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 6.2.1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 6.2.2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	1			1.0	2	
6.3. Chủ nghĩa tư bản ngày nay và những biểu hiện mới của nó. 6.3.1. Những biểu hiện mới trong năm đặc điểm của CNTB độc quyền. 6.3.2. Những biểu hiện mới trong cơ chế điều tiết kinh tế của CNTB độc quyền Nhà nước 6.3.3. Những nét mới trong sự phát triển của CNTB hiện đại	1			1.0	2	
6.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản 6.4.1. Vai trò của CNTB đối với sự phát triển của nền sản xuất xã	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hội 6.4.2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản 6.4.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 7. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 358-416, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.1.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.1.2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.1.3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	2		1.0	3	6	
7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó 7.2.2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.2.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân	2		0.5	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN</i>						
7.3. Hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa <i>7.3.1. Xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa</i> <i>7.3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội CSCN</i>	1		0.5	1.5	3	
Chương 8. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		2	5	10	
8.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN <i>8.1.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa</i> <i>8.1.2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa</i>	1		0.5	1.5	3	
8.2. Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa <i>8.2.1. Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</i> <i>8.2.2 Tính tất yếu của việc xây</i>	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa</i> 8.2.3. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa						
8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo 8.3.1. Vấn đề dân tộc và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc 8.3.2. Tôn giáo và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo	1		1.0	2	4	
Chương 9. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG	2			2	4	
9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực 9.1.1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới 9.1.2. Sự ra đời của hệ thống XHCN và những thành tựu của nó	1			1	2	Đọc TLC từ trang 463-488, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó 9.2.1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Xôviết 9.2.2. Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết						
9.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội 9.3.1. Chủ nghĩa tư bản – không phải là tương lai của xã hội loài người 9.3.2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người.	0.5			0.5	1	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32		13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - Tiếng Anh: Revolutionary Policies of Vietnamese Communist Party
- Mã học phần: LTĐL2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghề nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam và đánh giá được kết quả thực hiện đường lối đó.

- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hóa; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, HN.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

- Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, HN.
- Website: www.tapchicongsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Bản đồ tư duy

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG,	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM						Đọc TLC, chương mở đầu
1.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu 1.1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu						
1.2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học 1.2.1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học 1.2.2. Ý nghĩa của việc học tập môn học						
Chương 1. SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG	4		1	5	10	- Đọc TLC, chương 1; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1.1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX 1.1.2. Hoàn cảnh trong nước	2			2	4	
1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.2.1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Đảng						
Chương 2. ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)	4		1	5	10	- Đọc TLC, chương2; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
2.1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939 2.1.1.Trong những năm 1903-1935 2.1.2.Trong những năm 1936-1939	2			2	4	
2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945 2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 2.2.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền	2		1	3	6	
Chương 3. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)	4		2	6	12	- Đọc TLC, chương3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
3.1. Đường lối kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945-1954) 3.1.1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 3.1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954) 3.1.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954-1975) 3.2.1. Đường lối trong giai đoạn 1954-1964 3.2.2. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975 3.2.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm	2		1	3	6	- Đọc TLC, chương 4; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Chương 4. ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA	4		1	5	10	
4.1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới 4.1.1. Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa 4.1.2. Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa	1			1	2	
4.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới 4.2.1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa 4.2.2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa 4.2.3. Nội dung và định hướng CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức 4.2.4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	3		1	4	8	
Chương 5. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		2	5	10	- Đọc TLC, chương 5; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kinh tế thị trường 5.1.1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới 5.1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới						
5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta 5.2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản 5.2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 5.2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	SV ôn kiến thức đã học
Chương 6. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	3		1	4	8	- Đọc TLC, chương6; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
6.1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985) 6.1.1. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945-1954) 6.1.2. Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954-1975) 6.1.3. Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975-1985)	1		1	2	4	
6.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.1. Đổi mới tư duy về hệ thống	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
chính trị 6.2.2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.3. Đánh giá sự thực hiện đường lối						
Chương 7. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI	6		3	9	18	- Đọc TLC, chương7; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa 7.1.1. Thời kỳ trước đổi mới 7.1.2. Trong thời kỳ đổi mới	3		2	5	10	
7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội 7.2.1. Thời kỳ trước đổi mới 7.2.2. Trong thời kỳ đổi mới	3		1	4	8	
Chương 8. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI	3		2	5	10	- Đọc TLC, chương8; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
8.1. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986 8.1.1. Hoàn cảnh lịch sử 8.1.2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng 8.1.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	1		1	2	4	
8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới 8.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối 8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.2.3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân						
Cộng	32		13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
- Tiếng Anh: **Ho Chi Minh's Ideology**
- Mã học phần: LTTT2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 50 phút/tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng sáng tạo tri thức môn học, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm* :

NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Mô tả vắn tắt nội dung ngoài Chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2013), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS.Song Thành (2009), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Lý luận chính trị.
2. GS. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia , Hà Nội

3. Ban Tuyên giáo trung ương - Thông tấn xã Việt Nam (2007), *Những mẩu chuyện về tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin, Hà Nội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

• Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
I. Đối tượng nghiên cứu 1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh	1				2	Đọc TLC trang 9-24 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac- Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam II. Phương pháp nghiên cứu 1. Cơ sở phương pháp luận: 2. Các phương pháp cụ thể: III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên 1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác 2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị						giảng viên
Chương 1. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.	3		1	4	8	
1.1. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1.1 Cơ sở khách quan 1.1.2. Nhân tố chủ quan	1				2	Đọc TLC trang 25-56
1.2. Quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2.1.Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước.	2		1		6	Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.2.2. Thời kỳ từ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc 1.2.3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 1.2.4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng 1.2.5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện 1.3. Giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc 1.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới						
Chương 2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC	3		1	4	8	
2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề Dân tộc 2.1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa 2.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp	1				2	Đọc TLC trang 57- 95 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Cách mạng giải phóng dân tộc <i>2.2.1.Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc</i> <i>2.2.2.Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản</i> <i>2.2.3.Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo</i> <i>2.2.4.Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc</i> <i>2.2.5.Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc</i> <i>2.2.6.Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực</i>	2		1		6	giảng viên
Chương 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	2		1	3	6	
3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC trang 96-127

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam						Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Con đường, biện pháp quá độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam 3.2.2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.	1		1	2	4	
Chương 4. TƯỚNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	3		1	4	8	
4.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam 4.1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản	2		1	3	6	Đọc TLC trang 128- 162 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Việt Nam						
4.1.4.Quan niệm về Đảng Cộng sản cầm quyền						
4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh 4.2.1. Xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng 4.2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	Sinh viên ôn tập kiến thức từ chương 1 đến chương 4
Chương 5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 5.1.1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng 5.1.2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc 5.1.3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc	2			2	4	Đọc TLC trang 163-203 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1 Vai trò của đoàn kết quốc tế	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.2.2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế						
Chương 6. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN	3		1	4	8	
6.1. Xây dựng nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân 6.1.1.Nhà nước của dân 6.1.2. Nhà nước do dân 6.1.3. Nhà nước vì dân 6.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước 6.2.1. Về bản chất giai cấp công nhân của nhà nước 6.2.2 Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhâ dân, tính dân tộc của nhà nước	2			2	4	Đọc TLC trang 204- 228; Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của
6.3. Xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ 6.3.1 Xây dựng nhà nước hợp hiến, hợp pháp 6.3.2. Hoạt động quản lý của nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật và	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
trú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống 6.4. Xây dựng nhà nước trong sạch hoạt động có hiệu quả 6.4.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài 6.4.2. Đề phòng khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước						giảng viên
CHƯƠNG 7. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI	3		2	5	10	
7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá 7.1.1. Định nghĩa về văn hoá và quan điểm xây dựng nền văn hóa mới 7.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hoá. 7.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hoá	1			1	2	Đọc TLC trang 229-284. Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
7.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 7.2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 7.2.2. Sinh viên học tập và làm theo	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh						
7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới 7.3.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về Con người 7.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"	1		1	2	4	
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.5. Kỹ năng mềm

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kỹ năng mềm**
 - Tiếng Anh: **Soft Skills**
- Mã học phần: KTQU2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy các ngành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống như: quá trình giao tiếp, quá trình giải quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, thực tiễn đi xin việc và hòa nhập với công việc mới.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Thị Thu (2018), *Giáo trình kỹ năng mềm*, NXB Xây dựng.

2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, NXB Thời đại.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
2. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
4. Huỳnh Phú Thịnh (2009), *Giáo trình Kỹ năng tìm việc làm*, Trường Đại học An Giang.
5. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.
6. M.S. Rao (2012), *Soft Skills for Students – Classroom to Corporate*, Bhawani Gali..

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, làm việc nhóm, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	3			3	6	
1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP	6	3		10	20	
2.1. Giao tiếp <i>2.1.1. Khái niệm và vai trò của giao tiếp</i> <i>2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp</i> <i>2.1.3. Chức năng của giao tiếp</i> <i>2.1.4. Phân loại giao tiếp</i>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Các phương tiện giao tiếp <i>2.2.1. Ngôn ngữ</i> <i>2.2.2. Phi ngôn ngữ</i>	2	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 1
2.3. Các phong cách giao tiếp <i>2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp</i> <i>2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp</i>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản <i>2.4.1. Kỹ năng lắng nghe</i> <i>2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi</i> <i>2.4.3. Kỹ năng thuyết phục</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.4. Kỹ năng thuyết trình 2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 2.4.6. Kỹ năng viết						
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến		1		1	2	Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	4	2		6	12	
3.1. Khái quát về làm việc nhóm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.2. Xây dựng nhóm làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm 3.3.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm 3.3.2. Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm 3.3.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm 3.3.4. Kỹ năng lãnh đạo nhóm	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ chức (Tình huống)		1		1	2	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	7	3		10	20	Đọc TLC 1, chương 2
4.1. Kỹ năng đánh giá năng	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp 4.1.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân 4.1.2. Kỹ năng xác định mục tiêu nghề nghiệp						
4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm 4.2.1. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới 4.2.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3
4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc 4.3.1. Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc 4.3.2. Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc 4.3.3. Nghệ thuật viết đơn xin việc 4.3.4. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng 4.4.1. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn 4.4.2. Các vòng phỏng vấn 4.4.3. Các hình thức phỏng vấn	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn						
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ 4.5.1. Thương lượng về tiền lương 4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế	0,5	0,5		2		Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra (thảo luận nhóm)			1	1	2	Đọc TLC 2, chương 3
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.6. Pháp luật đại cương

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**
 - Tiếng Anh: **Basic Law**
- Mã học phần: LTPL2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung;
 - + Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- *Về kỹ năng:*
 - + So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;
 - + So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau;
 - + Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - NL1:** Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.
 - NL2:** Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;
- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý;
- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015, *Pháp luật đại cương*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Nguyễn Minh Đoan (2016), *Lý luận về Nhà nước và Pháp luật*; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội

3. Vũ Quang (2015), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Lệ Thu (2012), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;

4. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*;

5. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*;

6. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*;

7. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*;

8. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*;

9. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014*;

10. Quốc hội (2005), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2012*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tình huống

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	04		02	06	12	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, VI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.1.1. Nguồn gốc 1.1.2. Bản chất 1.1.3. Hình thức 1.1.4. Chức năng	02		01	03	06	
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 1.2.1. Nguồn gốc và bản chất 1.2.2. Thuộc tính 1.2.3. Hình thức	02		01	03	06	
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ	05	03		08	16	
2.1. Quy phạm pháp luật	01			1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. 1.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành		01				II - Đọc TLC 2, Chương VII - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Quan hệ pháp luật 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành	01			1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VIII - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.3. Vi phạm pháp luật 2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu 2.3.2. Các yếu tố cấu thành	02	02		04	08	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.4. Trách nhiệm pháp lý 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Phân loại	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	11	02	03	16	32	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1. Luật Hiến pháp 3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh 3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp năm 2013	01		01	02	04	- Đọc TLC 1, Chương IV - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Luật Hành chính 3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương V - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.3. Luật Dân sự 3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.3.2. Quyền sở hữu 3.3.3. Quyền thừa kế	01	02		03	06	- Đọc TLC 1, Chương VII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 5 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.4. Luật Hình sự 3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.4.2. Tội phạm 3.4.3. Hình phạt	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VI - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 6 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						viên
3.5. Luật lao động 3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.5.2. Hợp đồng lao động 3.5.3. Bảo hiểm xã hội	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VIII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 7 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.6. Luật hôn nhân và gia đình 3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.6.2. Chế định kết hôn	01			01	02	- Đọc TLĐT 1, Chương 6 - Đọc TLĐT 8 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.7. Luật kinh tế 3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương IX - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 9 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng 3.8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng 3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng	04		01	05	10	- Đọc TLĐT 2 - Đọc TLĐT 10 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			01	01	02	
Tổng	20	05	05	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.7. Tiếng Anh 1

3TC

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần
Tiếng Việt: **Tiếng Anh 1**
Tiếng Anh: **English 1**
- Mã học phần: NNTA2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 8 tiết
 - Bài tập : 14 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 21 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
- Thời gian tự học: : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức:
 - + Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

+ Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

+ Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về kĩ năng:

* Kỹ năng đọc:

1. Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.

2. Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

- Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....

- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối

- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.
- Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Module 1: People and places
- Module 2: Everyday Life
- Module 3: Loves and Hates
- Module 4: Eating and Drinking
- Module 5: Extraordinary Lives
- Module 6: Buying and Selling
- Module 7: The world around us
- Module 8: Going Places

4. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính: Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). *New Cutting Edge, Elementary*. Harlow: Pearson Longman.
- Tài liệu tham khảo:
 1. Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2015). *Life (Vietnam Edition)*. National Geographic Learning. Cengage Learning. A1/A1-A2
 2. Thomson, A.J., & Martinet, A.V. (1992). *A practical English Grammar*. Oxford University Press.
 3. Memarzadeh, A. (2007). *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
 4. Esol examinations. (2013). *Preliminary English Test*. Cambridge University Press.
 5. Department of Foreign Language. (2014). *Practice Exercise 1*. Internal circulation. Hanoi University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần:

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1: People and places	1	1	2	4	8	
• Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11) • Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11) • Viết: Viết một đoạn văn						• Cách sử dụng của động từ To Be • Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
ngắn giới thiệu về bản thân (p. 12, 13) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2- 1e. Viết về thông tin cá nhân (p.17) - Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p. 12,13) - Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá nhân điền vào bảng. (p.14, 15) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2- 1c. Đọc thông tin về con người trên thế giới (p.14,15) - Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16)						Số đếm trong TA <u>Tự học:</u> Module 2: You and Yours (p20-25)
Module 2: Everyday Life	1	1	2	4	8	
- Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) - Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) Tham khảo: Unit 8 - Life A1-8a. Đọc và nghe thông tin về cuộc sống hàng						- Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn - Cách nói thời gian trong TA (p.30) - Nói về các hoạt động thường làm vào

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
ngày của 1 nhà văn ở Trung Quốc (p.94,95) - Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc và so sánh với người Việt Nam (p.29) - Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) - Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31)						ngày nghỉ cuối tuần của bản thân
Module 3: Loves and Hates	1	1	2	4	8	
- Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) - Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) Tham khảo: Unit 6 - Life A1-6b. Từ vựng và bài đọc về sở thích (p.72,73) - Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35) - Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử						- Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích - Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn - Nói về sở thích cá nhân

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng như các cách đáp lại (p.40)						
Module 4: Eating and Drinking	1	1	2	4	8	
- Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53) - Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54) Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 5 - Life A1-A2- 5b. Đọc về top 5 chợ ẩm thực trên thế giới (p.60) - Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng các câu hỏi trang 56 để hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p. 56) - Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.58)						- Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ ăn - Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt some và any - Cấu trúc How much / How many - Nói về thói quen ăn uống của bản thân. Tự học: Module 5: Getting from A to B (p.42-49)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
Module 5: Extraordinary Lives	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) - Đọc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) - Nghe : Nghe Mariene kể về cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66) Tham khảo: Unit 11 - Life A1-11b. Đọc và nghe một đoạn phỏng vấn người phiêu lưu mạo hiểm (p.132,133) - Nói 2: Làm việc theo nhóm. Nói về lần cuối làm một việc gì đó là khi nào (p.65) - Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66)						- Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn - Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn - Từ vựng về các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ) - Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp án (p.63) - Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân
Consolidation Modules 1-6 Revision 1			2	2	8	
Progress Test 1		1	1	2		
Module 6: Buying and	1	1	2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
Selling						
- Nói 1: So sánh các cặp đồ vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79) - Đọc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81) - Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83) - Nói 2: Trình bày ý kiến cá nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84) Tham khảo: Unit 5- Life A1- 5b. Từ vựng và nghe nói về giá cả (p.64)						- Từ vựng về chủ đề mua sắm - Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so sánh bắt quy tắc - Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm - Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84) - Nói về thói quen mua sắm của bản thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam Tự học: Module 10: Street life (p.86-93)
Module 7: The world around us	1	1	2	4	8	
Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn						Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
(p.96-97) - Tham khảo: Unit 8- Life A1- 8c. Đọc bài về loài hổ (p.98,99) - Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thế giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102) - Nghe: Nghe về 2 loài vật thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100) - Viết : Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn (100–120 từ) để miêu tả loài vật đó						- Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng - Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh- questions) - Cách sử dụng các mạo từ A/AN/THE - Nói về một loài vật yêu thích Tự học: Module 13: Learning for the future (p.86-93)
Unit 8: Going Places	1	1	2	4	8	
Nghe : Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129) - Nói : Làm việc theo cặp / nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133) - Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132) - Viết: miêu tả một địa						- Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố - Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu Have to/don’t have to và Can/can’t - Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g		
danh nổi tiếng Tham khảo: Unit 3- Life A1-A2- 3e. Viết về 1 địa danh (p.41)						131) - Các cách hỏi và chỉ đường - Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích Tự học: <i>Module 12: A weekend away</i> (p.104-110)
Consolidation Modules 7 -15 Revision 2			2	2	8	
Progress Test 2		1	1	2		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		4	1	5	10	
Tổng	8	14	23	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.8. Tiếng Anh 2

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần
- Tiếng Việt: **Tiếng Anh 2**
- Tiếng Anh: **English 2**
- Mã học phần: NNTA2102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Tiếng Anh 1

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : 5 tiết
- Làm bài tập trên lớp : 20 tiết
- Thảo luận : 20 tiết
- Tự học : 90 giờ

- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của môn học

Về kiến thức: Sau khi học xong môn học sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.

Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.

- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

- Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....

- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối

- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng. Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Leisure and Lifestyle

Module 2: Important Firsts

Module 3: At rest, at work

Module 4: Special Occasions

Module 5: Appearances

Module 6: Ambitions and Dreams

Module 7: Countries and cultures

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu bắt buộc: New cutting Edge (Pre- Intermediate)

4.2 Tài liệu bổ trợ:

- A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.
- Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
- Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.

- Department of Foreign Language. 2015. *Practice exercise 1*. Internal circulation.
- University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Yêu cầu sinh viên thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được ghi trong đề cương môn học:

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Module 1: Leisure and Lifestyle	1	1	2		4	8	

- Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí. - Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11) - Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13)							- củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 2: Important Firsts	1	1	2		4	8	
- Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng đã xảy ra trong quá khứ, trả lời câu hỏi liên quan (p.10,21) - Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. - Viết: Viết một đoạn văn kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà) - Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả cảm xúc - Từ vựng: Các tính từ miêu tả.							- Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ đơn - Các liên từ sử dụng trong văn trần thuật
Module 3: At rest, at work	1	2	1		4	8	

- Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25) - Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26) - Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27) - Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29) - Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29) - Từ vựng: Hoạt động thường nhật							- Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO - Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp
Module 4: Speacial Occassions		2	2		4	8	
- Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33) - Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37) - Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39) - Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà) - Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội đặc biệt.							- Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện tại tiếp diễn - Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai - Từ vựng về Ngày , tháng, năm - Từ vựng về các ngày lễ tết và các hoạt động thường

							trong các lễ hội đặc biệt.
Consolidation Modules 1-4 Progress Test 1: Written test		3	1		4		
Module 5: Appearances	1	1	2		4	8	
- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa và nay (p.42,43) - Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình (p.44,45) - Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47) - Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính cách)							- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh - Từ vựng về mô tả ngoại hình và tính cách
Module 6: Ambitions and Dreams	1	2	1		4	8	
- Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ và thành quả - Nói: nói về những ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai							- Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn. Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này. - Đặc biệt chú ý về động từ bất quy tắc và quá khứ phân từ.
Module 7: Countries and cultures		2	2		4	8	
- Đọc hiểu về các thông tin							- Ôn lại cách sử

địa lý. Đọc đoạn văn để trả lời câu hỏi. - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên quan đến đặc điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường. - Viết: Thiệp mời							dụng mạo từ. Từ chỉ số lượng với danh từ đếm được và không đếm được. - Tự học: Module 10+ 11: (p.90-98)
Consolidation Modules 5-8		3	1		4	8	
Progress test 2 – Oral Test			4		4	8	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2				Preparation for the final exam
Cộng	5	20	20		45	90	

4.5.9. Tiếng Anh 3

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tiếng Anh 3**
 - Tiếng Anh: **English 3**
- Mã học phần: NNTA2103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 05 tiết
 - Làm bài tập trên lớp: 11 tiết
 - Thực hành, thực tập, thảo luận: 14 tiết
 - Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Về kiến thức ngôn ngữ

* *Ngữ âm*: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp.

* *Ngữ pháp*: Có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu.

* *Từ vựng*: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

Về các kỹ năng ngôn ngữ

* *Kỹ năng đọc*:

- Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình.
- Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu.
- Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.
- Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.

* *Kỹ năng nói*:

- Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản.

- Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.
- Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể cố thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân.

** Kỹ năng viết*

- Viết về một chủ đề với những gợi ý
- Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ
- Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản.

** Kỹ năng nghe*

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận.

** Các nhóm kỹ năng khác*

- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng).
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình.
- Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học.
- Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet ...
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Old and New

Module 2: Take care

Module 3: Got to have it

Module 4: Choosing the right person

Module 5: Money, money, money

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), *New cutting Edge (Pre- Intermediate)*, Pearson Longman

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet (1992), *A practical English grammar*, Oxford University Press.

2. Alireza Memarzadeh(2007),*IELTS maximiser speaking*, Oxford University Press.

3. Esol examinations (2013),*Preliminary English test*, Cambridge University Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Module 1: Old and New	1	2	2	5	10	
- Đọc: <i>The 1900 house</i> (p.80-81) - Nói: Facelift (p.84-85) - Viết: <i>Imagine your life without Internet and mobile phone</i>						-Ngữ pháp: May, might, will, definitely, etc...; - Thời hiện tại sử dụng với if, when, before, etc... -Từ vựng: Hiện đại và truyền thống -Chủ điểm từ vựng: IF
Module 2: Take care	1	2	2	5	10	
- Nghe: <i>Health helpline</i> (p.89) - Nói 1: Các cuộc hội thoại tư vấn về bệnh tật (p.89) + Đọc: <i>Hazardous History</i> (p.90-91) + Nói 2: <i>Choose the Hero of the Year</i> (p.94) + Viết: Sử dụng các liên từ trong lối văn tường thuật. Kể về một kỷ niệm đáng nhớ.						-Ngữ pháp: used to; thời quá khứ tiếp diễn -Từ vựng: Sức khỏe và tai nạn
Module 3: Got to have it	1	2	2	5	10	
-Đọc: <i>The World’s Most Popular</i> (p.106-107) -Nói 1: Một thương hiệu mà bạn						-Từ vựng: - danh từ chỉ các đồ vật hàng

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
ưa thích hoặc một sản phẩm mà bạn muốn sở hữu -Nói 2: Lập các bài hội thoại về đưa ra các gợi ý (trong những tình huốngnhất định) (p.112)						ngày, các cấu trúc câu dung để đưa ra lời gợi ý -Ngữ pháp: Câu bị động (thì Hiện tại đơn; Quá khứ đơn) -Ngữ âm: Các phát âm ED sau động từ
PROGRESS TEST 1		2	1	3	6	
Module 4: Choosing the right person	1	1	3	5	10	
- Nói: Mô tả về các hoạt động thể thao (p.114) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.117) - Từ vựng: Mô tả tính cách cá nhân. - Nghe: Nghe thông tin và điền từ vào chỗ trống (p.115) - Viết: Viết đơn xin việc theo mẫu (p.121)						- Củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. Các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
						thông tin cá nhân
Module 5: Money, money, money	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Chia sẻ về những trải nghiệm đã qua thông qua hội thoại và kể chuyện (p.124, 129) - Nghe 1: Nghe ý chính và điền thông tin vào chỗ trống và trả lời câu hỏi (p.126, 130) - Đọc: các số liệu và ghép thông tin chính với từng đoạn văn (P. 125,127). - Viết: Viết câu sử dụng từ gợi ý.						- Thì quá khứ hoàn thành - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ hoàn thành - Từ vựng về kinh tế và tiền tệ - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ hoàn thành (PII)
Consolidation Modules 1-5			1	1	2	– Đọc và dịch lại bài. Hoàn thành các bài tập đi kèm
PROGRESS TEST 2			1	1	2	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		1		1	2	– Ôn tập theo nội dung cho trước.
Cộng	5	11	14	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.10. Toán cao cấp

3 TC1.

Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Toán cao cấp**
 - Tiếng Anh: **Advanced Mathematics for Economics**
- Mã học phần: KDTO2108
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - Bài tập: 18 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn.
- *Về kỹ năng*: Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các kiến thức về ma trận và định thức.
- Các kiến thức về hệ phương trình tuyến tính.
- Các kiến thức về hàm số một biến số.
- Các kiến thức về hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về cực trị của hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về phương trình vi phân.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2012, *Toán học cao cấp (Tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2019, *Bài tập Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2 Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Bài tập Toán cao cấp (Tập 1, 2, 3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu ý kiến; tự nghiên cứu tài liệu ở nhà, chuẩn bị bài trước khi lên lớp; trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; hoàn thành các qui định đúng thời hạn, chuẩn bị chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet),...

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Vấn đáp ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC	5	3		8	16	
1.1. Ma trận 1.1.1. Các định nghĩa 1.1.2. Các phép toán đối với ma trận 1.1.3. Các phép biến đổi sơ cấp đối với ma trận. Hạng của ma trận	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận.
1.2. Định thức của ma trận vuông. 1.2.1. Khái niệm định thức của ma trận 1.2.2. Các tính chất của định thức	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về định thức.
1.3. Ma trận nghịch đảo 1.3.1.Khái niệm và cách tính ma trận nghịch đảo 1.3.2. Tính chất của ma trận nghịch đảo	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận nghịch đảo.
CHƯƠNG 2. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH	5	2		7	14	
2.1. Định nghĩa	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ phương trình tuyến tính.
2.2. Hệ phương trình Cramer	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						giảng và làm bài tập về hệ Cramer.
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	2	1		3	6	Giải thành thạo hệ phương trình tổng quát
2.4. Hệ phương trình thuần nhất	1	1		2	4	Khắc sâu hệ thuần nhất
CHƯƠNG 3. HÀM SỐ MỘT BIẾN SỐ	5	5	1	12	23	
3.1. Các hàm số lượng giác ngược 3.1.1. Hàm số $y = \arcsin x$ 3.1.2. Hàm số $y = \arccos x$ 3.1.3. Hàm số $y = \arctan x$ 3.1.4. Hàm số $y = \operatorname{arccot} x$	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các hàm số lượng giác ngược
3.2. Quy tắc Lôpitan	1	1		2	4	Nắm được Quy tắc Lôpitan và vận dụng được vào việc giải bài tập
3.3. Tích phân suy rộng	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng tích phân suy rộng
3.4. Chuỗi số	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi số
3.5. Chuỗi hàm	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi hàm
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. HÀM SỐ NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Các khái niệm cơ bản	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các khái niệm của hàm số nhiều biến số
4.2. Giới hạn và tính liên tục	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về giới hạn và tính liên tục của hàm số nhiều biến số
4.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng và vi phân toàn phần
CHƯƠNG 5. CỰC TRỊ CỦA HÀM NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
5.1. Cực trị không có điều kiện ràng buộc	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị không có điều kiện ràng buộc
5.2. Cực trị có điều kiện ràng buộc	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị có điều kiện ràng buộc
CHƯƠNG 6. PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN	4	4	1	8	17	
6.1. Phương trình vi phân cấp 1	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 1
6.2. Phương trình vi phân cấp 2 Kiểm tra	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			1	1	2	các dạng phương trình vi phân cấp 2
Cộng	25	18	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.11. Tin học đại cương

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: Tin học đại cương
 - Tiếng Anh: General Informatics
- Mã học phần: CTKH2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy; các ngành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết: Toán cao cấp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Thực hành trên lớp: 9 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
 - Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học máy tính và ứng dụng, Khoa Công nghệ Thông tin

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- **Về kiến thức:** Trình bày được những kiến thức chung về công nghệ thông tin, áp dụng được các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính, Internet.
- **Về kỹ năng:** Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các ứng dụng của công nghệ thông tin như: mạng máy tính, hệ điều hành và các ứng dụng văn phòng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint,...
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có tinh thần học tập chăm chỉ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà; nâng cao tính tích cực trong học và tự học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Sách, giáo trình chính

1. Phạm Thị Anh Lê (2014), *Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
2. Phạm Quang Huy (2019), *Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu*, Nhà xuất bản Thanh niên.
3. Phạm Quang Hiên (2019), Phạm Phương Hoa, *Giáo trình thực hành Excel*, Nhà xuất bản Thanh niên.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Phạm Quang Dũng (2015), *Giáo trình Tin học đại cương*, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
2. Lê Lan Anh (2009), *Giáo trình Tin học đại cương*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
3. Nhiều tác giả (2012), *Tự học Windows 7*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, dạy học thực hành, đàm thoại và tự học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.
- Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, hoàn thiện các bài tập thực hành trên máy tính.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	2			1	3	6	
1.1. Thông tin và xử lý thông tin	1				1	2	• Đọc TLC [1], TLĐT [1] • SV chuẩn bị các kiến
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.3. Biểu diễn thông tin	0.5				0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
trong máy tính							thức cơ bản để nhận biết các thiết bị của máy tính.
1.4. Virus tin học và cách phòng chống	0.5						
1.5. Mạng máy tính và Internet				1	1.5	3	
1.6. Ứng dụng của công nghệ thông tin							
CHƯƠNG 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2			1	3	6	
2.1. Giới thiệu chung 2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành 2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành	1				1	2	• ĐọcTLC [1], TLĐT [1] • SV phải thao tác được với hệ điều hành Windows
2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành 2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành phổ biến							
2.2. Hệ điều hành Windows 2.2.1. Giao diện của hệ điều hành Windows	1			1	2	4	
2.2.2. Quản lý tệp tin, thư mục							
2.2.3. Quản lý đĩa từ 2.5.4. Thay đổi cấu hình (Control Panel)							
CHƯƠNG 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN.	6		1	3	10	20	
3.1. Giới thiệu màn hình làm việc	0.5				0.5	1	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.2. Các thao tác cơ bản							
3.3. Thực hiện định dạng văn bản 3.3.1. Định dạng ký tự	2			1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
(Font) 3.3.2. Định dạng đoạn văn bản (Paragraph) 3.3.3. Bao khung và tô nền cho đoạn văn 3.3.4. Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn bản (Bullets and Numbering) 3.3.5. Chia cột văn bản (Columns) 3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap) 3.3.7. Định dạng Tab							
3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản 3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol) 3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art) 3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh 3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box) 3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes) 3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart) 3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học(Equantion)	1.5			1	2.5	5	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng 3.5.3. Định dạng trên bảng	1			0.5	1.5	3	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.5.3. Tính toán trên bảng							
3.6. Một số chức năng khác 3.6.1. Tìm kiếm và thay thế 3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm 3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động 3.6.6.Trộn thư	0.5			0.5	1	2	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer 3.7.3. Ngắt trang 3.7.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	- Đọc TLC [3], TLĐT [3]
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel 4.1.1. Giới thiệu 4.1.2. Màn hình làm việc 4.1.3. Cấu trúc một Workbook 4.1.4. Cấu trúc một WorkSheet 4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử	0.5				0.5	1	
4.2. Các thao tác cơ bản	0.5			0.5	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.2.1. Xử lý trên vùng 4.2.2. Thao tác trên cột và dòng 4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin 4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel							- SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
4.3. Các hàm cơ bản trong Excel	3			1.5	4.5	9	
4.3.1.Cách sao chép công thức							
4.3.2. Cú pháp chung của hàm 4.3.3. Cách sử dụng các hàm 4.3.4. Các hàm thông dụng							
4.4. Cơ sở dữ liệu 4.4.1.Khái niệm 4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu 4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu	1			0.5	1.5	3	
4.5. Biểu đồ trong Excel	0.5			0.5	1	2	
4.5.1. Các thành phần của biểu đồ 4.5.2. Các bước dựng biểu đồ 4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ							
4.6. In ấn 4.6.1. Định dạng trang in 4.6.2. Xem văn bản trước khi in 4.6.3. In tài liệu	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8	- Đọc TLC [1] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0.5				0.5	1	
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5	1	2	
5.4. Cập nhật và định dạng 5.4.1. Cửa sổ trong các Slide	1.5			0.5	2	4	
5.4.2. Thao tác trên Slide 5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình							
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn	0.5				0.5	1	
Cộng	19		2	9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

4.5.12. Kinh tế vi mô

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vi mô**
 - Tiếng Anh: **Microeconomic**
- Mã học phần: KTKH2301
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.
- *Về kỹ năng:*
 - + Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.
 - + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.
 - + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.
 - + Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định.
 - + Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic
 - + Rèn luyện tính chủ động, linh hoạt trong xử lý tình huống phát sinh
 - + Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vì mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
 - + Hiểu được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về

cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), *GT Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản xây dựng.
2. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), *GT Nguyên lý kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
3. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2014), *Giáo trình Kinh tế vi mô*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
4. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2010), *Kinh tế học vi mô*, NXB Đại học KTQD.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Kim Dũng (2008), *Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Vũ Kim Dũng và Đinh Thiện Đức (2010), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB văn hóa thông tin.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục.
4. Viện Đại học Mở HN (2009), *GT Kinh tế học vi mô*, NXB Thống kê.
5. Nguyễn Văn Dân (2012), *Kinh tế vi mô*, NXB Tài chính.
6. Robert C. Guell, dịch giả: Nguyễn Văn Dung (2009), *Kinh tế vi mô*, NXB Đồng Nai.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết để làm bài tập ở nhà;
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tập tại nhà và sửa chữa trên lớp
- Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ HỌC	3,5			3,5	7	
1.1. Khái niệm về kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
1.2. Phân loại kinh tế học 1.2.1. Phân loại kinh tế học theo cách thức nghiên cứu 1.2.2. Phân loại kinh tế học theo phạm vi nghiên cứu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.3. Các vấn đề cơ bản của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Mười nguyên lý của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.5. Chi phí cơ hội và đường giới hạn khả năng sản xuất 1.5.1. Chi phí cơ hội	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất						
1.6. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vi mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. CẦU - CUNG HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	8	2,5		10,5	21	
2.1. Thị trường 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Phân loại thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
2.2. Cầu 2.2.1. Một số khái niệm 2.2.2. Luật cầu 2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu 2.2.4. Hàm số cầu và đường cầu 2.2.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2
2.3. Cung 2.3.1. Một số khái niệm 2.3.2. Luật cung 2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung 2.3.4. Hàm số cung và đường cung 2.3.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2
2.4. Trạng thái thị trường 2.4.1. Trạng thái cân bằng và sự thay đổi của trạng thái cân bằng 2.4.2. Trạng thái dư thừa và thiếu hụt	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.5. Hệ số co giãn	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5.1. Hệ số co giãn của cầu 2.5.2. Hệ số co giãn của cung theo giá						chương 2; Đọc TLC 3, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.6. Một số ứng dụng lý thuyết cung cầu trong việc hoạch định chính sách của chính phủ 2.6.1. Chính sách thuế và trợ cấp 2.6.2. Chính sách kiểm soát giá	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
Chương 3. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG	4	2	1,5	7,5	15	
3.1. Lợi ích 3.1.1. Một số khái niệm 3.1.2. Thặng dư tiêu dùng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
3.2. Đường bàng quan 3.2.1. Khái niệm về đường bàng quan 3.2.2. Tỷ lệ thay thế biên 3.2.3. Mối quan hệ giữa lợi ích biên và tỷ lệ thay thế biên 3.2.4. Đường bàng quan với các sở thích khác nhau	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4
3.3. Đường ngân sách 3.3.1. Khái niệm về đường ngân sách 3.3.2. Tác động của sự thay đổi về thu nhập và giá cả đối với đường ngân sách	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.4. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4.1. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp hình học 3.4.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp số nhân Lagrange 3.4.3. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp trực quan						Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.5. Ảnh hưởng của thu nhập và giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.5.1. Ảnh hưởng của thu nhập đến sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.5.2. Ảnh hưởng của giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng	0,5	0,5	0,5	1,5	3	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.6. Đường cầu thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA NHÀ SẢN XUẤT	6,5	2,5		9	18	
4.1. Lý thuyết sản xuất 4.1.1. Sản xuất và hàm sản xuất 4.1.2. Sản xuất với một yếu tố đầu vào biến đổi 4.1.3. Sản xuất với hai yếu tố đầu vào biến đổi	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.2. Lý thuyết chi phí sản xuất 4.2.1. Chi phí kinh tế và chi phí kế toán 4.2.2. Chi phí ngắn hạn 4.2.3. Chi phí dài hạn	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 4; Làm bài tập chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3. Lý thuyết lợi nhuận <i>4.3.1. Khái niệm và phương pháp xác định lợi nhuận</i> <i>4.3.2. Doanh thu biên, chi phí biên và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận tổng quát</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Tối đa hóa doanh thu	1	0,5		1,5	3	Đọc TLĐT 5, chương 5; Làm bài tập chương 4
4.5. Thặng dư sản xuất <i>4.5.1. Khái niệm và phương pháp xác định thặng dư sản xuất</i> <i>4.5.2. Mối quan hệ giữa thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và hiệu quả xã hội</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 4
Chương 5. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO	4	1		5	10	
5.1. Khái niệm thị trường cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.3. Quyết định cung của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo <i>5.3.1. Đường cung ngắn hạn</i> <i>5.3.2. Đường cung dài hạn</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4. Đường cung của ngành 5.4.1. Đường cung ngắn hạn của ngành 5.4.2. Đường cung dài hạn của ngành	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
5.5. Cân bằng dài hạn của ngành cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Chương 6. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH KHÔNG HOÀN HẢO	5	1	0,5	6,5	13	
6.1. Thị trường độc quyền 6.1.1. Khái niệm thị trường độc quyền 6.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của nhà độc quyền 6.1.3. Các cách định giá của nhà độc quyền 6.1.4. Sức mạnh độc quyền và vấn đề phân bổ tài nguyên 6.1.5. Chính sách hạn chế độc quyền	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6 Làm bài tập chương 6
6.2. Thị trường cạnh tranh độc quyền 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Cân bằng trong ngắn hạn và dài hạn 6.2.3. Cạnh tranh độc quyền và hiệu quả kinh tế	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
6.3. Độc quyền tập đoàn 6.3.1. Cân bằng trong thị trường độc quyền tập đoàn 6.3.2. Lý thuyết trò chơi	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
Chương 7. VAI TRÒ CỦA CHÍNH	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG						
7.1. Những thất bại của kinh tế thị trường <i>7.1.1. Cạnh tranh không hoàn hảo</i> <i>7.1.2. Ngoại ứng</i> <i>7.1.3. Hàng hóa công cộng</i> <i>7.1.4. Bất bình đẳng về kinh tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 10.
7.2. Vai trò của chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 10.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	33	09	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.13. Kinh tế vĩ mô

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vĩ mô**
 - Tiếng Anh: **Macroeconomic**
- Mã học phần: KTKH2302
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31,5 tiết
 - Bài tập: 11,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.

- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu và phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô.

- + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- + *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng tư duy để góp phần dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- + Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô.

- + Nhận thức được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế

học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên, Tống Thị Thu Hòa (2018), *GT Kinh tế vĩ mô*, NXB Tài chính.
2. Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục
3. Nguyễn Văn Ngọc (2013), *Bài giảng Kinh tế vĩ mô*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục;
2. Nguyễn Văn Dân (2008), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Tài chính;
3. Tổng cục thống kê (2017), Công văn số 325/TCTK-TKQG V/v biên soạn số liệu GDP.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập;
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập ở nhà;
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và sửa chữa trên lớp;
- Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%;

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU MÔN HỌC VÀ HẠCH TOÁN THU NHẬP QUỐC DÂN	6,5	2,5		9	18	
1.1. Kinh tế vĩ mô là gì ?	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.4. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	2,5	1,5		4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1
1.5. Mối quan hệ giữa GDP, GNP, NNP, NI, Yd	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1
1.6. GDP và phúc lợi kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2
1.7. Chỉ số giá hàng tiêu dùng	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, phần 2; Làm bài tập chương 1
Chương 2. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	4	0,5		4,5	9	
2.1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng kinh tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Làm bài tập chương 2
2.2. Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế dài hạn	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.3. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng	1			1	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.4. Tăng trưởng kinh tế ở	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Việt Nam và trên thế giới						
Chương 3. TỔNG CẦU VÀ TỔNG CUNG	3			3	6	
3.1. Tổng cầu của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
3.2. Tổng cung của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
3.3. Sự cân bằng của sản lượng và mức giá	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6;
3.4. Biến động kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA	4	4		8	16	
1. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu theo cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 7; Làm bài tập chương 4
4.1.1. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	1,5			1,5	3	
4.1.2. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế giản đơn	0,5	1		1,5	3	
4.1.3. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế đóng	0,5	1		1,5	3	
4.1.4. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở	0,5	1		1,5	3	
4.2. Chính sách tài khoá	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7;
Chương 5. TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	4	3		7	14	
5.1. Khái niệm, chức năng và phân loại tiền	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8;
5.2. Hệ thống ngân hàng	0,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8
5.3. Cung tiền	1	1,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8; Làm bài tập chương 5
5.4. Cầu tiền	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8;
5.5. Cân bằng thị trường tiền	0,5	1		1	2	Đọc TLC 1, chương 8;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tệ						Làm bài tập chương 5
5.6. Chính sách tiền tệ	0,5	0,5		0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, phần 3
5.7. Sự tương tác giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 6. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP	6	1,5		7,5	15	
6.1. Lạm phát	2,5	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 9; Làm bài tập chương 6
6.1.1. Khái niệm và đo lường lạm phát	0,5	1		1	2	
6.1.2. Phân loại lạm phát	0,5			0,5	1	
6.1.3. Nguyên nhân gây ra lạm phát	1			1	2	
6.1.4. Tác động của lạm phát	0,5			0,5	1	
6.2. Thất nghiệp	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 6
6.2.1. Khái niệm và đo lường thất nghiệp	0,5	0,5		1	2	
6.2.2. Phân loại thất nghiệp	1,5			1,5	3	
6.2.3. Tác động của thất nghiệp	0,5			0,5	1	
6.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	1			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9
Chương 7. KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ	4			4	8	
7.1. Cán cân thanh toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.2. Tỷ giá hối đoái	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10;
7.4. Tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.5. Các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 2, phần 3
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Cộng	31,5	11,5	02	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.14. Kinh tế tài nguyên và môi trường

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Natural Resources and Environmental Economics**
- Mã học phần: KTTM2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học; ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Trình

bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên, xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đưa ra được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có khả năng độc lập tính toán các tình huống về các bài toán cung cầu hàng hóa môi trường, ngoại ứng, và xác định các cách tính của công cụ kinh tế trong kiểm soát ô nhiễm môi trường. Có ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế tài nguyên và môi trường nghiên cứu các vấn đề tài nguyên, môi trường dưới góc độ phân tích của kinh tế học.

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, đường cong tăng trưởng của tài nguyên, khả năng khai thác tài nguyên bền vững...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Kinh tế tài nguyên và môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

2. Nguyễn Thế Chinh (2011), *Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.

3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hoàng Xuân Cơ (2005), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Robert N. Stavins (2012), *Economics of the environment*, W. W. Norton & Company, Inc.

3. Ola Flaaten (2011), *Fisheries Economics and Management*, Norwegian College of Fishery Science University of Tromsø, N-9037 Tromsø, Norway.

4. Roger Perman, Yue Ma, James McGilvray, Michael Common (2003), *Natural Resource and Environmental Economics*, Ashford Colour Press Ltd., Gosport

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác ☐
☐	☒	☐	☐	☐	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

• Hình thức thi:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Vấn đáp ☐	Thực hành ☐
---	--------------------------------------	----------------------------------	------------------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	2			2	4	
1.1. Sự ra đời của Khoc học kinh tế tài nguyên và môi trường 1.2. Giới thiệu học phần Kinh tế tài nguyên và môi trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.3. Tài nguyên, môi trường và hệ thống kinh tế	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2. Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6	1		7	14	
2.1. Cung - cầu và cân bằng thị trường 2.1.1. Cầu 2.1.2. Cung 2.1.3. Cân bằng thị trường 2.2. Lợi ích ròng xã hội	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
2.3. Một số dạng thị trường 2.3.1. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo 2.3.2. Thị trường độc quyền	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
2.4. Thất bại thị trường 2.2.1. Khái quát về thất bại thị trường 2.2.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường 2.4.3. Ngoại ứng	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
Chương 3. KINH TẾ TÀI	7	2		9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NGUYÊN						
3.1. Kinh tế tài nguyên có khả năng tái sinh <i>3.1.1. Khái niệm, đặc điểm tài nguyên có khả năng tái sinh</i> <i>3.1.2. Một số mô hình kinh tế khai thác tài nguyên có khả năng tái sinh</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 7. Đọc TLĐT 3, chương 2,3,5. Đọc TLĐT 4, chương 17.
3.2. Kinh tế tài nguyên không có khả năng tái sinh <i>3.2.1. Khái niệm, đặc điểm tài nguyên không có khả năng tái sinh</i> <i>3.2.2. Một số mô hình kinh tế khai thác tài nguyên không có khả năng tái sinh</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 8. Đọc TLĐT 4, chương 15.
3.3. Một số công cụ trong quản lý tài nguyên <i>3.3.1. Thuế</i> <i>3.3.2. Giá trần - Giá sàn</i> <i>3.3.3. Hạn ngạch</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7,8. Đọc TLĐT 3, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. KINH TẾ Ô NHIỄM	7	3		10	20	
4.1. Ô nhiễm tối ưu <i>4.1.1. Khái niệm ô nhiễm tối ưu</i> <i>4.1.2. Xác định mức ô nhiễm tối ưu</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLĐT 4, chương 6.
4.2. Định lý Ronald Coase	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4.
4.3. Một số công cụ kiểm soát ô	4	3		7	14	Đọc TLC 1, chương 4.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nhiệm 4.3.1. Thuế Pigou 4.3.2. Trợ cấp giảm thải 4.3.3. Phí xả thải và chuẩn thải 4.3.4. Giấy phép xả thải có thể chuyển nhượng						Đọc TLĐT 4, chương 7.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.15. Nguyên lý thống kê kinh tế

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý thống kê kinh tế**
 - Tiếng Anh: **Principles of Economic Statistics**
- Mã học phần: KTPT2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, **Kinh tế vi mô**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 70 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.

- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- + Giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Nguyên lý thống kê kinh tế được phân bổ thành 5 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như thu thập thông tin, tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê, phân tích, đánh giá và dự báo trên cơ sở những thông tin đã được xử lý. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về nguyên lý thống kê: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, học phần nguyên lý thống kê, khái niệm thường dùng trong thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê.

Chương 2. Thu thập thông tin thống kê: giới thiệu những kiến thức về thông tin thống kê, thu thập thông tin thống kê, bao gồm: khái niệm, các hình thức tổ chức, phương pháp thu thập thông tin thống kê, phương pháp chọn mẫu.

Chương 3. Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê: giới thiệu các kiến thức về phân tổ thống kê, bảng thống kê, đồ thị thống kê.

Chương 4. Các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng: giới thiệu những kiến thức về các chỉ số so sánh, các chỉ tiêu thể hiện diễn hình, các chỉ tiêu đánh giá mức độ diễn hình của số bình quân và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng.

Chương 5. Dự báo thống kê: giới thiệu các phương pháp dự báo dựa trên dãy số biến động thời gian và phương pháp chỉ số trong phân tích sự biến động của các hiện tượng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu (2014), *Giáo Trình thống kê Kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

(2) Khoa Thống kê, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, *Giáo trình Lý thuyết thống kê* (2014), NXB ĐH Kinh tế Quốc dân

(3) Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Nguyễn Thị Kim Thúy (2008), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, NXB thống kê,

(2) Chu Văn Tuấn, Phạm Thị Kim Vân (2008), *Lý thuyết thống kê và phân tích dự báo*, NXB Tài chính.

(3) Hoàng Trọng - Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2009), *Bài tập & Bài giải Thống kê ứng dụng trong Kinh tế - xã hội*, NXB Thống kê..

(4) Tổng cục thống kê (2008), *Từ điển thống kê*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	B T	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG1. TỔNG QUAN VỀ NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ	3			3	8	
1.1 Khái niệm về thống kê 1.1.1 Định nghĩa về thống kê 1.1.2 Nhiệm vụ của thống kê	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.2 Giới thiệu về học phần nguyên lý thống kê 1.2.1 Khái niệm về nguyên lý thống kê 1.2.2 Đối tượng nghiên cứu của nguyên lý thống kê 1.2.3 Phương pháp nghiên cứu của nguyên lý thống kê						Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê 1.3.1 Tổng thể thống kê, đơn vị tổng thể, mẫu, đơn vị mẫu, quan sát 1.3.2 Tiêu thức thống kê, lượng biến, tần số, tần suất 1.3.3 Chỉ tiêu thống kê 1.3.4 Các loại thang đo	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

1.4 Quá trình nghiên cứu thống kê 1.4.1 Điều tra thống kê 1.4.2 Xử lý và tổng hợp thống kê 1.4.3 Phân tích và dự đoán thống kê 1.5 Một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê 1.5.1 Phần mềm SAS 1.5.2 Phần mềm STATA 1.5.3 Phần mềm Microsoft Excel 1.5.4 Phần mềm SPSS	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. THU THẬP DỮ LIỆU THỐNG KÊ	3	1		4	10	
2.1 Khái niệm về dữ liệu thống kê 2.1.1 Định nghĩa về dữ liệu thống kê 2.1.2 Phân loại dữ liệu thống kê	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 2
2.2 Thu thập dữ liệu thống kê 2.2.1 Khái niệm về thu thập dữ liệu thống kê 2.2.2 Hình thức tổ chức thu thập dữ liệu thống kê 2.2.3 Phương pháp thu thập dữ liệu thống kê 2.2.4 Sai số trong thu thập dữ liệu thống kê	1	0,5		1,5	5	Đọc TLC 2, chương 2
2.3 Phương pháp chọn mẫu 2.3.1 Khái niệm về chọn mẫu 2.3.2 Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên 2.3.3 Phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên 2.3.4 Phương pháp tổ chức điều tra chọn mẫu 2.3.5 Sai số trong điều tra chọn mẫu	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 2, chương 2, 5
CHƯƠNG 3. TỔNG HỢP VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU THỐNG KÊ	4	2		6	10	

3.1 Phân tổ thống kê <i>3.1.1 Khái niệm về phân tổ thống kê</i> <i>3.1.2 Tiêu thức phân tổ thống kê</i> <i>3.1.3 Các phương pháp phân tổ thống kê</i>	2	1		3	2	Đọc TLC 2, chương 3
3.2 Bảng thống kê <i>3.2.1 Khái niệm về bảng thống kê</i> <i>3.2.2 Phân loại bảng thống kê</i> <i>3.2.3 Yêu cầu và qui ước xây dựng bảng thống kê</i> <i>3.2.4 Thao tác trình bày bảng thống kê trên SPSS</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 2
3.3 Đồ thị thống kê <i>3.3.1 Khái niệm về đồ thị thống kê</i> <i>3.3.2 Phân loại đồ thị thống kê</i> <i>3.3.3 Yêu cầu khi xây dựng đồ thị thống kê</i> <i>3.3.4 Thao tác vẽ đồ thị thống kê trên SPSS</i>	1			1	4	Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4. CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG	4	3		7	20	
4.1 Các chỉ tiêu so sánh <i>4.1.1 Số tuyệt đối</i> <i>4.1.2 Số tương đối</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4
4.2 Các chỉ tiêu thể hiện diễn hình <i>4.2.1 Số bình quân cộng</i> <i>4.2.2 Số bình quân nhân</i> <i>4.2.3 Trung vị</i> <i>4.2.4 Mốt</i>	1, 5	1, 5		3	6	Đọc TLC 2, chương 4
4.3 Các chỉ tiêu đánh giá mức độ diễn hình của số bình quân	1			1	7	Đọc TLC 2, chương 4

4.3.1 Khoảng biến thiên 4.3.2 Độ lệch tuyệt đối bình quân 4.3.3 Phương sai 4.3.4 Độ lệch chuẩn 4.3.5 Hệ số biến thiên						
4.4 Thao tác tính toán một số chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng trên SPSS 4.4.1 Mô tả dữ liệu <i>Frequencies</i> 4.4.2 Mô tả dữ liệu <i>Descriptives</i>	0,5	0,5		1	3	Đọc TLC 3, chương 3
CHƯƠNG 5. DỰ BÁO THỐNG KÊ	5	3		8	22	
5.1 Phân tích dãy số thời gian và dự báo 5.1.1 Khái niệm và phân loại dãy số thời gian 5.1.2 Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian 5.1.3 Một số mô hình dự báo theo dãy số thời gian	2	1,5		3,5	11	Đọc TLC 2, chương 13
5.2 Phương pháp chỉ số 5.2.1 Khái niệm và phân loại chỉ số 5.2.2 Chỉ số cá thể 5.2.3 Chỉ số tổng hợp 5.2.4 Một số chỉ số thường gặp trong thực tế	3	1,5		4,5	11	Đọc TLC 2, chương 14
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	19	9	2	30	70	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.16. Nguyên lý kế toán

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý kế toán**
 - Tiếng Anh: Principles of Accounting
- Mã học phần: KTK2501
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.
- Về kỹ năng:
 - + *Kỹ năng về nhận thức*: Hiểu được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.
 - + *Kỹ năng về nghề nghiệp*: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành.

+ *Kỹ năng tư duy*: Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Hiểu được công việc về kế toán, từ đó có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Hiểu được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm; các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Các hình thức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên, (2018), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội
2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bộ tài chính, *Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC*
2. Phan Đức Dũng (2012), *Bài tập và Bài giải Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội
3. Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thi Hồng Vân (2014), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. BẢN CHẤT CỦA KẾ TOÁN	2			2	4	Đọc TLC (1) Chương 1
1.1. Khái niệm kế toán	1			1	2	
1.2. Phân loại kế toán 1.2.1. Theo mục đích cung cấp thông tin 1.2.2. Theo nguyên tắc ghi nhận						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thông tin						
1.3. Ý nghĩa, yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán, nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị 1.3.1. Ý nghĩa của thông tin kế toán 1.3.2. Nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị	1			1	2	
1.4. Các nguyên tắc kế toán và khái niệm chung được thừa nhận 1.4.1. Các khái niệm và giả định 1.4.2. Các nguyên tắc kế toán						
CHƯƠNG 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN	2			2	4	Đọc TLC (1) Chương 2
2.1. Đối tượng nghiên cứu của kế toán 2.1.1. Khái quát chung về đối tượng của kế toán 2.1.2. Tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp 2.1.3. Tuần hoàn vốn kinh doanh 2.1.4. Kết luận chung về đối tượng kế toán	1			1	2	
2.2. Hệ thống phương pháp của kế toán						
2.3. Chu trình kế toán						
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ	3			3	6	Đọc TLC (1) Chương 3
3.1. Khái niệm và ý nghĩa chứng từ kế toán 3.1.1. Khái niệm chứng từ kế toán	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2. Ý nghĩa của chứng từ kế toán						
3.2. Phân loại chứng từ kế toán						
3.2.1. Phân loại theo nghiệp vụ kinh tế phản ánh trên chứng từ						
3.2.2. Phân loại theo thời công dụng của chứng từ						
3.2.3. Phân loại theo thời điểm lập chứng từ						
3.2.4. Phân loại theo địa điểm lập chứng từ						
3.2.5. Phân loại theo tính cấp bách của thông tin phản ánh trong chứng từ						
3.3. Hệ thống bản chứng từ	2			2	4	
3.3.1. Bản chứng từ						
3.3.2. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng hệ thống bản chứng từ						
3.3.3. Luân chuyển chứng từ						
CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ	5	3	1	9	18	Đọc TLC (1) Chương 4
4.1. Khái niệm và sự cần thiết của phương pháp tính giá	1			1	2	
4.1.1. Khái niệm về phương pháp tính giá						
4.1.2. Sự cần thiết của phương pháp tính giá						
4.2. Yêu cầu và nguyên tắc của phương pháp tính giá						
4.2.1. Yêu cầu của phương pháp tính giá						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.2. Nguyên tắc của phương pháp tính giá						
4.3. Nội dung và trình tự tính giá tài sản mua vào 4.3.1. Nội dung tính giá tài sản mua vào 4.3.2. Trình tự tính giá tài sản mua vào	1	1		2	4	
4.4. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất 4.4.1. Nội dung tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất 4.4.2. Trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất	1	1		2	4	
4.5. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng cho sản xuất – kinh doanh 4.5.1. Nội dung tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng 4.5.2. Trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. PHƯƠNG PHÁP ĐỐI ỨNG TÀI KHOẢN	4	3		7	14	Đọc TLC (1) Chương 5
5.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản 5.1.1. Khái niệm và các yếu tố cấu	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thành 5.1.2. Vị trí và tác dụng của phương pháp đối ứng tài khoản						
5.2. Tài khoản kế toán 5.2.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản về nội dung, kết cấu tài khoản 5.2.2. Kết cấu các tài khoản cơ bản 5.2.3. Chức năng của tài khoản kế toán						
5.3. Quan hệ đối ứng và phương pháp ghi sổ kép 5.3.1. Các quan hệ đối ứng tài khoản 5.3.2. Phương pháp ghi sổ kép						
5.4. Tài khoản tổng hợp và tài khoản phân tích 5.4.1. Tài khoản tổng hợp 5.4.2. Tài khoản phân tích						
CHƯƠNG 6. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 6
6.1. Sự cần thiết phải hình thành và những đặc trưng của hệ thống tài khoản kế toán 6.1.1. Sự cần thiết phải hình thành hệ thống tài khoản kế toán 6.1.2. Đặc trưng cơ bản của hệ thống tài khoản kế toán	2			2	4	Đọc TLC (1) Chương 6
6.2. Phân loại tài khoản kế toán						
6.3. Hệ thống tài khoản kế toán doanh	1	1		2	4	Đọc TLC (1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nghiệp thống nhất hiện hành 6.3.1. Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất áp dụng cho các doanh nghiệp (Ban hành theo TT 200/2014/TT – BTC ban hành ngày 22/12/2014 của BTC) 6.3.2. Đánh số hiệu và tên gọi các tài khoản 6.3.3. Mô hình sắp xếp tài khoản kế toán						Chương 6 Đọc TLĐT (1)
CHƯƠNG 7. PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP CÂN ĐỐI	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 7
7.1. Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối kế toán 7.1.1. Khái niệm và cơ sở hình thành phương pháp 7.1.2. Ý nghĩa, tác dụng của phương pháp	2	1		3	6	
7.2. Hệ thống bảng tổng hợp – cân đối kế toán 7.2.1. Bảng cân đối kế toán 7.2.2. Bảng cân đối thu, chi và kết quả						
7.3. Quan hệ giữa phương pháp tổng hợp cân đối với các phương pháp khác	1			1	2	
CHƯƠNG 8. KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU	4	5		9	18	Đọc TLC (1) Chương 8
8.1. Khái quát về quá trình kinh	1	2		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
doanh và nhiệm vụ của kế toán 8.1.1. Khái quát về quá trình kinh doanh 8.1.2. Nhiệm vụ kế toán quá trình kinh doanh						
8.2. Kế toán quá trình cung cấp 8.2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 8.2.2. Phương pháp kế toán quá trình cung cấp						
8.3. Kế toán quá trình sản xuất 8.3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 8.3.2. Phương pháp kế toán quá trình sản xuất	1	2		3	6	
8.4. Kế toán quá trình tiêu thụ 8.4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 8.4.2. Phương pháp kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ 8.4.3. Kế toán kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong các doanh nghiệp	2	1		3	6	
CHƯƠNG 9. SỔ KẾ TOÁN VÀ CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC SỔ KẾ TOÁN	2			2	6	Đọc TLC (1) Chương 9 Đọc TLĐT (1)
9.1. Sổ kế toán 9.1.1. Khái niệm 9.1.2. Các loại sổ kế toán 9.1.3. Các quy tắc về sổ kế toán	1			1	3	
9.2. Hình thức kế toán 9.2.1. Khái niệm 9.2.2. Các hình thức kế toán	1			1	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 10. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN	2		1	3	6	Đọc TLC (1) Chương 10
10.1. Khái niệm, ý nghĩa và nội dung của tổ chức công tác kế toán <i>10.1.1. Khái niệm</i> <i>10.1.2. Ý nghĩa</i> <i>10.1.3. Nội dung của tổ chức công tác kế toán</i>	1			1	2	
10.2. Phương pháp tổ chức công tác kế toán <i>10.2.1. Các phương pháp tổ chức công tác kế toán</i> <i>10.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị</i>	1			1	2	
Kiểm tra			1	1		
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.17. Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh

2TC

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh**

Tiếng Anh: **Research Methods in Management and Business**

Mã học phần: KTPT2302

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế, Kinh tế vĩ mô

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 24,5 tiết

Bài tập: 2,5 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

Thời gian tự học: 78 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong nghiên cứu phục vụ phát triển, mở rộng quy mô doanh nghiệp, có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những kiến

thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh như: (1) Tổng quan về nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu về khái niệm, vai trò, phân loại và qui trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh. (2). Xác định vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu chung về khái niệm và phân loại vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh; tầm quan trọng và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu. (3). Thiết kế nghiên cứu: giới thiệu chung về khái niệm thiết kế nghiên cứu, quy trình thiết kế nghiên cứu. Trong đó nhấn mạnh các nội dung: Đặt tên đề tài nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp luận nghiên cứu, xây dựng khung logic, xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu. Đồng thời giới thiệu phương pháp thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. (4). Chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu những kiến thức về chọn mẫu và các phương pháp sử dụng để thu thập và xử lý các số liệu thứ cấp và sơ cấp. (5). Xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu: giới thiệu các kiến thức về các phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích số liệu định tính và định lượng và phương pháp trình bày kết quả phân tích. (6). Trình bày báo cáo nghiên cứu: giới thiệu các dạng báo cáo nghiên cứu, cấu trúc cũng như cách trình bày đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, NXB Tài chính.
3. Nguyễn Văn Thắng (2014), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Huy Bá (2007), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục
2. Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Lao động – xã hội
3. Nguyễn Văn Song (2012), *Phương pháp kinh tế nghiên cứu tài nguyên môi trường*, NXB Đại học Nông nghiệp
4. Ethridge (2004), *Research Methodology in Applied Economics*, 2nd edition, Blackwell Publishing.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐

Dạy học theo dự án ☐ Dạy học thực hành ☐ Thu thập số liệu ☐
 Phân tích, xử lý số liệu ☐ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH	4,5			4,5	10	
1.1 Nghiên cứu khoa học						
1.1.1 Định nghĩa nghiên cứu khoa học	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; 3
1.1.2 Các nhân tố cấu thành hoạt						Đọc TLC2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>động nghiên cứu khoa học</i> <i>1.1.3 Mức độ nghiên cứu khoa học</i> <i>1.1.4 Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học</i> <i>1.1.5 Các loại hình nghiên cứu khoa học</i>						chương1 Độc TLC3, chương1 Độc TLĐT2, chương1
1.2 Nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh <i>1. 2.1 Định nghĩa nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh</i> <i>1. 2.2 Phân loại nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh</i> <i>1. 2.3 Vai trò của nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh</i> <i>1. 2.4 Quy trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh</i>	2			2	5	Độc TLC2, chương 2 Độc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
CHƯƠNG 2 XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH	2,5	0,5		3	9	
2.1 Khái niệm vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh <i>2.1.1 Định nghĩa vấn đề nghiên cứu</i> <i>2.1.2 Một số vấn đề nghiên cứu thường gặp trong quản lý và kinh doanh</i>	1			1	3	Độc TLC 2, chương 2 Độc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2 Xác định vấn đề nghiên cứu <i>2.2.1 Phương pháp xác định vấn đề</i>	1,5	0,5		2	6	Độc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>ngiên cứu</i> <i>2.2.2 Xây dựng cây vấn đề và cây mục tiêu</i> <i>2.2.3 Xác định vấn đề nghiên cứu ưu tiên</i>						Đọc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
CHƯƠNG 3 THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU	5	1	0,5	6,5	19	
3.1 Khái niệm về thiết kế nghiên cứu <i>3.1.1 Định nghĩa thiết kế nghiên cứu</i> <i>3.1.2 Phân loại thiết kế nghiên cứu</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 3; 4
3.2 Quy trình thiết kế nghiên cứu <i>3.2.1 Đặt tên đề tài nghiên cứu</i> <i>3.2.2 Tổng quan vấn đề nghiên cứu</i> <i>3.2.3 Xác định phương pháp luận nghiên cứu</i> <i>3.2.4 Xây dựng khung logic nghiên cứu</i> <i>3.2.5 Xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu</i>	3	0,5		3,5	10	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 3; 4 Đọc TLC3, chương 2; 3; 4; 9 Đọc TLĐT 2, chương 3
3.3 Thiết kế công cụ thu thập dữ liệu <i>3.3.1 Phát triển khái niệm nghiên cứu và xây dựng thang đo</i> <i>3.3.3 Xây dựng bảng hỏi</i>	1	0,5	0,5	2	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC3, chương 2; 3; 4; 9 Đọc TLĐT 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4 CHỌN MẪU VÀ TỔ CHỨC THU THẬP DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	2,5	0,5		3	8	
4.1 Chọn mẫu nghiên cứu 4.1.1 Lý do phải chọn mẫu với nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 4.1.2 Phương pháp chọn mẫu xác suất 4.1.3 Phương pháp chọn mẫu phi xác suất 4.1.4 Hạn chế của điều tra chọn mẫu	1,5			1,5	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC3, chương 7 Đọc TLĐT 2, chương 4
4.2 Tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu 4.2.1 Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp 4.2.2 Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp	1	0,5		1,5	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5
CHƯƠNG 5 XỬ LÝ, PHÂN TÍCH VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	7	1		8	23	
5.1 Phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu 5.1.1 Khái niệm về xử lý dữ liệu 5.1.2 Quy trình xử lý dữ liệu 5.1.3 Một số phần mềm xử lý dữ liệu thông dụng trong quản lý và kinh doanh	2	1		3	9	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLĐT 2, chương 5
5.2 Phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu	2,5			2,5	7	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.1 Khái niệm về phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu 5.2.2 Phương pháp phân tích định tính 5.2.3 Phương pháp phân tích định lượng						Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLĐT 2, chương 5
5.4 Phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu 5.4.1 Trình bày dạng văn viết 5.4.2 Trình bày bảng 5.4.3 Trình bày hình	2,5			2,5	7	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLĐT 2, chương 5
CHƯƠNG 6 TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU	3			3	9	
6.1 Báo cáo nghiên cứu 6.1.1 Khái niệm báo cáo nghiên cứu 6.1.2 Nguyên tắc trình bày báo cáo nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLĐT 2, chương 6
6.2 Đề cương nghiên cứu 6.2.1 Khái niệm về đề cương nghiên cứu 6.2.2 Cấu trúc của đề cương nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLĐT 2, chương 6
6.3 Báo cáo khoa học 6.3.1 Cấu trúc của báo cáo khoa học 6.3.2 Định dạng báo cáo khoa học	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 3, chương 10
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	24,5	2,5	3	30	78	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.18. Điểm đến du lịch

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Điểm đến du lịch**
 - Tiếng Anh: **Tourism destinations**
- Mã học phần: KTDL2401
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
 - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về du lịch và điểm đến du lịch, biết được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch, biết được về tổ chức lãnh thổ du lịch, hiểu hệ thống phân vùng lãnh thổ du lịch trên thế giới và tại Việt Nam.
- Về kỹ năng:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của điểm đến du lịch.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng hệ thống kiến thức của điểm đến du lịch để nâng cao hiểu biết về các loại hình du lịch trên thế giới và tại Việt Nam, từ đó cung cấp các dữ liệu du lịch tại các vùng và tư vấn cho khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể hiểu được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.

+ Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

+ Sáng tạo trong ứng dụng kiến thức điểm đến du lịch vào thực tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về du lịch, nghiên cứu điểm đến du lịch.
- Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch.
- Tìm hiểu về tổ chức lãnh thổ du lịch.
- Tìm hiểu hệ thống phân vùng lãnh thổ du lịch trên thế giới.
- Tìm hiểu hệ thống phân vùng lãnh thổ du lịch tại Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Thị Hải Yến (2005), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), *Địa lý du lịch Việt Nam*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. Nguyễn Phi Hạnh (2007), *Những vấn đề địa lý toàn cầu*, Đại học sư phạm Hà Nội.

4.2 Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Thông (2006), *Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam*, Nhà xuất bản giáo dục.
2. Stephen William (2010), *Tourism Geography*, Stanffordshire University.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒

Dạy học theo dự án ☐ Dạy học thực hành ☐ Thu thập số liệu ☐
 Phân tích, xử lý số liệu ☒ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Tổng quan về điểm đến du lịch	5			5	10	Đọc TLC2 Trang 11 - 29
1.1 Lịch sử hình thành điểm đến du lịch	2			2	4	Đọc TLC2 Trang 11 - 18
1.2 Đối tượng, nhiệm vụ của việc nghiên cứu điểm đến du lịch 1.2.1 Đối tượng 1.2.2 Nhiệm vụ	2			2	4	Đọc TLC2 Trang 18 - 24
1.3 Phương pháp nghiên cứu điểm đến du lịch	1			1	2	Đọc TLC2 Trang 24 - 29
Chương 2. Các yếu tố ảnh	7	2		9	18	Đọc TLC2

hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch						trang 30 - 93
2.1 Yếu tố về tài nguyên du lịch <i>2.1.1 Khái niệm và vai trò của tài nguyên du lịch</i> <i>2.1.2 Đặc điểm của tài nguyên du lịch</i> <i>2.1.3 Phân loại tài nguyên du lịch</i>	3	1		4	8	Độc TLC2 trang 30 - 74
2.2 Yếu tố về kinh tế, xã hội, chính trị <i>2.2.1 Dân cư và lao động</i> <i>2.2.2 Sự phát triển của các ngành kinh tế</i> <i>2.2.3 Nhu cầu nghỉ dưỡng</i> <i>2.2.4 Sự phát triển của khoa học kỹ thuật</i> <i>2.2.5 Quá trình đô thị hóa</i>	3			3	6	Độc TLC2 trang 75 - 85
2.3 Yếu tố về cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật <i>2.3.1 Cơ sở hạ tầng</i> <i>2.3.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật</i>	1	1		2	4	Độc TLC2 trang 85 - 93
Chương 3. Tổ chức lãnh thổ du lịch	6	2		8	16	Độc TLC2 Trang 94 – 130
3.1 Một số khái niệm về tổ chức lãnh thổ du lịch <i>3.1.1 Khái niệm tổ chức lãnh thổ du lịch</i> <i>3.1.2 Khái niệm hệ thống lãnh thổ du lịch</i> <i>3.1.3 Khái niệm phân vùng du lịch</i>	2			2	4	Độc TLC2 Trang 105 – 107
3.2 Hệ thống phân vị trong	2	1		3	6	Độc TLC2

phân vùng du lịch						Trang 107 – 116
3.3 Phương pháp phân vùng du lịch 3.3.1 Hệ thống chỉ tiêu trong phân vùng du lịch 3.3.2 Một số phương pháp phân vùng du lịch	2	1		3	6	Độc TLC2 Trang 116 – 130
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4 Tổ chức lãnh thổ du lịch trên thế giới	7	2		9	18	Độc TLC3 Trang 11 – 87
4.1 Khu vực Châu Âu 4.1.1 Khái quát chung 4.1.2 Một số khu vực địa lý du lịch Châu Âu	2	1		3	6	Độc TLC3 Trang 11 – 14
4.2 Khu vực Châu Mỹ 4.2.1 Khái quát chung 4.4.2 Một số khu vực địa lý du lịch Châu Mỹ	1			1	2	Độc TLC3 Trang 28 – 32
4.3 Khu vực Châu Á 4.3.1 Khái quát chung 4.3.2 Một số khu vực địa lý du lịch Châu Á	2	1		3	6	Độc TLC3 Trang 33 – 69
4.4 Khu vực Châu Phi 4.4.1 Khái quát chung 4.4.2 Một số khu vực địa lý du lịch Châu Phi	1			1	2	Độc TLC3 Trang 70 – 82
4.5 Khu vực Châu Đại Dương 4.5.1 Khái quát chung 4.5.2 Một số khu vực địa lý du lịch Châu Đại Dương	1			1	2	Độc TLC3 Trang 82 – 87
Chương 5. Tổ chức lãnh thổ du lịch tại Việt Nam	8	4		12	24	Độc TLC2 Trang 131 – 264
5.1 Vùng du lịch Bắc Bộ 5.1.1 Khái quát vùng du lịch	3	2		5	10	Độc TLC2 Trang 131 –

Bắc bộ 5.1.2 Một số tiểu vùng du lịch Bắc Bộ						185
5.2 Vùng du lịch Bắc Trung Bộ 5.2.1 Khái quát vùng du lịch Bắc Trung Bộ 5.2.2 Một số tiểu vùng du lịch Bắc Trung Bộ	2	1		3	6	Độc TLC2 Trang 186 – 211
5.3 Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ 5.3.1 Khái quát vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ 5.3.2 Một số tiểu vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ	3	1		4	8	Độc TLC2 Trang 212 – 264
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	33	10	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.19. Quản trị học

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản trị học**

Tiếng Anh: **Management**

- Mã học phần: MNT101

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết:	36 tiết
Bài tập:	07 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
- Thời gian tự học:	90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2019), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), *Quản trị học*, NXB Văn hóa - Nghệ thuật.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Trần Anh Tài (2009), *Giáo trình quản trị học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Võ Phước Tâm, Nguyễn Thị Nhung (2008), *Giáo trình quản trị học*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA QUẢN TRỊ	4			4	8	Đọc TLC (1) Trang: 07 – 30.
1.1. Bản chất của quản trị	0,5			0,5	1	TLC (2). Trang: 05 – 25. Chuẩn bị bài, tự học và
1.1.1. Khái niệm quản trị						
1.1.2. Vai trò của quản trị						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.Chức năng của quản trị	0,5			0,5	1	thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.3. Quản trị là khoa học, là một nghệ thuật và là một nghề	1			1	2	
1.4.Quản trị theo mục tiêu 1.4.1. Khái niệm quản trị theo mục tiêu 1.4.2.Vai trò của quản trị theo mục tiêu 1.4.3.Quá trình quản trị theo mục tiêu	0,5			0,5	1	
1.5. Nhà quản trị 1.5.1. Khái niệm nhà quản trị 1.5.2. Vai trò của nhà quản trị 1.5.3. Cấp bậc của quản trị 1.5.4. Các kỹ năng và năng lực cần thiết của nhà quan trị	1,5			1,5	3	
Chương 2. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CÁC LÝ THUYẾT QUẢN TRỊ	4			4	8	Đọc TLC (3). Trang: 31 – 50. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Trường phái quản trị cổ điển 2.1.1. Trường phái quản trị kiểu thư lại 2.1.2. Trường phái quản trị khoa học 2.1.3. Trường phái quản trị hành chính	1			1	2	
2.2.Trường phái quản trị hành vi 2.2.1. Tư tưởng quản trị của Mary Parker 2.2.2. Lý thuyết về bản chất con	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
người của Douglas Mc Gregor 2.2.3. Học thuyết của Elton Mayo 2.2.4. Lý thuyết về hệ thống nhu cầu con người của Maslow						
2.3. Trường phái định lượng trong quản trị	1			1	2	
2.4. Hoc thuyết quản trị hiện đại 2.4.1. Trường phái “Quá trình Quản trị” 2.4.2. Thuyết Z 2.4.3. Những khuynh hướng hiện đại về quản trị	1			1	2	
Chương 3. MÔI TRƯỜNG QUẢN TRỊ	4	1		5	10	Đọc TLC (3). Trang: 51 - 63. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Khái niệm môi trường quản trị	0,5			0,5	1	
3.2. Phân loại môi trường quản trị	0,5			0,5	1	
3.3. Ảnh hưởng của môi trường quản trị đối với hoạt động của tổ chức 3.3.1. Ảnh hưởng của môi trường vĩ mô đến hoạt động của tổ chức 3.3.2. Ảnh hưởng của môi trường vi mô đến hoạt động của tổ chức	3	1		4	8	
Chương 4. THÔNG TIN QUẢN TRỊ	4			4	8	Đọc TLC (1). Trang: 43 - 57. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Khái niệm và vai trò của thông tin quản trị 4.1.1.Khái niệm thông tin quản trị 4.1.2.Vai trò của thông tin quản trị	0,5			0,5	1	
4.2. Phân loại thông tin quản trị	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3. Nội dung và chất lượng của thông tin quản trị <i>4.3.1. Nội dung thông tin quản trị</i> <i>4.3.2. Chất lượng của thông tin quản trị</i>	2			2	4	
4.4. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin và phổ biến thông tin <i>4.4.1. Phương pháp thu thập</i> <i>4.4.2. Phương pháp xử lý thông tin</i> <i>4.4.3. Phương pháp phổ biến thông tin</i>	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ	5			5	10	Đọc TLC (2). Trang 62 – 75 TLC (3) Trang 51 - 68. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Khái niệm, vai trò của quyết định quản trị <i>5.1.1. Khái niệm quyết định và ra quyết định</i> <i>5.1.2. Vai trò của ra quyết định</i>	0,5			0,5	1	
5.2. Cơ sở khoa học và nguyên tắc của việc ra quyết định <i>5.2.1. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định</i> <i>5.2.2. Nguyên tắc của việc ra quyết định</i>	1,5			1,5	3	
5.3. Nội dung và hình thức ra quyết định <i>5.3.1. Nội dung của việc ra quyết định</i> <i>5.3.2. Hình thức của việc ra quyết định</i>	1,5			1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
định						
5.4. Quá trình ra quyết định 5.4.1. <i>Quá trình ra quyết định</i> 5.4.2. <i>Quá trình thực hiện quyết định</i>	1,5			1,5	3	
Chương 6. HOẠCH ĐỊNH	4	1		5	10	
6.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định 6.1.1. <i>Khái niệm hoạch định</i> 6.1.2. <i>Vai trò của hoạch định</i>	1			1	2	Độc TLC (1). Trang: 60 – 72. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.2. Phân loại hoạch định 6.2.1. <i>Hoạch định chiến lược</i> 6.2.2. <i>Hoạch định chiến thuật</i> 6.2.3. <i>Hoạch định tác nghiệp</i>	2			2	4	
6.3. Quy trình hoạch định	1	1		2	4	
Chương 7. TỔ CHỨC	5	1		6	12	Độc TLC (1). Trang 74 – 83. TLC (2) Trang 78 – 90. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.1. Khái niệm, vai trò của tổ chức 7.1.1. <i>Khái niệm tổ chức</i> 7.1.2. <i>Vai trò tổ chức</i>	1			1	2	
7.2. Cơ cấu tổ chức 7.2.1. <i>Khái niệm, đặc điểm của cơ cấu tổ chức</i> 7.2.2. <i>Các nguyên tắc của cơ cấu tổ chức</i> 7.2.3. <i>Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức</i> 7.2.4. <i>Các mô hình cơ cấu tổ chức</i>	2	1		3	6	
7.3. Phân quyền trong quản trị 7.3.1. <i>Quyền hạn và một số khái niệm liên quan</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.3.2. Quá trình ủy quyền						
7.4. Tầm hạn quản trị 7.4.1. Khái niệm tầm hạn quản trị 7.4.2. Phân loại 7.4.3. Các yếu tố quyết định tầm hạn quản trị	0,5			0,5	1	
7.5. Hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.1. Khái niệm hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.2. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.3. Những vấn đề cần lưu ý của hệ thống tổ chức không chính thức	0,5			0,5	1	
Chương 8. LÃNH ĐẠO	4	2		6	12	
8.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo 8.1.1. Khái niệm lãnh đạo 8.1.2. Vai trò của lãnh đạo	0,5			0,5	1	Đọc TLC (3). Trang: 82 - 98. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
8.2. Các phong cách lãnh đạo 8.2.1. Phong cách lãnh đạo dựa trên quan điểm sử dụng quyền lực 8.2.2. Phong cách lãnh đạo dựa trên tiêu chí mức độ tham gia của người dưới quyền	0,5	1		1,5	3	
8.3. Động cơ thúc đẩy 8.3.1. Khái niệm của động cơ thúc đẩy 8.3.2. Các học thuyết và động cơ	1,5	0,5		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thúc đẩy</i> <i>8.3.3. Hành vi cá nhân và hành vi nhóm</i>						
8.4. Các phương pháp lãnh đạo <i>8.4.1. Phương pháp giáo dục</i> <i>8.4.2. Các phương pháp hành chính</i> <i>8.4.3. Các phương pháp kinh tế</i> <i>8.4.4. Các phương pháp lãnh đạo khác</i>	1,5	0,5		2	4	
Chương 9. KIỂM TRA	2	2		4	8	Độc TLC (1).
9.1. Khái niệm và vai trò của kiểm tra trong quản trị <i>9.1.1. Khái niệm kiểm tra trong quản trị</i> <i>9.1.2. Vai trò của kiểm tra trong quản trị</i>	0,5			0,5	1	Trang: 85 – 97. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
9.2. Phân loại kiểm tra <i>9.2.1. Căn cứ theo quá trình hoạt động</i> <i>9.2.2. Căn cứ theo tần suất</i> <i>9.2.3. Căn cứ theo mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng</i>	0,5			0,5	1	
9.3. Tiến trình kiểm tra <i>9.3.1. Xây dựng tiêu chuẩn</i> <i>9.3.2. Đo lường và thực hiện</i> <i>9.3.3. Điều chỉnh các hoạt động</i>	0,5	1		1,5	3	
9.4. Các nguyên tắc và phương pháp kiểm tra <i>9.4.1 Các nguyên tắc kiểm tra</i> <i>9.4.2 Các phương pháp kiểm tra</i>	0,5	1		1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.20. Marketing căn bản

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Marketing căn bản**
 - Tiếng anh: **Basic marketing**
- Mã học phần: BMA202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức Giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

	30	tiết
▪ Nghe giảng lý thuyết:	24	tiết
▪ Bài tập:	0	tiết
▪ Thảo luận, hoạt động nhóm:	04	tiết
▪ Kiểm tra:	02	tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học hiểu được các vấn đề căn bản về Marketing như: Một số khái niệm cơ bản về marketing, vai trò, chức năng và phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng; Các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến

- *Về kỹ năng*: phân tích các yếu tố cấu thành hoạt động Marketing của doanh nghiệp; Phân tích được quá trình phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và có các quyết định định vị phù hợp; Phân tích được hành vi của khách hàng qua đó có thể áp dụng chiến lược marketing mix phù hợp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực áp dụng các công cụ của Marketing – mix nhằm thúc đẩy hình ảnh sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp đến với người tiêu dùng, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Marketing, các môi trường Marketing, hành vi của khách hàng, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và các chiến lược Marketing hỗn hợp.

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi mua của người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua đó, đồng thời hiểu rõ quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng và hiểu về chính sách sản phẩm, chính sách giá của sản phẩm và chính sách phân phối sản phẩm của doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Minh Đạo (2012), *Marketing căn bản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Marketing căn bản*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Thế Giới (2011), *Quản trị Marketing (Định hướng giá trị)*, NXB Tài Chính
2. Lưu Đan Thọ (2016), *Marketing khách hàng tổ chức*, NXB Tài Chính

3. Nguyễn Xuân Lâm, Võ Quang Trí (2014), Quản trị marketing, NXB Tài Chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Đọc TLC 1, chương 1,2,3. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ MARKETING	2			2	4	
1.1. Sự ra đời và phát triển của Marketing <i>1.1.1. Marketing cổ điển</i>	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2. Marketing hiện đại						
1.2. Một số khái niệm cơ bản của Marketing 1.2.1. Nhu cầu 1.2.2. Mong muốn 1.2.3. Yêu cầu tiêu dùng 1.2.4. Hàng hóa 1.2,5. Trao đổi 1.2.6. Thị trường 1.2.7. Marketing	0.5			0.5	1	
1.3. Những định hướng phát triển của Marketing 1.3.1. Quan điểm tập trung vào sản xuất 1.3.2. Quan điểm tập trung vào hoàn thiện sản phẩm 1.3.3. Quan điểm tập trung vào bán hàng 1.3.4 .Quan điểm Marketing 1.3,5 Quan điểm marketing đạo đức xã hội	0.5			0.5	1	
1.4 Phân loại Marketing 1.4.1 Căn cứ vào hình thái vật chất của quá trình trao đổi 1.4.2 Căn cứ vào phạm vi ứng dụng 1.5 Chức năng và vai trò của Marketing 1.5.1 Chức năng của Marketing 1.5.2 Vai trò của Marketing	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2.MÔI TRƯỜNG MARKETING	2			2	4	Đọc TLC 1, 2, chương 2. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Khái quát về môi trường Marketing <i>2.1.1. Khái niệm</i> <i>2.1.2. Vai trò của việc nghiên cứu môi trường kinh doanh</i> <i>2.1.3. Phân loại</i>	0.5			0.5	1	
2.2. Môi trường Marketing vĩ mô <i>2.2.1. Môi trường kinh tế</i> <i>2.2.2. Môi trường văn hóa xã hội</i> <i>2.2.3. Môi trường nhân khẩu học</i> <i>2.2.4. Môi trường tự nhiên</i> <i>2.2.5. Môi trường khoa học, công nghệ</i> <i>2.2.6. Môi trường chính trị pháp luật</i>	0.5			0.5	1	
2.3. Môi trường Marketing vi mô <i>2.3.1. Nhà cung ứng</i> <i>2.3.2. Đối thủ cạnh tranh</i> <i>2.3.3. Các trung gian marketing</i> <i>2.3.4. Khách hàng</i> <i>2.3.5. Giới công chúng</i> <i>2.3.6. Doanh nghiệp</i>	1			1	2	
Chương 3.PHÂN ĐOẠN VÀ LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG	3			3	6	Đọc TLC 1, 2, chương 3. Chuẩn bị

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
MỤC TIÊU – ĐỊNH VỊ THỊ TRƯỜNG						bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Phân đoạn thị trường 3.1.1. Khái niệm, vai trò của phân đoạn thị trường 3.1.2. Các tiêu thức phân đoạn thị trường 3.1.3. Yêu cầu đối với việc phân đoạn thị trường 3.1.4. Tiến trình phân đoạn thị trường	1			1	2	
3.2. Thị trường mục tiêu 3.2.1. Khái niệm thị trường mục tiêu 3.2.2. Các yêu cầu đối với thị trường mục tiêu 3.2.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu	1			1	2	
3.3. Định vị 3.3.1. Khái niệm định vị 3.3.2. Phân loại định vị 3.3.3. Định vị thị trường	1			1	2	
Chương 4. HÀNH VI KHÁCH HÀNG	3			3	6	Độc TLC 1, 2 chương 4 Độc TLC 1, chương 5. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Khái niệm, phân loại hành vi khách hàng 4.1.1. Khái niệm hành vi khách hàng 4.1.2. Phân loại hành vi khách hàng	0.5			0.5	1	
4.2. Hành vi mua của người tiêu	1.5			1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
dùng 4.2.1. Khái niệm hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.2. Mô hình hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.4. Quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng						
4.3. Hành vi của tổ chức 4.3.1. Khái niệm hành vi mua của tổ chức 4.3.2. Hành vi mua của doanh nghiệp sản xuất 4.3.3. Hành vi mua của doanh nghiệp thương mại 4.3.4. Hành vi mua của các tổ chức phi lợi nhuận (cơ quan Nhà nước, tổ chức chính quyền,...)	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. CHÍNH SÁCH SẢN PHẨM	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 5. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Sản phẩm theo quan điểm Marketing 5.1.1. Khái niệm và vai trò của sản phẩm 5.1.2. Phân loại sản phẩm 5.1.3. Chu kỳ sống của sản phẩm	1,5			1,5	3	
5.2 Chính sách sản phẩm	2,5	1		3,5	7	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.1 Quyết định về nhãn hiệu 5.2.2. Quyết định về bao bì sản phẩm 5.2.3. Quyết định về dịch vụ hỗ trợ sản phẩm 5.2.4. Quyết định về phát triển sản phẩm mới 5.2.5. Quyết định về chủng loại sản phẩm						
Chương 6. CHÍNH SÁCH GIÁ CỦA SẢN PHẨM	3	1		4	8	Độc TLC 1, chương 6. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1. Giá và chính sách giá 6.1.1. Giá 6.1.2. Chính sách giá	1			1	2	
6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến định giá 6.2.1. Các nhân tố bên trong doanh nghiệp 6.2.2. Các nhân tố bên ngoài doanh nghiệp	1			1	2	
6.3. Quy trình định giá 6.3.1. Xác định mục tiêu định giá 6.3.2. Xác định cầu của thị trường mục tiêu 6.3.3. Xác định chi phí cho một đơn vị sản phẩm 6.3.4. Phân tích chi phí, giá cả và sản phẩm cạnh tranh 6.3.5. Chọn phương pháp định giá	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3.6. Lựa chọn mức giá cuối cùng						
Chương 7: CHÍNH SÁCH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 7. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.1. Khái niệm và vai trò của phân phối 7.1.1. Khái niệm phân phối 7.1.2. Vai trò của phân phối	0.5			0.5	1	
7.2. Kênh phân phối 7.2.1. Khái niệm, vai trò và chức năng của kênh phân phối 7.2.2. Cấu trúc kênh phân phối 7.2.3. Các trung gian phân phối	1.5	1		2.5	5	
7.3 Lựa chọn kênh phân phối 7.3.1. Căn cứ lựa chọn 7.3.2. Một số phương thức phân phối	1			1	2	
Chương 8. CHÍNH SÁCH XÚC TIẾN	4	1		5	10	
8.1. Khái niệm và vai trò của xúc tiến 8.1.1. Khái niệm xúc tiến 8.1.2. Vai trò của xúc tiến	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
8.2. Các công cụ xúc tiến 8.2.1. Quảng cáo 8.2.2. Quan hệ công chúng 8.2.3. Khuyến mại 8.2.4. Bán hàng cá nhân 8.2.5. Marketing trực tiếp	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.21. Tài chính – Tiền tệ

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Tài chính – Tiền tệ**

Tiếng Anh: **Theory Of Money And Finance**

- Mã học phần: KTKN2308

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết

Bài tập: 03 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học hiểu những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai

trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; hiểu được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài chính; hiểu được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với học phần, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Ngọc Dũng (2014), *Tài chính – Tiền tệ*, NXB Tài chính.
2. Lê Thị Mận (2014), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Lao động Xã hội.
3. Nguyễn Hữu Tài (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phan Thị Cúc (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.
2. Hoàng Văn Quỳnh, Nguyễn Thị Hoài Lê (2015), *Giáo trình thị trường tài chính*, Tài chính.
3. Nguyễn Hòa Nhân, (2012), *Giáo trình Tài chính tiền tệ*, NXB Tài chính.
4. Lê Văn Tề (2011), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.
5. Luật NSNN 2015

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước giờ lên lớp.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng	học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ	2			2	4	
1.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ <i>1.1.1. Sự ra đời và phát triển của tiền tệ</i> <i>1.1.2. Bản chất của tiền tệ</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.2. Các chức năng của tiền tệ <i>1.2.1. Chức năng đơn vị định giá</i> <i>1.2.2. Chức năng phương tiện trao đổi</i> <i>1.2.3. Chức năng phương tiện dự trữ giá trị</i>						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.3. Các khối tiền tệ <i>1.3.1. Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông</i> <i>1.3.2. Khối lượng tiền trong lưu thông</i>						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.4. Cung và cầu tiền tệ <i>1.4.1. Cầu tiền tệ</i> <i>1.4.2. Cung tiền cho lưu thông</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 9;
1.5. Khái niệm và chức năng tài chính <i>1.5.1. Khái niệm tài chính</i> <i>1.5.2. Các chức năng của tài chính</i>						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.6. Hệ thống tài chính <i>1.6.1. Khái niệm về hệ thống tài chính</i> <i>1.6.2. Cấu trúc của hệ thống tài chính</i>						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
Chương 2. TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT TÍN DỤNG	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Sự ra đời và phát triển của tín dụng <i>2.1.1. Cơ sở ra đời của tín dụng</i> <i>2.1.2. Khái niệm tín dụng</i> <i>2.1.3. Sự phát triển của quan hệ tín dụng trong nền kinh tế thị trường</i> <i>2.1.4. Phân loại tín dụng</i>	1			1	2	Độc TLC 1, chương 2; Độc TLC 2, chương 10;
2.2. Các hình thức tín dụng <i>2.2.1. Tín dụng thương mại</i> <i>2.2.2. Tín dụng Nhà nước</i> <i>2.2.3. Tín dụng ngân hàng</i>						Độc TLC 1, chương 2; Độc TLC 2, chương 10;
2.3. Vai trò của tín dụng <i>2.3.1. Tín dụng góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển</i> <i>2.3.2. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước</i> <i>2.3.3. Tín dụng góp phần quan trọng vào việc làm giảm thấp chi phí sản xuất và lưu thông</i> <i>2.3.4. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách xã hội và nâng cao đời sống dân cư</i>						Độc TLC 1, chương 2; Độc TLC 2, chương 10;
2.4. Các chức năng của tín dụng <i>2.4.1. Tập trung và phân phối lại tiền nhàn rỗi trên nguyên tắc hoàn trả</i> <i>2.4.2. Kiểm soát các hoạt động kinh tế bằng tiền</i>	1	1		2	4	Độc TLC 1, chương 2; Độc TLC 2, chương 10;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5. Lãi suất tín dụng 2.5.1. Khái niệm lợi tức tín dụng và lãi suất tín dụng 2.5.2. Phân loại lãi suất tín dụng 2.5.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng						Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
Chương 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2			2	4	
3.1. Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Ngân sách Nhà nước 3.1.2. Vai trò của Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.2. Thu Ngân sách Nhà nước 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm thu Ngân sách Nhà nước 3.2.2. Nội dung thu Ngân sách Nhà nước						Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.3. Chi Ngân sách Nhà nước 3.3.1. Khái niệm, đặc điểm chi Ngân sách Nhà nước 3.3.2. Nội dung chi Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.4. Cân đối ngân sách						Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.5. Phân cấp quản lý ngân sách 3.5.1. Khái niệm phân cấp quản lý ngân sách 3.5.2. Nội dung phân cấp quản lý ngân sách						Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.5.3. Nguyên tắc phân cấp quản lý ngân sách						
Chương 4. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3	2	1	6	12	
4.1. Khái niệm và vai trò của tài chính doanh nghiệp 4.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp 4.1.2. Vai trò của tài chính doanh nghiệp	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.2. Cấu trúc tài chính của doanh nghiệp 4.2.1. Cấu trúc về vốn kinh doanh 4.2.2. Cấu trúc về nguồn vốn kinh doanh						Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.3. Chi phí, doanh thu của doanh nghiệp 4.3.1. Chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm 4.3.2. Doanh thu của doanh nghiệp						Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.4. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp 4.4.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp 4.4.2. Phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1. Sự hình thành thị trường tài chính	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 15;
5.2. Cấu trúc thị trường tài chính 5.2.1. Thị trường nợ và thị trường cổ phiếu 5.2.2. Thị trường sở cấp và thị trường thứ cấp 5.2.3. Thị trường tiền tệ và thị trường vốn 5.2.4. Thị trường tập trung và phi tập trung						Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.3. Công cụ của thị trường tài chính 5.3.1. Công cụ của thị trường tiền tệ 5.3.2. Công cụ của thị trường vốn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.4. Các chủ thể tham gia thị trường tài chính 5.4.1. Nhà phát hành 5.4.2. Nhà đầu tư 5.4.3. Nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ 5.4.4. Nhà quản lý thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.5. Chức năng, vai trò của thị trường tài chính 5.5.1. Chức năng của thị trường tài chính 5.5.2. Vai trò của thị trường tài chính						Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
Chương 6. CÁC TỔ CHỨC	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TÀI CHÍNH TRUNG GIAN						
6.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của các tổ chức tài chính trung gian <i>6.1.1. Khái niệm tổ chức tài chính trung gian</i> <i>6.1.2. Chức năng của các tổ chức tài chính trung gian</i> <i>6.1.3. Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 6;
6.2. Các loại hình tổ chức tài chính trung gian <i>6.2.1. Các tổ chức nhận tiền gửi</i> <i>6.2.2. Các công ty tài chính</i> <i>6.2.3. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng</i> <i>6.2.4. Các trung gian đầu tư</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 6;
Chương 7. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	2			2	4	
7.1. Quá trình ra đời và phát triển của ngân hàng thương mại	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.2. Khái niệm và phân loại ngân hàng thương mại <i>7.2.1. Khái niệm ngân hàng thương mại</i> <i>7.2.2. Phân loại ngân hàng thương mại</i>						Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.3. Chức năng của ngân hàng thương mại <i>7.3.1. Chức năng trung gian tín dụng</i>						Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.3.2. Chức năng trung gian thanh toán 7.3.3. Chức năng tạo tiền						
7.4. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại 7.4.1. Hoạt động huy động vốn 7.4.2. Hoạt động sử dụng vốn 7.4.3. Các hoạt động khác	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8, chương 9;
Chương 8. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	3			3	6	
8.1. Ngân hàng Trung ương 8.1.1. Khái niệm Ngân hàng Trung ương 8.1.2. Chức năng của Ngân hàng Trung ương 8.1.3. Vai trò của Ngân hàng Trung ương	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 10;
8.2. Chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương 8.2.1. Định nghĩa 8.2.2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ 8.2.3. Nội dung cơ bản chính sách tiền tệ 8.2.4. Công cụ của chính sách tiền tệ	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 10;
Chương 9. LẠM PHÁT	3		2	5	10	
9.1. Khái niệm và phân loại lạm phát 9.1.1. Khái niệm	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 12;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.1.2. Phân loại lạm phát						
9.2. Nguyên nhân của lạm phát						Độc TLC 3, chương 12;
9.2.1. Lạm phát do nhu cầu tiền tăng						
9.2.2. Lạm phát do chi phí tăng						
9.2.3. Hệ thống chính trị không ổn định						
9.3. Tác động của lạm phát đến phát triển kinh tế xã hội	2			2	4	Độc TLC 3, chương 12;
9.3.1. Tác động của lạm phát vừa phải						
9.3.2. Tác động của lạm phát phi mã và siêu lạm phát						
9.4. Các biện pháp khắc phục lạm phát						Độc TLC 3, chương 12;
9.4.1. Giải pháp tác động vào tổng cầu						
9.4.2. Giải pháp tác động vào tổng cung						
9.4.3. Cải cách tiền tệ						
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 10. QUAN HỆ THANH TOÁN VÀ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	2			2	4	
10.1. Cán cân thanh toán quốc tế	1			1	2	Độc TLC 2, chương 18; Độc TLC 3, chương 11;
10.1.1. Khái niệm cán cân thanh toán quốc tế						
10.1.2. Nội dung cán cân thanh toán quốc tế						
10.1.3. Các biện pháp điều						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>chính cân cân thanh toán quốc tế</i>						Độc TLC 2, chương 16; Độc TLC 3, chương 11;
10.2. Tỷ giá hối đoái <i>10.2.1. Khái niệm và phương pháp yết tỷ giá hối đoái</i> <i>10.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái</i>						
10.3. Các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế thông dụng <i>10.3.1. Các phương tiện thanh toán quốc tế</i> <i>10.3.2. Các phương thức thanh toán quốc tế</i>	1			1	2	Độc TLC 2, chương 19; Độc TLC 3, chương 11;
10.4. Tín dụng quốc tế <i>10.4.1. Khái niệm tín dụng quốc tế</i> <i>10.4.2. Các hình thức tín dụng quốc tế</i>						Độc TLC 2, chương 19; Độc TLC 3, chương 11;
Cộng	24	3	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.22. Tổng quan du lịch

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tổng quan du lịch**
 - Tiếng Anh: **Overview of tourism**
- Mã học phần: OVT101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* hiểu được các vấn đề căn bản liên quan tới lĩnh vực du lịch, đặc điểm của du lịch cũng như sự phát triển của ngành du lịch, và vai trò của ngành du lịch trong phát triển kinh tế. Ngoài ra, sinh viên còn hiểu biết những kiến thức liên quan đến quản trị và xu hướng phát triển của ngành du lịch trong tương lai để áp dụng trong thực hiện các nghiệp vụ du lịch.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản về Hoạt động du lịch và khoa học du lịch; quá trình hình thành và phát triển của ngành du lịch thế giới và Việt Nam; các điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch; mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực khác; tính thời vụ, đặc điểm và biện pháp khắc phục tính thời vụ du lịch; nhiệm vụ và vai trò của người làm du lịch...
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào việc thực hiện các nghiệp vụ du lịch như: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, quản lý nhân sự trong du lịch, làm chủ tính thời vụ trong du lịch, quy hoạch du lịch...
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức đã học, người học nắm bắt được một cách tổng quan về các nội dung của hoạt động kinh doanh du lịch từ đó giúp nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn..

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Xác định được tầm quan trọng của môn học.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.
- + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.

+ Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: các khái niệm cơ bản, phương pháp và thực tiễn về du lịch; cung cấp các kiến thức chung, cơ bản về ngành du lịch và khách sạn của Việt nam và bối cảnh quốc tế bao gồm sự phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng của hệ thống du lịch và các thành phần có liên quan. Học phần giúp cho sinh viên hiểu được các ảnh hưởng về kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường đến công nghiệp du lịch, hướng giải quyết những vấn nạn do phát triển du lịch gây ra.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), *Giáo trình Kinh tế du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

2. Trần Thị Mai (2008), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Lao động – Xã hội

3. Nguyễn Minh Tuệ (2012), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2013), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lễ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2008), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Nguyễn Đình Quang, Trần Thị Thúy Lan (2013), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DU LỊCH	5	2		7	14	
1.1. Một số khái niệm về du lịch 1.1.1. Các quan niệm về du lịch 1.1.2. Khách du lịch 1.1.3. Hoạt động du lịch và ngành du lịch 1.1.4. Tài nguyên du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Các bộ phận cấu thành của hoạt động du lịch 1.2.1. Hoạt động vận chuyển du lịch 1.2.2. Hoạt động lưu trú 1.2.3. Hoạt động ăn uống 1.2.4. Hoạt động giải trí 1.2.5. Lữ hành và các hoạt động	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trung gian						
1.3. Sự hình thành và phát triển ngành du lịch <i>1.3.1. Cơ sở hình thành ngành du lịch</i> <i>1.3.2. Các điều kiện phát triển ngành du lịch</i> <i>1.3.3. Lịch sử phát triển ngành du lịch</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 3
1.4. Các tổ chức du lịch <i>1.4.1. Một số tổ chức du lịch trên thế giới</i> <i>1.4.5. Một số tổ chức du lịch tại Việt Nam</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 1
Chương 2. ĐỘNG CƠ VÀ LOẠI HÌNH DU LỊCH	6	2		8	16	
2.1. Động cơ du lịch <i>2.1.1. Lý do đi du lịch</i> <i>2.1.2. Lý do cản trở đi du lịch</i> <i>2.1.3. Động cơ du lịch</i> <i>2.1.4. Những điều kiện hình thành nhu cầu du lịch</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 4
2.2. Loại hình du lịch <i>2.2.1 Khái niệm loại hình du lịch</i> <i>2.2.2. Các loại hình du lịch theo mục đích chuyến đi</i> <i>2.2.3. Các loại hình du lịch theo phạm vi lãnh thổ</i> <i>2.2.4. Các loại hình du lịch theo việc sử dụng phương tiện vận</i>	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
chuyển của khách du lịch 2.2.5. Sự biến đổi của các loại hình du lịch						
2.3. Sản phẩm du lịch 2.3.1. Khái niệm sản phẩm du lịch 2.3.2. Các bộ phận hợp thành sản phẩm du lịch 2.3.3. Đặc trưng cơ bản của sản phẩm du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC 3, chương 4
Chương 3. TÍNH THỜI VỤ TRONG DU LỊCH	6	2		8	16	
3.1.Những vấn đề cơ bản về thời vụ trong du lịch 3.1.1 Khái niệm về thời vụ trong du lịch 3.1.2 Các đặc điểm của thời vụ du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
3.2. Các nhân tố tác động đến thời vụ trong du lịch 3.2.1. Nhân tố mang tính tự nhiên 3.2.2. Nhân tố mang tính kinh tế - xã hội 3.2.3. Nhân tố mang tính tổ chức – kỹ thuật 3.2.4. Các nhân tố khác	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5
3.3. Một số biện pháp giảm sự tác động bất lợi của tình thời vụ du lịch 3.4.1. Các tác động bất lợi của thời vụ du lịch 3.4.2. Phương hướng và biện	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
pháp chính làm giảm những tác động bất lợi do tính thời vụ trong du lịch mang lại						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	5	2		7	14	
4.1. Những vấn đề cơ bản về điểm đến du lịch 4.1.1. Quan niệm về điểm đến du lịch 4.1.2. Đặc điểm chung của điểm đến du lịch 4.1.3 Các yếu tố cấu thành của một điểm đến du lịch 4.1.4. Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật 4.1.5. Chu kỳ phát triển của điểm đến du lịch 4.1.6. Sức chứa của điểm đến du lịch	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 11 Đọc TLC 2, chương 3
4.2. Điểm hấp dẫn du lịch 4.2.1. Quan niệm về điểm hấp dẫn 4.2.2. Các loại điểm hấp dẫn 4.2.3. Phân loại các điểm đến hấp dẫn	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 11 Đọc TLC 2, chương 3
Chương 5. TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA – XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	5	1		6	12	
5.1. Tác động về kinh tế 5.1.1. Quan niệm về tác động kinh	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tế						
5.1.2. Các lợi ích về kinh tế						
5.2. Tác động về văn hóa – xã hội	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 2, chương 8
5.2.1. Quan niệm về tác động văn hóa – xã hội						
5.2.2. Các hậu quả xã hội chủ yếu						
5.2.3. Các tác động văn hóa						
5.3. Tác động về môi trường	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 8
5.3.1. Quan niệm về tác động của môi trường						
5.3.2. Tác động của du lịch đến môi trường thành thị						
5.3.3. Tác động của du lịch đến môi trường nông thôn						
5.3.4. Ảnh hưởng của du lịch đại chúng						
Chương 6. QUY HOACH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH	5	2		7	14	
6.1. Quy hoạch du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 10
6.1.1. Các cách tiếp cận quy hoạch du lịch						
6.1.2. Tầm quan trọng của quy hoạch du lịch						
6.1.3. Tiến trình quy hoạch du lịch						
6.2. Phát triển du lịch	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 10 Đọc TLC 2, chương 7
6.2.1. Xu hướng phát triển du lịch						
6.2.2. Dự án phát triển du lịch						
6.2.3. Vai trò của Nhà nước và Doanh nghiệp trong phát triển du lịch						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32	11	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.23. Quản lý nhà nước về du lịch

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý nhà nước về du lịch**
 - Tiếng Anh: **State management of tourism**
- Mã học phần: SMT202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành,

Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sau khi nghiên cứu học phần quản lý nhà nước về du lịch người học trình bày được những kiến thức cơ bản như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch.

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Sau khi học xong sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp*: áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực du lịch sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác trong vấn đề quản lý nhà nước về du lịch.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan để giải thích được các quy định cơ bản về quản lý nhà nước về du lịch.

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý nhà nước về du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản lý nhà nước về du lịch nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản lý của nhà nước trong lĩnh vực du lịch. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch (Quản lý quy hoạch phát triển du lịch; Quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; Quản lý kinh doanh du lịch; Quản lý hướng dẫn du lịch; Xúc tiến du lịch; Hợp tác quốc tế về du lịch; Thanh tra, kiểm tra du lịch)

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), *Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn*, NXB Lao động – Xã hội.

2. Đỗ Văn Phúc (2009), *Quản lý doanh nghiệp*, NXB Bách khoa – Hà Nội.

3. Trần Thị Mai (2008), *Giáo trình tổng quan du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Khắc Thái Sơn (2009), *Giáo trình quản lý nhà nước về đất đai*, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
2. Trần Thị Thúy Loan, Nguyễn Đình Quang (2013), *Tổng quan du lịch*, NXB Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), *Quản trị kinh doanh lễ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Võ Kim Sơn, (2012), *Giáo trình quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu (2010), *Du lịch bền vững*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH	6			6	12	
1.1. Một số vấn đề chung về quản lý nhà nước 1.1.1. Một số khái niệm 1.1.2. Bản chất của quản lý nhà nước 1.1.3. Đặc điểm của quản lý nhà nước 1.1.4. Chức năng của quản lý nhà nước 1.1.5. Nguyên tắc trong quản lý nhà nước 1.1.6. Các công cụ quản lý hành chính nhà nước	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 2
1.2. Một số vấn đề quản lý nhà nước về du lịch 1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về du lịch 1.2.2. Vai trò quản lý nhà nước về du lịch 1.2.3. Đối tượng quản lý nhà nước về du lịch 1.2.4. Chức năng quản lý nhà nước về du lịch 1.2.5. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 2. BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU	7			7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LỊCH						
2.1. Quá trình phát triển của công tác quản lý nhà nước về du lịch <i>2.1.1. Lịch sử ra đời và phát triển của ngành du lịch</i> <i>2.1.2. Công tác quản lý nhà nước về du lịch từ khi thành lập đến nay</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, phần 2 Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch <i>2.2.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch.</i> <i>2.2.2. Các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở nước ta hiện nay</i>	4			4	8	Đọc TLC 1, phần 2 Đọc TLC 2, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH	11	4		15	30	
3.1. Quản lý quy hoạch phát triển du lịch <i>3.1.1. Các loại quy hoạch phát triển du lịch</i> <i>3.1.2. Nguyên tắc xây dựng quy hoạch phát triển du lịch</i> <i>3.1.3. Nội dung quy hoạch phát triển du lịch</i> <i>3.1.4. Thẩm quyền lập, phê duyệt, quyết định quy hoạch phát</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, phần 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
triển du lịch 3.1.5. Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển du lịch						
3.2. Quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch 3.2.1. Quản lý khu du lịch 3.2.2. Quản lý điểm du lịch 3.2.3. Quản lý tuyến du lịch 3.2.4. Quản lý đô thị du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 3
3.3. Quản lý kinh doanh du lịch 3.3.1. Quy định chung về kinh doanh du lịch 3.3.2. Kinh doanh lữ hành 3.3.3. Kinh doanh vận chuyển khách du lịch 3.3.4. Kinh doanh lưu trú du lịch 3.3.5. Kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch 3.3.6. Kinh doanh dịch vụ trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
3.4. Quản lý hướng dẫn du lịch 3.4.1. Khái niệm hướng dẫn viên du lịch 3.4.2. Quản lý hướng dẫn viên du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
3.5. Xúc tiến du lịch 3.5.1. Nội dung xúc tiến du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.5.2. Chính sách xúc tiến du lịch 3.5.3. Hoạt động xúc tiến du lịch của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch 3.5.4. Hoạt động xúc tiến du lịch của doanh nghiệp du lịch						
3.6. Hợp tác quốc tế về du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, phần 2
3.7. Thanh tra, kiểm tra du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, phần 2
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.24. Quản trị doanh nghiệp du lịch

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị doanh nghiệp du lịch**
 - Tiếng Anh: **Management of travel Agency**
- Mã học phần: KTDL2404
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần quản trị doanh nghiệp du lịch người học trình bày được những kiến thức cơ bản như tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch. Ngoài ra, người học có thể phân tích hoạt động quản trị kinh doanh của một số loại hình doanh nghiệp điển hình như: nhà hàng, khách sạn, doanh nghiệp lữ hành, đại lý du lịch.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Sau khi học xong sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực du lịch sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ làm bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong việc quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan nhằm xác định được các hoạt động quản trị kinh doanh của một số loại hình doanh nghiệp.

+ Có khả năng tự định hướng hoạt động thực hiện nhiệm vụ được giao, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: cơ quan nhà nước, doanh nghiệp trong và ngoài nước, ...

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ trong quản trị doanh nghiệp du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị doanh nghiệp du lịch nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản trị các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch như: tổng quan về quản trị doanh

ng nghiệp du lịch, hoạt động quản trị kinh doanh trong một doanh nghiệp du lịch như: quản trị nguồn nhân lực, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị chiến lược, quản trị chất lượng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Lesley Pender, Richard Sharpley (2005), *The management of Tourism*, SAGE Publications
3. Sơn Hồng Đức (2012), *Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng lý luận và thực tiễn*, NXB Phương Đông

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Thị Mai (2008), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Lao động-xã hội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP DU LỊCH	4			4	8	
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của kinh doanh du lịch <i>1.1.1. Khái quát về nguồn gốc kinh doanh du lịch</i> <i>1.1.2. Những hình thức sơ khai của hoạt động du lịch</i> <i>1.1.3. Sự nghiệp kinh doanh du lịch của Thomas Cook</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 3,4
1.2. Khái niệm về doanh nghiệp và doanh nghiệp du lịch <i>1.2.1. Khái niệm doanh nghiệp</i> <i>1.2.2. Khái niệm doanh nghiệp du lịch</i> <i>1.2.3. Các loại hình doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 3,4
1.3. Quản trị doanh nghiệp du lịch <i>1.3.1. Khái niệm quản trị doanh nghiệp du lịch</i> <i>1.3.2. Vai trò của quản trị trong kinh doanh du lịch</i> <i>1.3.3. Thị trường của doanh</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 3,4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ngành du lịch						
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH	5	2		7	14	
2.1. Khái niệm và vai trò quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh du lịch 2.1.1. Khái niệm quản trị nguồn nhân lực 2.1.2. Vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
2.2. Nội dung quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch 2.2.1. Vận dụng học thuyết Z vào quản lý nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch 2.2.2. Vận dụng phương pháp quản lý định hướng khách hàng trong quản trị nguồn nhân lực 2.2.3. Các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến quản trị nhân lực của doanh nghiệp du lịch. 2.2.4. Nội dung quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	4	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 5
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ	6,5	2		8,5	17	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
MARKETING TRONG DOANH NGHIỆP DU LỊCH						
3.1. Khái quát về marketing và quản trị marketing trong doanh nghiệp du lịch <i>3.1.1. Những khái niệm cơ bản của marketing</i> <i>3.1.2. Quản trị marketing trong kinh doanh du lịch</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1,2
3.2. Nội dung quản trị marketing trong doanh nghiệp du lịch <i>3.2.1. Phân tích môi trường marketing của doanh nghiệp du lịch</i>	1.5			1.5	3	Đọc TLC 1, chương 4,5
3.2.2. Thị trường khách du lịch và hành vi mua của khách du lịch <i>3.2.3 Xác định mục tiêu và lựa chọn thị trường mục tiêu</i> <i>3.2.4. Chiến lược marketing mix của doanh nghiệp du lịch</i>	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 3,6,7,8
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC TRONG DOANH NGHIỆP DU LỊCH	4.5	2		6.5	15	
4.1. Khái quát về quản trị chiến lược	1.5			1.5	3	Đọc TL 2, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.1. Khái niệm chiến lược 4.1.2. Khái niệm quản trị chiến lược 4.1.3. Vai trò của quản trị chiến lược trong kinh doanh du lịch						
4.2. Nội dung quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch 4.2.1. Phân tích PESTEL trong kinh doanh du lịch 4.2.2. Mô hình 5 lực lượng cạnh tranh trong kinh doanh du lịch 4.2.3. Phân tích chuỗi giá trị trong kinh doanh du lịch 4.2.4. Phân tích SWOT 4.2.5. Đề xuất các phản ứng chiến lược cho doanh nghiệp du lịch	4	2		6	12	Đọc TL 2, chương 6 Đọc TL 2, chương 7, 8, 9, 10
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP DU LỊCH	4			4	8	
5.1. Một số khái niệm cơ bản về quản trị tài chính trong doanh nghiệp du lịch 5.1.1. Tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính 5.1.2. Báo cáo kết quả kinh	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
doanh						
5.1.3. Bảng cân đối kế toán						
5.2. Nội dung quản trị tài chính trong doanh nghiệp du lịch	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 5,6,7,8
5.2.1. Lập ngân sách và dự toán ngân sách cho dự án đầu tư						
5.2.2. Hoạch định ngân sách vốn						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 6: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ DU LỊCH	8	4		12	24	
6.1. Dịch vụ du lịch và chất lượng dịch vụ	2			2	4	
6.1.1. Dịch vụ và đặc điểm của dịch vụ du lịch						
6.1.2. Quản trị chất lượng dịch vụ						
6.2. Các mô hình cung ứng dịch vụ theo quan điểm quản trị chất lượng	3	2		5	10	
6.2.1. Mô hình SERVUCTION						
6.2.2. Mô hình 5 khoảng cách chất lượng dịch vụ						
6.3. Tiêu chí đánh giá và đo lường chất lượng dịch vụ	3	2		5	10	
Tổng cộng	33	10	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.24. Quản trị doanh nghiệp du lịch (TA)

3TC

1. Course information

- Course title:

- Vietnamese: **Quản trị doanh nghiệp du lịch**
- English: **Management of travel agency**

- Course code: KTDL2404

- Course credit value: 03 credits

- Objective learners: University students, Management of Tourism and Travel service

- The position of the module in the training program:

General education knowledge ☐		Professional education knowledge ☒				
		Foundation knowledge of the major ☐		Knowledge of the major ☒		Internship and thesis ☐
Compulsory ☐	Optional ☐	Compulsory ☐	Optional ☐	Compulsory ☒	Optional ☐	

- Prerequisites: Overview of tourism, Management

- Total periods: 45 periods

- Theories : 33 periods
- Exercises : 10 periods
- Tests : 02 periods

- Self-study: 90 hours

- Department in charge of the course: Tourism Administration Division, Environmental and Natural Resources Economics Faculty

2. Course objectives

After finishing the course, students will achieve the following objectives:

- About knowledge: Learners have clear and firm understandings in the field of Tourism and Travel Service Administration; have general knowledge about theory and practice related to the organization and implementation of tourism and travel business activities; have in-depth, specific knowledge about the type and basic principles of service, tour-guide business organization, hotel-restaurant, event-convention, entertainment; process of designing, operating and implementing tourism programs and events; process of operating and managing service provision activities ... at a tourism business.

- About skills: Learners perform well planning, coordinating work and supervising activities of shifts, groups, working groups in tourism business units; flexible behavior in negotiation, sales, voiceover and handling of situations; advise and

propose management, administration, travel business, hotels, restaurants and events; develop, implement and effectively control work plans at the job site.

- About autonomy and responsibility:
 - + Having the capacity to lead in relevant professional skills to identify business administration activities of some types of enterprises.
 - + Ability to self-direct the performance of assigned tasks, adapt to different working environments: state agencies, domestic and foreign enterprises, ...
 - + Self-learning, accumulating knowledge to improve qualifications in tourism business management.

3. Course description

The module Management of Travel agency researches issues related to the management of enterprises in the field of tourism such as: human resource management, marketing management, financial management, strategic management, quality management.

4. Course materials

4.1. Main materials (MM):

1. Nguyen Van Manh, Hoang Thi Lan Huong (2013), *Hotel Management*, National Economics Publications.
2. Lesley Pender, Richard Sharpley (2005), *The management of Tourism*, SAGE Publications.
3. Son Hong Duc (2012), *Resort management: theory and practice*, Phuong Dong Publications.

4.2. Further materials:

1. Tran Thi Mai (2008), *Overview of tourism*, LD-XH Publication.

5. Teaching and learning methods

The main teaching and learning methods are:

Presentation	☒	Interview	☐	Conversation	☐
Mind map	☐	Working group	☒	Situation	☒
Project-based teaching	☐	Teaching practice	☐	Data collection	☒
Analyzing and processing data	☐	Presenting scientific reports	☐	Self learning	☒

6. Duties of students

- Prepare for the lessons before going to class
- Focus and actively participate in the lessons
- Prepare and discuss in class following teacher's guidance
- Take part in all required tests
- Condition for taking part in the final exam: attend at least 70% in class

7. Assessment scale

Students are assessed according to a scale of 10, converted to text scale and scale of 4 in accordance with current regulations.

8. Assessment forms and methods

8.1. Process assessment

Weight of 40%, including:

Essay ☒ Multiple-choice ☐ Discussion groups ☒ Great homework ☐ Practice ☐ Other ☐

8.2. Final assessment

Weight of 60%

- Examination form:

Writing ☒ Multiple choice ☐ Experiment ☐ Questions and Answers ☐

9. Course detail contents

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHAPTER 1. OVERVIEW OF TOURISM BUSINESS MANAGEMENT	4			4	8	
1.1. History of formation and development of business travel 1.1.1. Overview of the business travel origin 1.1.2. Primitive forms of tourism activity 1.1.3. Tourism business career of Thomas Cook	1			1	2	Read MM 1, chapter 3 Read MM 3, chapter 3,4
1.2. Concept of tourism business 1.2.1. Concept of business 1.2.2. Concept of tourism business 1.2.3. Types of tourism service businesses	1			1	2	Read MM 1, chapter 3 Read MM 3, chapter 3,4

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3. Tourism business management 1.3.1. Concept of tourism business management 1.3.2. The role of governance in tourism business 1.3.3. Market of tourism businesses	2			2	4	Read MM 1, chapter 3 Read MM 3, chapter 3,4
CHAPTER 2. MANAGEMENT OF HUMAN RESOURCES OF TOURISM BUSINESS	5	2		7	14	
2.1. Concept and role of human resource management in business travel 2.1.1. Human resource management concept 2.1.2. The role of human resource management in tourism businesses	1			1	2	Read MM 1, chapter 5
2.2. Content of human resource management in tourism businesses 2.2.1. Apply Z theory to human resource management in tourism businesses 2.2.2. Applying the customer management method in human resource management 2.2.3. The basic factors	4	2		4	8	Read MM 1, chapter 5

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
affecting human resource management of tourism businesses 2.2.4. Content of human resource management in tourism businesses						
CHAPTER 3. MARKETING MANAGEMENT IN TOURISM BUSINESSES	6,5	2		8,5	17	
3.1. Overview of marketing and marketing management in tourism businesses 3.1.1. The basic concepts of marketing 3.1.2. Managing marketing in tourism business	1			1	2	Read MM 1, chapter 1,2
3.2. Content marketing management in tourism businesses 3.2.1. Analyze the tourism marketing environment	5.5	2		7.5	15	Read MM 1, chapter 4,5
3.2.2. The tourist market and the buying behavior of tourists 3.2.3 Target setting and target market selection 3.2.4. Marketing mix strategies of tourism businesses						Read MM 1, chapter 3,6,7,8
Test			1	1	2	
CHAPTER 4. STRATEGIC	4.5	2		6.5	15	

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
MANAGEMENT IN TOURISM BUSINESSES						
4.1. Overview of strategic management 4.1.1. Strategic concept 4.1.2. Strategic management concept 4.1.3. The role of strategic management in business travel	1.5			1.5	3	Read TL 2, chapter 6
4.2. Content of strategic management in tourism business 4.2.1. PESTEL analysis in tourism business 4.2.2. Model 5 forces to compete in tourism business 4.2.3. Value chain analysis in tourism business 4.2.4. SWOT analysis 4.2.5. Proposing strategic responses for tourism businesses	4	2		6	12	Read TL 2, chapter 6
CHAPTER 5. FINANCIAL MANAGEMENT IN TOURISM BUSINESSES	4			4	8	
5.1. Some basic concepts of financial management in tourism business 5.1.1 Corporate finance and financial management 5.1.2 Business Report	2			2	4	Read MM 3, chapter 1

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1.3 Accounting balance sheet						
5.2. Content of financial management in tourism businesses 5.2.1 Budgeting and budgeting for investment projects 5.2.2 Capital budgeting	2			2	4	Read MM 3, chapter 5,6,7,8
Test			1	1	2	
CHAPTER 6. QUALITY MANAGEMENT OF TOURISM SERVICES	8	4		12	24	Read MM 3, chapter 3
6.1. Travel services and service quality 6.1.1. Services and characteristics of travel services 6.1.2. Quality of service management	2			2	4	
6.2. Models of service provision from the perspective of quality management 6.2.1. SERVUCTION model 6.2.2. 5 gaps model service quality						
6.3. Criteria for evaluating and measuring service quality	3	2		5	10	
Total	33	10	2	45	90	

Note: Th: Theory; Ex: Exercise; Dis, T: Discussion, Test; S.s: Self-study; h: hour.

4.5.25. Quản trị nguồn nhân lực

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị nguồn nhân lực**
 - Tiếng Anh: **Human resources management**
- Mã học phần: HRM203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, major in Service Management and Marketing
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học hiểu được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả.
- *Về kỹ năng*: Vận dụng sáng tạo những vấn đề cơ bản của quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị du lịch và lữ hành; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận

về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), *Giáo trình quản trị nhân lực căn bản*, NXB Thống kê.

2. Nguyễn Ngọc Quân (2012), *Quản trị nhân lực*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

3. **Trần Kim Dung (2016), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Kinh tế TP HCM.**

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. John. M. Ivancevich (2010), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

2. Lưu Trọng Tuấn (2014), *Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn*, NXB Lao động.

3. Nhiều tác giả (2012), *Quản lý nhân sự*, NXB Tài chính.

4. Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý (2008), *Quản lý nguồn lực trong doanh nghiệp*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC	3			3	6	
1.1. Khái niệm, chức năng và nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực <i>1.1.1. Khái niệm nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực</i> <i>1.1.2. Các chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực</i> <i>1.1.3. Nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 chương 1
1.2. Các nội dung cơ bản của quản trị nguồn nhân lực <i>1.2.1. Nội dung của quản trị nhân lực tiếp cận theo quá trình</i> <i>1.2.2. Nội dung của quản trị nhân lực tiếp cận theo tác nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 chương 1
1.3. Các học thuyết và tư tưởng quản trị nhân lực <i>1.3.1. Học thuyết quản trị nguồn</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nhân lực phương đông 1.3.2. Học thuyết quản trị nguồn nhân lực phương tây 1.3.3. Tư tưởng quản trị nhân lực Việt Nam.						
CHƯƠNG 2. HOẠCH ĐỊNH NHÂN LỰC	6	1		7	14	
2.1. Khái niệm và vai trò của hoạch định nhân lực. 2.1.1. Khái niệm hoạch định nhân lực 2.1.2. Vai trò của hoạch định nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
2.2. Nguyên tắc, yêu cầu và căn cứ hoạch định nguồn nhân lực 2.2.1. Nguyên tắc hoạch định nguồn nhân lực 2.2.2. Yêu cầu hoạch định nguồn nhân lực 2.2.3. Căn cứ hoạch định nguồn nhân lực. 2.2.4. Các phương pháp phân tích công việc.	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2
2.3. Nội dung hoạch định nguồn nhân lực 2.3.1. Hoạch định chiến lược nhân lực 2.3.2. Hoạch định chiến thuật nhân lực 2.3.3. Hoạch định tác nghiệp	3	1		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nhân lực						
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC	7	2		9	18	
3.1. Công việc và chức danh công việc 3.1.1. Công việc 3.1.2. Chức danh công việc.	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 3 Đọc TLC 1, chương 3
3.2. Khái niệm vai trò của phân tích công việc 3.2.1. Khái niệm phân tích công việc 3.2.2. Mối quan hệ giữa phân tích và thiết kế công việc 3.2.3. Các trường hợp cần tiến hành phân tích công việc 3.2.4. Vai trò của phân tích công việc 3.2.5. Một số vấn đề thường gặp trong quá trình phân tích công việc	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 3 Đọc TLC 1, chương 3
3.3. Sản phẩm của phân tích công việc 3.3.1. Bản mô tả công việc 3.3.2. Bản tiêu chuẩn công việc	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 3 Đọc TLC 1, chương 3
3.4. Quy trình phân tích công việc 3.4.1. Xác định sự phù hợp của cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của bộ phận với chiến lược kinh doanh	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4.2. Lập danh sách các chức danh cần phân tích 3.4.3. Xác định đối tượng tham gia phân tích công việc 3.4.4. Thu thập thông tin phân tích 3.4.5. Xây dựng sản phẩm phân tích công việc 3.4.6. Ban hành và sử dụng kết quả phân tích công việc 3.4.7. Điều chỉnh phân tích công việc.						
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	5	1		6	12	
4.1. Khái niệm, vai trò tổ chức bộ máy quản trị nhân lực 4.1.1. Khái niệm tổ chức bộ máy quản trị nhân lực 4.1.2. Vai trò tổ chức bộ máy quản trị nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
4.2 Chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản trị nhân lực 4.2.1. Chức năng của bộ máy quản trị nhân lực 4.2.2. Nhiệm vụ của bộ máy quản trị nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
4.3 Hình thức tổ chức của bộ máy quản trị nhân lực 4.3.1. Theo cấu trúc giản đơn 4.3.2. Theo cấu trúc chức năng	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.3. Theo cấu trúc hỗn hợp 4.3.4. Theo cấu trúc HRBP						
4.4. Lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực 4.4.1. Căn cứ lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực 4.4.2. Nguyên tắc lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
4.5. Bộ máy chuyên trách hoạt động quản trị nhân lực 4.5.1. Quy mô và cơ cấu bộ phận chuyên trách hoạt động quản trị nhân lực 4.5.2. Tiêu chuẩn đối với chức danh chuyên trách công tác nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	8	2		10	20	
5.1. Khái niệm và vai trò của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực 5.1.1. Khái niệm tổ chức hoạt động quản trị nhân lực 5.1.2. Vai trò của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
5.2. Nội dung của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực 5.2.1. Tổ chức hoạt động tuyển dụng	6	2		8	16	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.2. Tổ chức hoạt động bố trí và sử dụng nhân lực 5.2.3. Tổ chức hoạt động đào tạo phát triển 5.2.4. Tổ chức hoạt động đánh giá thực hiện công việc nhân lực 5.2.5. Tổ chức hoạt động đãi ngộ nhân lực 5.2.6. Tổ chức hoạt động khác						
CHƯƠNG 6. TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC	3	1		4	8	
6.1. Khái niệm và vai trò tạo động lực 6.1.1. Khái niệm tạo động lực 6.1.2. Vai trò của tạo động lực	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
6.2. Các học thuyết tạo động lực 6.2.1. Nhóm các học thuyết nhu cầu của người lao động 6.2.2. Nhóm các học thuyết theo cách thức theo cách thức của tạo động lực làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
6.3. Quy trình tạo động lực 6.3.1. Xác định nhu cầu của người lao động 6.3.2. Phân loại nhu cầu của người lao động 6.3.3. Thiết kế chương trình tạo động lực của người lao động 6.3.4. Triển khai chương trình tạo động lực làm việc cho người	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lao động 6.3.5. Đánh giá tạo động lực làm việc cho người lao động						
CHƯƠNG 7. KIỂM SOÁT QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	4			4	8	
7.1. Khái niệm vai trò kiểm soát quản trị nhân lực 7.1.1. Khái niệm kiểm soát quản trị nhân lực 7.1.2. Vai trò kiểm soát quản trị nhân lực 7.1.3. Nguyên tắc kiểm soát quản trị nhân lực	1			1	2	Độc TLC 1, chương 7 Độc TLC 2, chương 6
7.2. Phân loại kiểm soát quản trị nhân lực 7.2.1. Kiểm soát trước khi thực hiện hoạt động quản trị nhân lực 7.2.2. Kiểm soát trong khi thực hiện hoạt động quản trị nhân lực 7.2.3. Kiểm soát sau khi thực hiện hoạt động quản trị nhân lực	1			1	2	Độc TLC 1, chương 7 Độc TLC 2, chương 6
7.3. Nội dung kiểm soát quản trị nhân lực 7.3.1. Theo cách tiếp cận quá trình 7.3.2. Theo cách tiếp cận tác nghiệp	1			1	2	Độc TLC 1, chương 7 Độc TLC 2, chương 6
7.4. Quy trình kiểm soát quản trị nhân lực 7.4.1. Xác định tiêu chuẩn kiểm	1			1	2	Độc TLC 1, chương 7 Độc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>soát</i> <i>7.4.2. Đo lường kết quả hoạt động quản trị nhân lực</i> <i>7.4.3. Phân tích chênh lệch giữa tiêu chuẩn và kết quả thực hiện quản trị nhân lực</i> <i>7.4.4. Tiến hành điều chỉnh hoạt động quản trị nhân lực</i>						chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.26. Quản trị sự kiện

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quản trị sự kiện**
- Tiếng Anh: **Event management**
- Mã học phần: ETM203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor học, ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒		

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
- Bài tập: 08 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành,

Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần quản trị sự kiện người học trình bày được những kiến thức cơ bản như các nội dung quản trị trong tổ chức sự kiện, chúng có mối quan hệ như thế nào đối với hoạt động du lịch. Ngoài ra, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức trong quá trình tổ chức sự kiện như chuẩn bị chương trình, quản trị hậu cần, lập kế hoạch cho sự kiện, tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Sau khi học xong sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị sự kiện.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực tổ chức chương trình sự kiện sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong hoạt động quản trị sự kiện.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về quản trị sự kiện.

+ Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong công tác tổ chức sự kiện, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản trị sự kiện.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị sự kiện nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản trị các hoạt động trong lĩnh vực tổ chức sự kiện như: hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán ngân sách cho sự kiện; lập kế hoạch tổ chức sự kiện; Các hoạt động chuẩn bị trước khi diễn ra sự kiện; chuẩn bị hậu cần tổ chức sự kiện; tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lưu Văn Nghiêm (2012), *Tổ chức sự kiện*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.
2. TS. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2013), *Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội*, NXB Hà Nội.
3. TS. Thái Trí Dũng (2012), *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. *Festival and special event management*- Johnny Allen, William O'toole, Ian McDonnell, Robert Harris- Wiley Australia Tourism Series.
2. University of Manitoba – Resource Guide: Special Event Planners.
3. *Event Risk Management and Safety* by Peter E. Tarlow in Front Matter

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ SỰ KIỆN	5			5	10	
1.1. Khái quát về sự kiện 1.1.1. Khái niệm sự kiện 1.1.2. Các loại hình sự kiện 1.1.3. Các thành phần tham gia trong sự kiện. 1.1.4. Ý nghĩa của sự kiện	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Quản trị sự kiện 1.2.1 Khái niệm quản trị sự kiện 1.2.2 Các hoạt động cơ bản trong quản trị sự kiện 1.2.3 Các yếu tố tác động tới quản trị sự kiện	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2, chương 5
1.3. Ngành công nghiệp sự kiện 1.3.1 lịch sử ra đời của ngành sự kiện 1.3.2 các bộ phận hợp thành của ngành công nghiệp sự kiện 1.3.3 Xu hướng phát triển của ngành sự kiện trên thế giới 1.3.4 Tình hình tổ chức sự kiện ở Việt Nam	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 2. LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC SỰ KIỆN	8	2		10	20	
2.1. Khái quát về kế hoạch tổ chức sự kiện	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.1. Khái niệm kế hoạch tổ chức sự kiện 2.1.2. Phân loại kế hoạch trong tổ chức sự kiện 2.1.3. Vai trò của kế hoạch trong tổ chức sự kiện						Đọc TLC 2, chương 3
2.2. Nội dung lập kế hoạch trong tổ chức sự kiện 2.2.1. Một số yêu cầu cơ bản và quy trình chung khi lập kế hoạch tổ chức sự kiện 2.2.2. Hệ thống hóa các hoạt động trong sự kiện	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3
2.3 Quá trình lập kế hoạch tổ chức sự kiện 2.3.1 Xác định mục tiêu của sự kiện 2.3.2 Xác định chủ đề sự kiện 2.3.3 Xác định đối tượng đại biểu 2.3.4 Xây dựng chương trình kế hoạch 2.3.5 Lập thời gian biểu và lựa chọn địa điểm 2.3.6 Xác định ngân sách sự kiện 2.3.7 Tài trợ sự kiện	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 2,; Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VÀ TRUYỀN	6	2		8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
THÔNG MARKETING SỰ KIỆN						
3.1 Những vấn đề pháp lý của quản trị sự kiện <i>3.1.1 Đàm phán và hợp đồng phục vụ sự kiện</i> <i>3.1.2 Quy định, đăng ký và giấy phép</i> <i>3.1.3 Nhãn hiệu và biểu tượng</i> <i>3.1.4 An toàn an ninh và bảo hiểm sự kiện</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 2, chương 5
3.2 Truyền thông marketing sự kiện <i>3.1.1 khái niệm và vai trò của truyền thông marketing sự kiện</i> <i>3.1.2 Các công cụ truyền thông marketing sự kiện</i> <i>3.1.3 Nội dung truyền thông marketing sự kiện</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 2, chương 4
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ HẬU CẦN CHO SỰ KIỆN	10	2		12	24	
4.1. Khái quát về quản trị hậu cần cho sự kiện <i>4.1.1. Khái niệm quản trị hậu cần cho sự kiện</i> <i>4.1.2. Vai trò của quản trị hậu cần cho sự kiện</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 6
4.2. Quy trình chung trong quản trị hậu cần cho sự kiện <i>4.2.1. Lập kế hoạch về cung</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ứng dịch vụ 4.2.2. Lựa chọn các nhà cung ứng dịch vụ hỗ trợ 4.2.3. Thương lượng và ký kết hợp đồng cung ứng dịch vụ 4.2.4. Kiểm soát và phối hợp cung ứng dịch vụ 4.2.5. Dự tính và xử lý các sự cố có liên quan.						
4.3. Chuẩn bị hậu cần sự kiện 4.3.1 Thành lập ban tổ chức sự kiện 4.3.2 Chuẩn bị các công việc có liên quan đến khách mời tham gia sự kiện 4.3.3 Chuẩn bị địa điểm tổ chức sự kiện 4.3.4 Chuẩn bị nhân lực cho sự kiện 4.3.5 Cung ứng dịch vụ lưu trú 4.3.6 Cung ứng dịch vụ ăn uống 4.3.7 Chuẩn bị các yếu tố khác cho sự kiện	6	1		7	14	Đọc TLC 2, chương 2
4.4. Dự tính và xử lý các sự cố trong sự kiện 4.4.1. Khái niệm sự cố trong sự kiện 4.4.2. Dự tính và xử lý các sự cố có liên quan đến chủ đề	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
chính của sự kiện						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA SỰ KIỆN	8	2		10	20	
5.1. Tổ chức triển khai hoạt động của sự kiện 5.1.1. Tổ chức khai mạc sự kiện 5.1.2. Tổ chức không gian, sân khấu, âm thanh, ánh sáng 5.1.3. Tổ chức ăn uống trong sự kiện 5.1.4. Tổ chức quay phim, chụp ảnh, và hoạt động giải trí	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 6
5.2. Đánh giá sự kiện 5.2.1. Hoạt động sau sự kiện và những tình huống 5.2.2. Đánh giá hoạt động tổ chức sự kiện	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 6
5.3. Tổ chức một số loại hình sự kiện 5.3.1. Tổ chức hội nghị, hội thảo 5.3.2. Tổ chức lễ khai trương, khánh thành 5.3.3. Tổ chức giới thiệu sản phẩm mới 5.3.4. Một số loại hình sự kiện khác	5	1		6	12	Đọc TLC 2, chương 6
Cộng	35	8	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.27. Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú**
 - Tiếng Anh: **Management for immigration and residence**
- Mã học phần: MIR202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học có thể hiểu được các vấn đề căn bản như: điều kiện, thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, vấn đề thị thực đối với khách du lịch, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch cơ bản và các nội dung cơ bản trong quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú. Từ đó, biết áp dụng trong thực tiễn nghề nghiệp của mình.
- Về kỹ năng:
 - + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch, đặc điểm và ưu, nhược điểm của từng loại hình cơ sở lưu trú du lịch, quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác xuất nhập cảnh và lưu trú trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú, thủ tục xuất nhập cảnh, tổng quan về cơ sở lưu trú, một số loại hình cơ sở lưu trú, quản trị kinh doanh doanh lưu trú.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2012), *Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Hồng Chương, Nguyễn Văn Mạnh (2009), *Giáo trình Quản trị Kinh doanh lễ hành*, Đại học Kinh tế quốc dân, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Bá Lâm (2009), *Giáo trình Quản lý kinh doanh khách sạn*, Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội

3. Nguyễn Quyết Thắng (2014), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn : từ lý thuyết đến thực tiễn*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP CẢNH	6			6	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về xuất nhập cảnh 1.1.1. Khái niệm, điều kiện xuất cảnh 1.1.2. Khái niệm, điều kiện nhập cảnh 1.1.3. Khái niệm, điều kiện quá cảnh 1.1.4. Nguyên tắc xuất cảnh,	3			3	6	Đọc TLC 1, phần 2 mục V

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nhập cảnh, quá cảnh 1.1.5. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại Việt Nam						
1.2. Vấn đề thị thực 1.2.1. Khái niệm, hình thức của thị thực 1.2.2. Ký hiệu thị thực 1.2.3. Quy định cấp thị thực 1.2.4. Tác động của thị thực đối với du lịch quốc tế	3			3	6	Đọc TLC 1, phần 2 mục V
Chương 2. THỦ TỤC XUẤT NHẬP CẢNH	3	3		6	12	
2.1. Quy định về việc cấp giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh 2.1.1. Các giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh 2.1.2. Quy định về việc cấp giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh	1			1	2	Đọc TLC 1, phần 2 mục V
2.2. Thủ tục xuất cảnh 2.2.1. Quy trình thủ tục xuất cảnh 2.2.2. Thủ tục xuất cảnh tại Việt Nam 2.2.3. Một số lưu ý khi làm thủ tục xuất cảnh	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, phần 2 mục V
2.3. Thủ tục nhập cảnh 2.3.1. Quá trình thủ tục nhập cảnh 2.3.2. Thủ tục nhập cảnh tại Việt Nam	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, phần 2 mục V

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.3. Một số lưu ý khi làm thủ tục xuất cảnh						
Chương 3. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ LƯU TRÚ	8	1		9	18	
3.1. Những vấn đề cơ bản về quản trị lưu trú trong du lịch 3.1.1 Khái niệm cơ sở lưu trú du lịch và hệ thống cơ sở lưu trú di lịch 3.1.2 Sự tồn tại tất yếu khách quan của hoạt động kinh doanh lưu trú 3.1.3. Quá trình hình thành và phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch	2,0	0,5		2,5	5	Đọc TLC 2, chương 1
3.2. Vai trò của kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.2.1. Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội 3.2.2. Đối với sự phát triển ngành du lịch	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 1
3.3. Đặc điểm của quản trị lưu trú 3.3.1. Đặc điểm về sản phẩm 3.3.2. Đặc điểm về mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng sản phẩm của ngành du lịch 3.3.3. Đặc điểm về quá trình tổ chức kinh doanh 3.3.4. Đặc điểm về việc sử	1,25			1,25	2,5	Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
dụng các yếu tố cơ bản trong quá trình kinh doanh 3.3.5. Đặc điểm của đối tượng phục vụ						
3.4. Sản phẩm lưu trú du lịch 3.4.1 Khái niệm sản phẩm lưu trú 3.4.2. Đặc điểm của sản phẩm lưu trú	1,25			1,25	2,5	Đọc TLC 2, chương 1
3.5. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch 3.5.1. Khái niệm và vai trò của cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch 3.5.2. Phân loại cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch 3.5.3. Đặc điểm chung của cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 1
3.6. Bảo vệ môi trường trong kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.6.1. Vai trò của việc bảo vệ môi trường trong kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.6.2. Những tác động về môi trường của kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.6.3. Đặc điểm chung của cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. CÁC LOẠI HÌNH KINH DOANH CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH	8,5	2,5		12	24	
4.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc phân loại các loại hình cơ sở lưu trú du lịch <i>4.1.1. Khái niệm loại hình cơ sở lưu trú du lịch</i> <i>4.1.2. Ý nghĩa của việc phân loại các loại hình cơ sở lưu trú du lịch</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2
4.2 Các loại hình kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch <i>4.2.1. Khách sạn (Hotel)</i> <i>4.2.2. Nhà nghỉ du lịch (Guest house)</i> <i>4.2.3. Motel</i> <i>4.2.4. Bungalow</i> <i>4.2.5.Làng du lịch (Tourism Village)</i> <i>4.2.6. Cơ sở nghỉ dưỡng tổng hợp (Resort)</i> <i>4.2.7. Tàu du lịch (Tourist Cruise)</i> <i>4.2.8. Bãi cắm trại du lịch (Camping)</i> <i>4.2.9. Caravan</i> <i>4.2.10. Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Homestay)</i>	7,5	2,5		11	22	Đọc TLC 2, chương 2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 5. QUẢN TRỊ KINH DOANH SẢN PHẨM LƯU TRÚ	9,5	1,5		11	22	
5.1. Quản trị kinh doanh, phục vụ lưu trú <i>5.1.1. Bộ phận lễ tân</i> <i>5.1.2. Bộ phận phục vụ buồng</i>	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 3, chương 4
5.2. Quản trị kinh doanh ăn uống	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 5
5.3. Quản trị kinh doanh các dịch vụ bổ trợ <i>5.3.1. Các dịch vụ đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt</i> <i>5.3.2. Các dịch vụ vận chuyển khách</i> <i>5.3.3. Những dịch vụ khác (Dịch vụ tổ chức hội nghị,buổi biểu diễn)</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2, chương 1
5.4 Quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú <i>5.4.1. Nghiên cứu thị trường, phân đoạn thị trường và bán sản phẩm lưu trú</i> <i>5.4.2. Đón tiếp khách</i> <i>5.4.3. Phục vụ khách trong thời gian lưu trú</i> <i>5.4.4. Tiễn khách rời khỏi cơ sở lưu trú</i>	2,5			2,5	5	Đọc TLC 3, chương 4
5.5. Các giải pháp nâng cao hiệu	1			1	2	Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quả kinh doanh sản phẩm lưu trú 5.5.1. Nhóm giải pháp thu hút khách 5.5.2. Nhóm giải pháp đối với nhân viên 5.5.3. Nhóm giải pháp đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ khách						chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	8	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.28. Quản trị chất lượng du lịch

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị chất lượng du lịch**
 - Tiếng Anh: **Tourism quality management**
- Mã học phần: TQM203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết

- Bài tập: 08 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị chất lượng du lịch.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng hệ thống kiến thức, người học có thể biết được những nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động quản trị chất lượng dịch vụ du lịch của các doanh nghiệp du lịch và lữ hành.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc.
 - + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị chất lượng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị chất lượng dịch vụ du lịch gồm 4 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành; thiết kế, đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch; đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du

lịch; những tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Doãn Thị Liễu, Nguyễn Trọng Đăng (2008), *Quản trị doanh nghiệp khách sạn – du lịch*, NXB Thống kê.
2. Nguyễn Đình Phan (2005), *Quản lý chất lượng trong các tổ chức*, NXB Lao động xã hội.
3. Phan Thăng (2009), *Quản trị chất lượng*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Hương Lan (2008), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Lao động Xã hội.
2. Nguyễn Văn Lưu, *Thị trường du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Đính, Hoàng Thị Lan Hương (2007), *Giáo trình công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
4. Tổng cục Du lịch (2006), *Luật Du lịch Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
 - Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
 - Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
 - Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ DU LỊCH	5			5	10	
1.1. Khái niệm, đặc điểm và các yếu tố cấu thành dịch vụ du lịch 1.1.1. Khái niệm, phân loại dịch vụ du lịch 1.1.2. Đặc điểm dịch vụ du lịch 1.1.3. Các yếu tố cấu thành dịch vụ du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Một số vấn đề về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch 1.2.1. Khái niệm chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng dịch vụ du lịch 1.2.2. Đặc điểm cơ bản của quản trị chất lượng dịch vụ du lịch 1.2.3. Nguyên tắc cơ bản của quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3
1.3. Chức năng, chu trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch 1.3.1. Chức năng quản trị chất lượng dịch vụ du lịch 1.3.2. Chu trình quản trị chất	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lượng dịch vụ						
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ DU LỊCH	4	2		6	12	
2.1. Phương pháp thiết kế chất lượng dịch vụ du lịch 2.1.1. Phương pháp thiết kế gói dịch vụ du lịch 2.1.2. Vận dụng phương pháp thiết kế gói dịch vụ vào một số khách sạn.	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
2.2. Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch 2.2.1. Nội dung đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch 2.2.2. Các phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. ĐẢM BẢO VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ DU LỊCH	6	3		9	18	
3.1. Đảm bảo chất lượng dịch vụ du lịch 3.1.1. Khái niệm đảm bảo chất lượng dịch vụ du lịch 3.1.2. Công cụ kiểm soát chất lượng dịch vụ du lịch 3.1.3. Điều khiển chất lượng dịch vụ	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.4. Chương trình nhân sự đảm bảo chất lượng dịch vụ 3.1.5. Bảo hành dịch vụ						
3.2. Cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch 3.2.1. Khái niệm cải tiến chất lượng dịch vụ 3.2.2. Cải tiến không ngừng sự tin cậy của dịch vụ du lịch 3.2.3. Chương trình cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 7
3.3. Phát triển các tiêu chuẩn dịch vụ du lịch 3.3.1. Tạo lập sự gần gũi với khách hàng 3.3.2. Soạn thảo những tiêu chuẩn dịch vụ thích hợp 3.3.3. Xác lập các tiêu chuẩn mở rộng 3.3.4. Đào tạo và đánh giá lại 3.3.5. Xây dựng hệ thống thưởng hợp lý	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3
CHƯƠNG 4. CÁC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG TRONG DU LỊCH	5	3		8	16	
4.1. Tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000 4.1.1. Khái quát về ISO 9000:2000 4.1.2. Triết lý, nguyên tắc và lợi ích căn bản của ISO 9000:2000	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 6 Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Giờ tự học	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.3. Mô hình và yêu cầu của ISO 9001:2000 4.1.4. Áp dụng ISO 9001:2000 trong du lịch						
4.2. Tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng ISO 22000:2005 4.2.1. Khái quát về ISO 22000:2005 4.2.2. Nguyên tắc căn bản của ISO 22000:2005 4.2.3. Áp dụng ISO 22000:2005 trong du lịch	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 3, chương 6 Đọc TLC 2, chương 4
4.3. Quản trị chất lượng đồng bộ 4.3.1. Khái quát về TQM 4.3.2. Nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của TQM 4.3.3. Áp dụng TQM trong du lịch	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, chương 4
4.4. Bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS) 4.4.1. Khái quát về VTOS 4.4.2. Lợi ích của việc áp dụng tiêu chuẩn VTOS 4.4.3. Áp dụng VTOS trong du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.29. Marketing du lịch

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Marketing du lịch**
 - Tiếng Anh: **Tourism Marketing**
- Mã học phần: TMG202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: người học hiểu được những kiến thức cơ bản về quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.
- Về kỹ năng:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản về marketing du lịch.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về marketing du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động marketing của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể ghi nhớ được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác với thành viên với nhau.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động marketing du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần marketing du lịch gồm 6 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Ngọc Nam, Trần Huy Khang (2005), *Marketing du lịch*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Trùng Khánh (2006), *Giáo trình marketing du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

3. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình marketing căn bản*, ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Michael M.Colman (2010), *Tiếp thị du lịch*, CMIE GROUP and Investment service & applied science and technology Centre

2. Hà Nam Khánh Giao (2011), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Tổng hợp.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ MARKETING DU LỊCH	5			5	10	
1.1. Marketing du lịch 1.1.1.Khái niệm marketing du lịch 1.1.2.Các đặc điểm dịch vụ của marketing du lịch	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Sự cần thiết của marketing du lịch	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3. Marketing mix trong du lịch <i>1.3.1. Khái niệm marketing mix trong du lịch</i> <i>1.3.2. Các thành phần của marketing mix trong du lịch</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG DU LỊCH	5	1		6	12	
2.1. Thị trường du lịch <i>2.1.1. Khái niệm thị trường du lịch</i> <i>2.1.2. Các loại thị trường du lịch</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 2
2.2. Phân đoạn thị trường du lịch <i>2.2.1. Khái niệm phân đoạn thị trường du lịch</i> <i>2.2.2. Các tiêu thức để phân đoạn thị trường trong marketing du lịch</i>	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 2
2.3. Lựa chọn thị trường du lịch mục tiêu <i>2.3.1. Khái niệm thị trường du lịch mục tiêu</i> <i>2.3.2. Các phương án lựa chọn thị trường du lịch mục tiêu</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, chương 2
CHƯƠNG 3. CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM DU LỊCH	7	2		9	18	
3.1. Sản phẩm du lịch <i>3.1.1. Khái niệm sản phẩm du lịch</i> <i>3.1.2. Cấp độ sản phẩm du lịch</i> <i>3.1.3. Các mô hình sản phẩm du</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lịch						
3.2. Quyết định nhãn hiệu sản phẩm du lịch 3.2.1. <i>Khái niệm nhãn hiệu sản phẩm du lịch</i> 3.2.2. <i>Quyết định nhãn hiệu sản phẩm du lịch</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 3
3.3. Chu kì sống của sản phẩm du lịch 3.3.1. <i>Khái niệm chu kỳ sống của sản phẩm du lịch</i> 3.3.2. <i>Các giai đoạn trong chu kỳ sống của sản phẩm du lịch</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. CHIẾN LƯỢC GIÁ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM DU LỊCH	6	2		8	16	
4.1. Những yếu tố tác động đến việc định giá sản phẩm du lịch 4.1.1. <i>Yếu tố bên trong doanh nghiệp</i> 4.1.2. <i>Yếu tố bên ngoài doanh nghiệp</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
4.2. Những phương pháp định giá trong du lịch 4.2.1. <i>Phương pháp ấn định giá ở khách sạn</i> 4.2.2. <i>Phương pháp ấn định giá ở nhà hàng</i> 4.2.3. <i>Phương pháp ấn định giá</i>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tour – tour chọn gói						
4.3. Các chiến lược giá đối với sản phẩm du lịch 4.3.1. Chiến lược về giá cho sản phẩm mới 4.3.2. Chiến lược về giá cho sản phẩm hiện tại	2,5	1		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
CHƯƠNG 5. CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH	6	1		7	14	
5.1. Vị trí chức năng của phân phối sản phẩm du lịch 5.1.1. Vị trí của chính sách phân phối sản phẩm du lịch 5.1.2.Chức năng của phân phối sản phẩm du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Cấu trúc và tổ chức kênh phân phối trong du lịch 5.2.1. Các kênh phân phối và cấu trúc kênh phân phối sản phẩm du lịch 5.2.2. Tổ chức và hoạt động của kênh phân phối trong du lịch.	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5
5.3. Lựa chọn và quản lý kênh phân phối trong du lịch 5.3.1. Lựa chọn kênh phân phối 5.3.2. Quản lý kênh phân phối	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 6. CHIẾN LƯỢC XÚC TIẾN HỖN HỢP SẢN PHẨM DU LỊCH	7	1		8	16	
6.1. Xúc tiến hỗn hợp sản phẩm du lịch 6.1.1. Bản chất của hoạt động xúc tiến hỗn hợp 6.1.2. Vai trò và tác dụng của xúc tiến hỗn hợp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5,8,9,10 Đọc TLC 2, chương 6
6.2. Các công cụ xúc tiến hỗn hợp trong du lịch 6.2.1. Quảng cáo 6.2.2. Xúc tiến bán 6.2.3. Bán hàng 6.2.4. Quan hệ công chúng	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 5,8,9,10 Đọc TLC 2, chương 6
6.3. Xây dựng chiến lược xúc tiến hỗn hợp du lịch 6.3.1. Khái quát quá trình truyền thông marketing 6.3.2. Quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược xúc tiến hỗn hợp	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5,8,9,10 Đọc TLC 2, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.30. Quản trị lễ tân

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị lễ tân**
 - Tiếng Anh: **Front Office Management**
- Mã học phần: FOM203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu học phần quản trị lễ tân, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản trị lễ tân bao gồm: quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại bộ phận lễ tân; Quản trị nghiệp vụ đặt phòng, đăng ký, phục vụ lưu trú và trả phòng khách sạn, đồng thời đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân nhằm giúp người học áp dụng được kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tại bộ phận lễ tân.
- Về kỹ năng:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị lễ tân.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực lễ tân sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể phân tích những giải pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị lễ tân trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị lễ tân như: lập kế hoạch đón tiếp khách hàng, dự báo quỹ phòng, chu trình đặt phòng, trả phòng, các hình thức thanh toán khi trả phòng, phục vụ khách hàng trong thời gian lưu trú, đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân, ...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Thị Cúc (2005), *Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân*, NXB Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Văn Đính, Hoàng Thị Lan Hương (2007), *Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trường Đại học Công nghiệp TP HCM (2011), *Công tác lễ tân*.
2. Nguyễn Văn Đính (2007), *Giáo trình Công nghệ phục vụ trong khách sạn – nhà hàng*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Lục Bội Minh (2005), *Quản lý khách sạn hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia Viện Nghiên cứu phát triển du lịch.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ

- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ LỄ TÂN	3			3	6	
1.1. Khái quát về bộ phận lễ tân <i>1.1.1.Khái niệm lễ tân</i> <i>1.1.2.Phân loại lễ tân</i> <i>1.1.3.Vai trò và nhiệm vụ của bộ phận lễ tân</i> <i>1.1.4.Những yêu cầu cơ bản của nhân viên lễ tân</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Quản trị lễ tân <i>1.2.1. Khái niệm quản trị lễ tân</i> <i>1.2.2. Cơ cấu tổ chức của bộ</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phận lễ tân</i> 1.2.3. Chức năng, nhiệm vụ của các chức danh trong bộ phận lễ tân						1
1.3. Mối quan hệ của bộ phận lễ tân với các bộ phận khác	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ NHÂN SỰ VÀ TRANG THIẾT BỊ TẠI BỘ PHẬN LỄ TÂN	3			3	6	
2.1. Quản trị nhân sự tại bộ phận lễ tân 2.1.1. Xác định nhu cầu và tuyển dụng nhân sự 2.1.2 . Bố trí và sử dụng nhân sự 2.1.3. Đào tạo và đánh giá nhân sự	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2, chương 5
2.2. Bố trí mặt bằng và quản trị trang thiết bị tại bộ phận lễ tân 2.2.1. Bố trí mặt bằng tại bộ phận lễ tân 2.2.2. Nhu cầu và sử dụng trang thiết bị 2.2.3. Kiểm soát trang thiết bị	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG ĐÓN,	5	2		7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TIẾP KHÁCH CỦA BỘ PHẬN LỄ TÂN						
3.1. Trang bị phòng lễ tân	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 1 Đọc TLC 2, chương 2
3.2. Phân loại khách	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
3.3. Tổ chức đón tiếp khách 3.3.1. Chào hỏi khách 3.3.2. Công tác sau chào hỏi 3.3.3. Tổ chức đón tiếp đoàn khách quan trọng từ xa tới. 3.3.4. Tổ chức các cuộc hẹn gặp 3.3.5. Tiếp khách 3.3.6. Xử lý phàn nàn của khách	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ PHẬN LỄ TÂN	4	3		7	14	
4.1. Các chỉ tiêu dùng để đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận lễ tân 4.1.1. Chỉ tiêu doanh thu 4.1.2. Chỉ tiêu tỉ lệ	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 10

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
doanh thu thực tế so với doanh thu tiềm năng 4.1.3. Một số chỉ tiêu khác						
4.2. Quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động lễ tân 4.2.1. Quản trị về thông tin 4.2.2. Quản trị về nhân sự 4.2.3. Quản trị về giá 4.2.4. Quản trị về chất lượng sản phẩm dịch vụ	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 5,8,9
CHƯƠNG 5. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ LỄ TÂN TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	7	1		8	16	
5.1. Quản trị quy trình đặt buồng khách sạn 5.1.1. Khái quát về đặt buồng và vai trò của nhân viên lễ tân trong tiếp thị bán hàng 5.1.2. Các nội dung về đặt buồng 5.1.3. Kỹ năng bán buồng và các chính sách ưu đãi của khách sạn 5.1.4. Tổ chức nhận đặt buồng	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2. Quản trị quy trình đăng ký khách sạn <i>5.2.1. Khái quát chung về làm thủ tục đăng ký khách sạn</i> <i>5.2.2. Quy trình làm thủ tục đăng ký khách sạn</i> <i>5.2.3. Tổ chức làm thủ tục đăng ký khách sạn cho các đối tượng khách</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4
5.3. Quản trị quy trình phục vụ khách trong thời gian lưu trú <i>5.3.1. Khái quát chung về phục vụ khách trong thời gian lưu trú</i> <i>5.3.2. Quy trình phục vụ một số các dịch vụ cho khách trong thời gian lưu trú.</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
5.4. Quản trị quy trình trả buồng khách sạn <i>5.4.1. Khái quát chung về làm thủ tục trả buồng</i> <i>5.4.2. Quản trị quy trình làm thủ tục trả buồng</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.30. Quản trị lễ tân (TA)

2TC

1. Course information

- Course title:
 - Vietnamese: **Quản trị lễ tân**
 - English: **Front Office Management**
- Course code: FOM203
- Course credit value: 02 credits
- Objective learners: University students, Management of Tourism and Travel service
- The position of the module in the training program:

General education knowledge □		Professional education knowledge ☒				Internship and thesis □
		Foundation knowledge of the major □		Knowledge of the major ☒		
Compulsory □	Optional □	Compulsory □	Optional □	Compulsory ☒	Optional □	

- Prerequisites: Overview of tourism
- Total periods : 30 periods
 - Theories : 22 periods
 - Exercises : 06 periods
 - Tests : 02 periods
- Self-study : 60 hours
- Department in charge of the course: Tourism Administration Division, Environmental and Natural Resources Economics Faculty

2. Course objectives

After finishing the course, students will achieve the following objectives:

- About knowledge: Understand the organization and operation of the receptionist. Acquire and grasp the procedures in the reception department. Recognize and acquire the necessary knowledge and skills to sell products and services inside the hotel, capture the psychology of foreign and domestic guests.
 - Practice receiving and registering rooms for guests using English
 - The specialized terminology reception.
 - Applying the knowledge learned in real-life situations to the visitors' situations and requirements in the communication process to train and improve the skills of receptionist

- Serve customers the products and services, reception process of receptionist. Use English to serve customers
- Deal with customer complaints, common complaint types
- Practice check-out and payment for guests using English
- Specialized receptionist terms at check-out.
- Payment and billing for customers.

At the end of the course, skilled students gradually apply the Applied knowledge to practical situations for situations and requirements of travelers during communication to train and improve their skills. of the receptionist

- About skills:

- *Cognitive skill*: Able to analyze the basic issues of front office management.
- *Professional skill*: Able to apply the knowledge learned in the management of front office after graduation.

- *Team work skill*: Through discussion and practice hours, students can practice the skills of working in-group and cooperate with others.

- *Thinking skill*: Be able to propose solutions in order to help front office analyze and synthesize problems in corporate governance in the field of tourism.

- About autonomy and responsibility:

- Having faith, the right learning attitude for the subject, consciously cultivating basic personal moral qualities.

- Being aware of the importance of the receptionist management at work so that we can strive to work and improve and enhance our professional knowledge.

3. Course description

The module provides learners with basic knowledge of issues related to receptionist management such as: customer service planning, room fund forecasting, room-booking process, checkout, payment methods, customer service, assessing the effectiveness of receptionist activities, etc.

4. Course materials

4.1. Main materials:

1. Pham Thi Cuc (2005), *Front office theory*, Ha Noi Publisher.
2. Nguyen Van Manh, Hoang Thi Lan Huong (2013), *Hotel business management*, National Economics University Publisher.
3. Nguyen Van Dinh, Hoang Thi Lan Huong (2007), *Technology services in hotel and restaurant*, National Economics University Publisher.

4.2. Further materials:

1. Industrial university of Ho Chi Minh city (2011), *Receptionist Activities*.
2. Luc Boi Minh (2005), *Mordern hotel management*, National Political-Institute for tourism development research Publisher.

5. Teaching and learning methods

The main teaching and learning methods are:

Presentation	☒	Interview	☐	Conversation	☐
Mind map	☐	Working group	☒	Situation	☒
Project-based teaching	☐	Teaching practice	☐	Data collection	☒
Analyzing and processing data	☐	Presenting scientific reports	☐	Self learning	☒

6. Duties of students

- Prepare for the lessons before going to class
- Focus and actively participate in the lessons
- Prepare and discuss in class following teacher's guidance
- Take part in all required tests
- Condition for taking part in the final exam: attend at least 70% in class

7. Assessment scale

Students are assessed according to a scale of 10, converted to text scale and scale of 4 in accordance with current regulations.

8. Assessment forms and methods

8.1. Process assessment

Weight of 40%, including:

Essay ☒ Multiple-choice ☐ Discussion groups ☒ Great homework ☐ Practice ☐ Other ☐

8.2. Final assessment

Weight of 60%

- Examination form:

Writing ☒ Multiple choice ☐ Experiment ☐ Questions and Answers t ☐

9. Course detail contents

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 1: OVERVIEW OF MANAGEMENT FRONT OFFICE	3			3	6	
1.1. Overview of front office 1.1.1. Definition of front office 1.1.2 Receptionist classification 1.1.3. The role and task of front office 1.1.4. The requirements of receptionist	1			1	2	Read main material (1), chapter 1 Read main material (3), chapter 1
1.2. Management front office 1.2.1. Definition of management front office 1.2.2. The structure of front office 1.2.3. Functions and mission of dignities in front office	1			1	2	Read main material (1), chapter 1 Read main material (2), chapter 4 Read main material (3), chapter 1
1.3. Relationship of front office with other deparment	1			1	2	Read main material (1), chapter 1 Read main material (3), chapter 1
CHAPTER 2: LABOUR AND FURNITURE MANAGEMENT AT FRONT OFFICE	3			3	6	
2.1. Labour management in front office	1,5			1,5	3	Read main material (2),

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.1. Identify needs and recruitment 2.2.2. Arrangement and employment 2.2.3. Training and personnel evaluation						chapter 5
2.2. Premises arranging and equipment administration at front office 2.2.1. Premises arranging at front office 2.2.2. Demand and using of front office equipment 2.2.3. Control front office equipment	1,5			1,5	3	Read main material (2), chapter 2
CHAPTER 3: WELCOMING ACTIVITY MANAGEMENT	5	2		7	14	
3.1. Equipped front office	1	1		2	4	Read main material (3), chapter 1 Read main material (2), chapter 2
3.2. Customer classification	1			1	2	Read main material (1), chapter 2
3.3. Organize welcome activity at front office 3.3.1. Greeting 3.3.2. After greeting 3.3.3. Organize welcome	3	1		4	8	Read main material (1), chapter 7

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
importance customer from afar 3.3.4. Organizing appointments 3.3.5. Receive guests 3.3.6. Dealing customer complaints						
Test			1	1	2	
CHAPTER 4: PERFORMANCE EVALUATION OF RECEPTION	4	3		7	14	
4.1. Standard of evaluation front office performance 4.1.1. Turnover 4.1.2. Ratio of net revenue compare with potential revenue 4.1.3. Other standard	2	1		3	6	Read main material (1), chapter 6 Read main material (2), chapter 10
4.2. Management of improving front office performance 4.2.1. Information management 4.2.2. Labour management 4.2.3. Price management 4.2.4. Management services quality	2	2		4	8	Read main material (1), chapter 8 Read main material (2), chapter 5,8,9
CHAPTER 5: MANGAGING FRONT OFFICE IN TOURISM BUSINESS	7	1		8	16	
5.1. Hotel booking process management 5.1.1. Overview of booking and role of receptionist in sales and marketing	2	1		3	6	Read main material (1), chapter 3 Read main material (3),

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1.2. Content of hotel booking 5.1.3. Room selling and incentive policy 5.1.4. Organize receiving room booking						chapter 1
5.2. Check –in process management 5.2.1. Overview of hotel check –in 5.2.2. Hotel check –in process 5.2.3. Organize hotel check –in process	2			2	4	Read main material (1), chapter 5
5.3. Manage serving process during customer’s staying time 5.3.1. Overview of hotel serving process 5.3.2. Hotel serving process	2			2	4	Read main material (1), chapter 5
5.4. Check – out process 5.4.1. Overview of hotel check –out process 5.4.2. Hotel check – out process management	1			1	2	Read main material (1), chapter 6
Test			1	1	2	
Total	22	6	2	30	60	

Note: Th: Theory; Ex: Exercise; Dis, T: Discussion, Test; S.s: Self-study; h: hour.

4.5.31. Thương mại điện tử

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thương mại điện tử**
 - Tiếng Anh: **Electronic commerce**
- Mã học phần: KTQU2506
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương, Marketing căn bản.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử.
- *Về kỹ năng*: Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn trong phát triển hoạt động thương mại điện tử áp dụng với các mô hình giao dịch điện tử B2B, B2C, C2C, G2G, G2B, G2C.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao

trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và hệ thống thanh toán trong thương mại internet; vấn đề an ninh, bảo mật trong thương mại điện tử và các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Văn Hòe (2015), *Thương mại điện tử căn bản*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Văn Hồng (2012), *Thương mại điện tử căn bản*, NXB Hồng Đức.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Thương mại – trung tâm Thông tin Thương mại (2006), *Thương mại điện tử giành cho doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

2. Minh Quang (2009), *Những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử*, NXB Lao động xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	4			4	8	
1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.1. Khái niệm về thương mại điện tử 1.1.2. Một số khái niệm cơ bản trên Internet 1.1.3. Đặc trưng của thương mại điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của thương mại điện tử 1.2.1. Giai đoạn sơ khai của thương mại điện tử 1.2.2. Giai đoạn thương mại thông tin 1.2.3. Giai đoạn thương mại giao dịch 1.2.4. Giai đoạn thương mại tích hợp						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Lợi ích của thương mại điện tử 1.3.1. Lợi ích đối với các tổ chức 1.3.2. Lợi ích đối với người tiêu dùng 1.3.3. Lợi ích đối với xã hội	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.4. Hạn chế của thương mại điện tử 1.4.1. Hạn chế về kỹ thuật						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4.2. Hạn chế về thương mại						Đọc TLC 3, chương 1
1.5 Những lĩnh vực ứng dụng của thương mại điện tử 1.5.1. Thương mại hàng hóa dịch vụ điện tử 1.5.2. Ngân hàng, tài chính điện tử 1.5.3. Đào tạo trực tuyến 1.5.4. Xuất bản trực tuyến 1.5.5. Giải trí trực tuyến 1.5.6. Dịch vụ việc làm trực tuyến 1.5.7 Dịch vụ công trực tuyến	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.6 Một số vấn đề pháp lý trong thương mại điện tử 1.6.1. Vấn đề riêng tư 1.6.2. Quyền sở hữu trí tuệ 1.6.3. Quảng cáo điện tử không mong đợi 1.6.4. Đánh thuế kinh doanh trên internet	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ CÔNG NGHỆ CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	4, 5	2		3,5	7	
2.1. Thị trường thương mại điện tử 2.1.1. Khái niệm thị trường thương mại điện tử 2.1.2. Bản chất của thị trường thương mại điện tử 2.1.3 Phân loại thị trường thương mại điện tử 2.1.4. Chuỗi giá trị trong thương mại điện tử	1, 5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.5 Tương lai phát triển của thị trường thương mại điện tử						
2.2. Trao đổi dữ liệu điện tử 2.2.1. Định nghĩa về trao đổi dữ liệu điện tử 2.2.2 Lợi ích của EDI 2.2.3 Tương lai phát triển của EDI	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3
2.3. Thanh toán trong thương mại điện tử 2.3.1 Khái niệm và phân biệt thanh toán điện tử với thanh toán truyền thống 2.3.2. Các hệ thống và công cụ thanh toán điện tử 2.3.3. Quy trình thanh toán điện tử	2	1				
CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ AN NINH, BẢO MẬT TRONG THƯƠNG MẠI INTERNET	4, 5	1		4	8	
3.1. An ninh trong thương mại internet 3.1.1. Các nguy cơ và hình thức tấn công đe dọa an toàn thương mại điện tử 3.1.2. Các yếu tố đảm bảo an toàn trong thương mại điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
3.2. Kỹ thuật mã hóa thông tin 3.2.1. Mã hóa khoá bí mật 3.2.2. Mã hóa khóa công cộng 3.2.3. Chữ ký điện tử 3.2.4. Chứng thực điện tử	1, 5			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. An toàn trong thương mại điện tử 3.3.1. Các lỗi thường mắc phải trong quản trị an toàn TMDT 3.3.2 Công nghệ an toàn mạng 3.3.3.Quản trị an toàn trong thương mại điện tử	2	1		1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. CÁC MÔ HÌNH GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	4	2		6	12	
4.1. Tổng quan về mô hình giao dịch điện tử 4.1.1. Khái niệm về mô hình giao dịch điện tử 4.1.2.Một số hệ thống giao dịch trong thương mại điện tử 4.1.3.Các chủ thể tham gia giao dịch trong thương mại điện tử 4.1.4 Các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3
4.2. Mô hình giao dịch điện tử B2C 4.2.1. Khái niệm về mô hình giao dịch điện tử B2C 4.2.2. Các phương thức thương mại điện tử B2C 4.2.3. Các công cụ hỗ trợ khách hàng trong giao dịch điện tử B2C	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3
4.3. Mô hình giao dịch điện tử B2B 4.3.1. Khái niệm về giao dịch điện tử B2B 4.3.2. Các phương thức thương mại điện tử B2B	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4. Mô hình giao dịch chính phủ điện tử <i>4.4.1. Khái niệm về Chính phủ điện tử</i> <i>4.4.2. Vai trò và chức năng của Chính phủ điện tử</i> <i>4.4.3. Lợi ích của Chính phủ điện tử</i> <i>4.4.4. Các mô hình giao dịch của Chính phủ điện tử</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	5	2		7	14	
5.1. Chiến lược thương mại điện tử <i>5.1.1. Khái niệm về chiến lược thương mại điện tử</i> <i>5.1.2. Một số chiến lược thương mại điện tử</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10 Đọc TLC 3, chương 5
5.2. Quản trị chiến lược thương mại điện tử <i>5.2.1. Khái niệm về quản trị chiến lược thương mại điện tử</i> <i>5.2.2. Quy trình quản trị chiến lược thương mại điện tử</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10 Đọc TLC 3, chương 5
5.3. Hoạch định chiến lược thương mại điện tử <i>5.3.1. Nghiên cứu thị trường</i> <i>5.3.2. Phân tích môi trường cạnh tranh</i> <i>5.3.3. Xác định, lựa chọn chiến lược thích nghi</i>						Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10 Đọc TLC 3, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4. Tổ chức, triển khai chiến lược thương mại điện tử 5.4.1. Lập kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử 5.4.2. Xây dựng, duy trì và phát triển website 5.4.3. Đề ra chính sách marketing trực tuyến 5.4.4. Lựa chọn phương án thanh toán điện tử 5.4.5. Lựa chọn phương án an toàn và bảo mật trên mạng	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10 Đọc TLC 3, chương 5
5.5. Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược thương mại điện tử 5.5.1. Kiểm tra lại các nhân tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp 5.5.2. Đo lường đánh giá các kết quả kinh doanh 5.5.3. Điều chỉnh chiến lược thương mại điện tử						Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10 Đọc TLC 3, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	21	7	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.32. Tâm lý khách hàng Du lịch

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tâm lý khách hàng Du lịch**
 - Tiếng Anh: **Psychology of tourist**
- Mã học phần: PGT203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghệ ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: người học hiểu được các kiến thức cơ bản như: tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch. Ngoài ra người học cũng tổng hợp được những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.
- Về kỹ năng:
 - + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của tâm lý khách hàng du lịch, các đặc điểm về tâm lý của du khách nói chung và của từng quốc gia trong các khu vực trên thế giới nói riêng.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và lễ hành trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được đặc điểm tâm lý khách du lịch nói chung và từng quốc gia nói riêng, biết cách ứng phó với các tình huống đối với khách du lịch trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của tâm lý khách hàng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tâm lý khách hàng du lịch cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức như sau: Tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch; những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Phan Thị Dung (2010), *Tâm lý du khách*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Trần Thị Thu Hà (2005), *Giáo trình tâm lý học kinh doanh du lịch*, NXB Hà Nội
3. Thái Trí Dũng (2012), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Ngọc Bích (2011), *Tâm lý học nhân cách*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Đinh Thị Vân Chi (2012), *Nhu cầu của du khách trong quá trình du lịch*, NXB Văn hóa – Thông tin.
3. Vũ Đức Minh (2010), *Tổng quan về du lịch*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒

Dạy học theo dự án ☐ Dạy học thực hành ☐ Thu thập số liệu ☐
 Phân tích, xử lý số liệu ☐ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TÂM LÝ KHÁCH HÀNG DU LỊCH VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÂM LÝ KHÁCH HÀNG DU LỊCH	5	1		6	12	
1.1. Tâm lý khách hàng du lịch 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Vai trò của việc nghiên cứu tâm lý khách hàng du lịch trong kinh doanh, phục vụ du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch <i>1.2.1. Các yếu tố tự nhiên</i> <i>1.2.2. Các yếu tố văn hóa - xã hội</i> <i>1.2.3. Các yếu tố tâm lý xã hội</i> <i>1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch trong quá trình phục vụ du lịch</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA DU KHÁCH TRONG QUÁ TRÌNH TIÊU DÙNG DỊCH VỤ DU LỊCH	5	3		8	16	
2.1. Hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch <i>2.1.1. Khái niệm hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch</i> <i>2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi tiêu dùng du lịch</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2,3 Đọc TLC 3, chương 2,5
2.1. Hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch <i>2.1.1. Khái niệm hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch</i> <i>2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi tiêu dùng du lịch</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2,3 Đọc TLC 3, chương 2,5
2.2. Một số hiện tượng tâm lý cơ bản của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch <i>2.2.1. Nhu cầu du lịch</i> <i>2.2.2. Động cơ du lịch</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.3. <i>Tình cảm của khách hàng du lịch</i>						
CHƯƠNG 3. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CÁ NHÂN PHỔ BIẾN CỦA KHÁCH HÀNG DU LỊCH	6	3		9	18	
3.1. Những đặc điểm tâm lý cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch theo đặc điểm sinh lý <i>3.1.1. Tâm lý khách hàng du lịch theo thể chất</i> <i>3.1.2. Các kiểu khách hàng du lịch theo khí chất</i> <i>3.1.3. Đặc điểm tâm lý phổ biến của khách theo độ tuổi</i> <i>3.1.4. Đặc điểm tâm lý phổ biến của khách theo giới tính</i> <i>3.1.5. Đặc điểm tâm lý phổ biến của khách theo tình hình sức khoẻ</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
3.2. Những đặc điểm tâm lý xã hội của khách hàng du lịch theo một số nghề nghiệp <i>3.2.1. Khách hàng du lịch là nhà quản lý – ông chủ</i> <i>3.2.2. Khách hàng du lịch là thương gia</i> <i>3.2.3 Khách hàng du lịch là nhà báo</i> <i>3.2.4. Khách hàng du lịch là nhà khoa học</i>	3	2		5	10	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.5 .Khách hàng du lịch là nghệ sĩ 3.2.6. Khách hàng du lịch là công nhân 3.2.7 Khách hàng du lịch là thủy thủ 3.2.8. Khách hàng du lịch là nhà chính trị - ngoại giao 3.2.9 Khách hàng du lịch là học sinh - sinh viên						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA KHÁCH HÀNG DU LỊCH MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU ÂU, CHÂU ÚC VÀ BẮC MỸ	7	3		10	20	
4.1. Một số đặc điểm tâm lý chung của khách hàng du lịch châu Âu, Úc và Bắc Mỹ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
4.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch một số quốc gia trong khu vực 4.2.1. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Vương quốc Anh 4.2.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Đức 4.2.3. Đặc điểm tâm lý khách hàng	6	3		9	18	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
du lịch Pháp 4.2.4. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Canada 4.2.5. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Mỹ 4.2.6. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Úc						
CHƯƠNG 5. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA KHÁCH HÀNG DU LỊCH MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á	7	3		10	20	
5.1. Một số đặc điểm tâm lý chung của khách hàng du lịch châu Á	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
5.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch một số quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á 5.2.1. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Trung Quốc 5.2.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Nhật Bản 5.2.3. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Hàn Quốc	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương
5.3. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á 5.3.1. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Thái Lan 5.3.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Malaysia	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.3. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Indonesia 5.3.4. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Philippines 5.3.5. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Singapore 5.3.6. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Lào 5.3.7. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Cam – pu - chia 5.3.8. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Việt Nam						
Kiểm Tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.33. Văn hóa ẩm thực

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Văn hóa ẩm thực**
 - Tiếng Anh: **Food Culture**
- Mã học phần: FOC102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Bài tập: 14 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh Tế Tài Nguyên và Môi Trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: người học hiểu các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. So sánh được văn hóa ẩm thực của Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Phân biệt được văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới.
 - + *Kỹ năng về nghề nghiệp*: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch trong tương lai.
 - + *Kỹ năng làm việc nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.
 - + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, bố trí và chọn lựa hợp lý các món ăn cho các đối tượng đến từ các nền văn hóa, tôn giáo và các quốc gia khác nhau trên toàn thế giới. Từ đó đưa ra những đề xuất giúp cho việc chọn lựa các món ăn, sắp xếp các bữa ăn phù hợp với đặc điểm văn hóa của các đối tượng khác nhau.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
 - + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới
 - + Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn

nghệ thuật trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Văn hóa ẩm thực truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. Văn hóa ẩm thực của Việt Nam, của một số nền văn hóa ẩm thực quan trọng với du lịch Việt Nam và ẩm thực của các tôn giáo khác nhau trên Thế giới.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Bầy, Trần Quốc Vượng (2010), *Văn hóa ẩm thực Việt Nam nhìn từ lý luận và thực tiễn*, NXB Từ điển Bách Khoa & Viện văn hóa.
2. Nguyễn Thị Diệu Thảo (2014), *Ẩm thực Việt Nam và thế giới*, NXB Phụ nữ.
3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2 Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Quang Lê (2003), *Văn hóa ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam*, NXB Văn Hóa – Thông tin

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Vấn đáp ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA ÂM THỰC	5,5	1,5		7	14	
1.1. Khái niệm về văn hóa ẩm thực 1.1.1. Khái niệm về văn hóa 1.1.2. Khái niệm ẩm thực 1.1.3. Khái niệm văn hóa ẩm thực	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, phần 1
1.2. Ẩm thực nhìn từ các góc độ văn hóa, xã hội, y tế và kinh tế dịch vụ du lịch 1.2.1. Dưới góc độ văn hóa 1.2.2. Dưới góc độ xã hội 1.2.3. Dưới góc độ y tế 1.2.4. Dưới góc độ kinh tế dịch vụ, du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 2, phần 1
1.3. Biểu hiện của văn hóa ẩm thực qua góc độ vật chất và tinh thần 1.3.1. Qua góc độ vật chất 1.3.2. Qua góc độ tinh thần	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, phần 1
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa ẩm thực 1.4.1. Vị trí, địa lý 1.4.2. Khí hậu 1.4.3. Lịch sử 1.4.4. Kinh tế 1.4.5. Tôn giáo 1.4.6. Ảnh hưởng của sự phát triển du lịch	3			3	6	Đọc TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5. Âm thực trong xu hướng hội nhập <i>1.5.1. Hội nhập âm thực Á - Âu</i> <i>1.5.2. Xu hướng chung</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, phần 1
CHƯƠNG 2. TẬP QUÁN VÀ KHẨU VỊ ĂN UỐNG	4,5	3,5		8	16	
2.1. Khái quát về tập quán và khẩu vị ăn uống <i>2.1.1. Khái niệm về tập quán ăn uống</i> <i>2.1.2. Khái niệm về khẩu vị ăn uống</i> <i>2.1.3. Tính chất và đặc điểm các bữa ăn</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, phần 1
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống <i>2.2.1. Địa lý và khí hậu</i> <i>2.2.2. Lịch sử và văn hóa</i> <i>2.2.3. Tôn giáo</i> <i>2.2.4. Nghề nghiệp</i> <i>2.2.5. Khuynh hướng chung trong văn hóa ăn uống</i>	1,0	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, phần 1
2.3. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo tôn giáo <i>2.3.1. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Phật giáo</i> <i>2.3.2. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Cơ đốc giáo</i> <i>2.3.3. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Hồi giáo</i>	2,5	2,5		5	10	Đọc TLC 2, phần 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.4. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Ấn Độ giáo 2.3.5. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo đạo Do Thái						
CHƯƠNG 3. VĂN HÓA ẨM THỰC KHU VỰC CHÂU ÂU VÀ CHÂU MỸ	7,5	2,5		11	22	
3.1. Tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực 3.1.1. Cơ cấu bữa ăn 3.1.2. Dụng cụ ăn uống 3.1.3. Thực phẩm và nguyên liệu chế biến trong ăn uống 3.1.4. Phương pháp chế biến 3.1.5. Cách trình bày và ứng xử trong ăn uống	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 2, phần 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 7
3.2. Văn hóa ẩm thực của một số quốc gia trong khu vực châu Âu - Mỹ có ảnh hưởng quan trọng với du lịch Việt Nam 3.2.1. Văn hóa ẩm thực của Anh 3.2.2. Văn hóa ẩm thực của Đức 3.2.3. Văn hóa ẩm thực của Pháp 3.2.4. Văn hóa ẩm thực của Nga 3.2.5. Văn hóa ẩm thực của Ý 3.2.6. Văn hóa ẩm thực của Hoa Kỳ	6	2		8	16	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. VĂN HÓA ẨM THỰC KHU VỰC CHÂU Á	6,5	4,5		11	22	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực <i>4.1.1. Cơ cấu bữa ăn</i> <i>4.1.2. Dụng cụ ăn uống</i> <i>4.1.3. Thực phẩm và nguyên liệu chế biến trong ăn uống</i> <i>4.1.4. Phương pháp chế biến</i> <i>4.1.5. Cách trình bày và ứng xử trong ăn uống</i>	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, phần 2, chương 1
4.2. Văn hóa ẩm thực của một số quốc gia có ảnh hưởng quan trọng với du lịch Việt Nam (hoặc tiêu biểu trong khu vực) <i>4.2.1. Văn hóa ẩm thực của Trung Quốc</i> <i>4.2.2. Văn hóa ẩm thực của Nhật Bản</i> <i>4.2.3. Văn hóa ẩm thực của Hàn Quốc</i> <i>4.2.4. Văn hóa ẩm thực của Thái Lan</i> <i>4.2.5. Văn hóa ẩm thực của Ấn Độ</i>	5	3		8	16	Đọc TLC 2, phần 2, chương 1
CHƯƠNG 5. VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM	5	2		7	14	
5.1. Khái quát về Việt Nam <i>5.1.1. Điều kiện tự nhiên</i> <i>5.1.2. Điều kiện xã hội</i>	1			1	2	TLC 1, phần 2; TLC 2, phần 1
5.2. Văn hoá ẩm thực Việt Nam truyền thống <i>5.2.1. Một số nét văn hoá ẩm thực</i>	4	2		6	12	TLC 1, phần 2; TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
truyền thống tiêu biểu 5.2.2. Một số nét văn hoá âm thực của dân tộc thiểu số 5.2.3. Văn hoá âm thực ba miền						
Kiểm tra			1	1	1	
Cộng	29	14	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.34. Đạo đức nghề du lịch

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Đạo đức nghề du lịch**
 - Tiếng Anh: **Professional Ethics in Tourism**
- Mã học phần: KTDL2512
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24,5 tiết
 - Bài tập: 2 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra: 3,5 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: người học hiểu được khái niệm đạo đức, cấu trúc của đạo đức, ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức, quan hệ đạo đức, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân, vai trò, nguồn gốc, bản chất và chức năng của đạo đức. Phân tích được mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội. Nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp nói chung và lĩnh vực du lịch nói riêng; cũng như hiểu được các quy tắc ứng xử đạo đức kinh doanh du lịch toàn cầu và Việt Nam.

- *Về kỹ năng*:

- + *Kỹ năng nhận thức*: Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích đánh giá thực tiễn về các mối quan hệ đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác. Hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức đạo đức nghề nghiệp vào thực tế.

- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng được những kiến thức đã học tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp vào thực tiễn nghề nghiệp.

- + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những nội dung cơ bản của đạo đức nghề nghiệp có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

- + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề đạo đức trong công tác ngành du lịch;

- + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.

- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao đạo đức nghề du lịch

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp: Đề cập đến các khái niệm liên quan đến đạo đức nghề nghiệp và cách nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp; khái niệm và vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch. Các quy tắc ứng xử về đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch toàn cầu và trong nước.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Mạnh Quân (2012), *Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

2. Dương Thị Liễu (2013), *Giáo trình văn hóa kinh doanh*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân.

3. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2008), *Đạo đức học Mác – Lênin*, NXB chính trị quốc gia

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. UNWTO (1999) *Global Code of Tourism Ethics*.

2. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2017), *Bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch*, Quyết định số 718 /QĐ – BVHTTDL ngày 02/03/2017.

3. Trịnh Duy Huy (2010), *Đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN*, NXB Chính trị Quốc gia.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác ☐
☐	☒	☐	☐	☐	

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẠO ĐỨC	10,5		1,5	12	28	
1.1. Khái niệm về đạo đức	0,5			0,5	1	
1.2. Cấu trúc của đạo đức 1.2.1. Ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức 1.2.2. Quan hệ đạo đức 1.2.3. Đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLC 3, bài 1
1.3. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức 1.3.1. Lễ sống 1.3.2. Hạnh phúc 1.3.3. Nghĩa vụ đạo đức 1.3.4. Lương tâm 1.3.5. Danh dự 1.3.6. Thiện và ác	3		0,5	3,5	9	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, bài 4
1.4. Một số phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản 1.4.1. Tính tự trọng và tôn trọng con người 1.4.2. Tính trung thực 1.4.3. Tính khiêm tốn 1.4.4. Lòng dũng cảm 1.4.5. Yêu lao động 1.4.6. Ý thức học tập suốt đời	3		0,5	3,5	9	Đọc TLC 1, chương 1
1.5. Mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội 1.5.1. Mối quan hệ giữa đạo đức và	2,5		0,5	3	6	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, bài 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
chính trị 1.5.2. Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật 1.5.3. Mối quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo 1.5.4. Mối quan hệ giữa đạo đức và khoa học 1.5.5. Mối quan hệ giữa đạo đức và nghệ thuật.						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 2. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP	7	1		8	20	
2.1. Khái niệm về đạo đức nghề nghiệp và vấn đề đạo đức nghề nghiệp 2.1.1. Khái niệm về đạo đức nghề nghiệp 2.1.2. Khái niệm về vấn đề đạo đức nghề nghiệp	1			1	2	Độc TLC 1, chương 3 Độc TLC 2, chương 4
2.2. Nguồn gốc của vấn đề đạo đức nghề nghiệp 2.2.1. Mâu thuẫn về triết lý 2.2.2. Mâu thuẫn về quyền lực 2.2.3. Mâu thuẫn trong sự phối hợp 2.2.4. Mâu thuẫn về lợi ích	3	0,5		3,5	9	
2.3. Quy trình nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp 2.3.1. Xác định các đối tượng hữu quan gây ảnh hưởng nghiêm trọng	3	0,5		3,5	9	Độc TLC 1, chương 3 Độc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.2. Xác minh mối quan tâm của các đối tượng hữu quan 2.3.3. Xác định bản chất vấn đề đạo đức						
CHƯƠNG 3. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP TRONG KINH DOANH DU LỊCH	7	1		8	20	
3.1. Khái niệm và vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch 3.1.1. Khái niệm về đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch 3.1.2. Vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
3.2. Quy tắc ứng xử toàn cầu về đạo đức trong kinh doanh du lịch 3.2.1 Tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc và xã hội 3.2.2 Tôn trọng nhân quyền 3.2.3 Tôn trọng và bảo vệ môi trường tự nhiên 3.2.4 Tôn trọng và bảo vệ di sản văn hóa 3.2.5 Tôn trọng quyền lợi của nước chủ nhà và cộng đồng dân cư địa phương 3.2.6 Tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của khách du lịch 3.2.7 Tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của người lao động và doanh nghiệp	3	0,5		3,5	9	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLĐT1, điều 1=>9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trong ngành du lịch						
3.3. Quy tắc ứng xử về đạo đức trong kinh doanh du lịch ở Việt Nam 3.3.1 Quy tắc ứng xử chung cho tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch 3.3.2 Quy tắc ứng xử của doanh nghiệp lữ hành 3.3.3 Quy tắc ứng xử của hướng dẫn viên du lịch 3.3.4 Quy tắc ứng xử của cơ sở lưu trú du lịch 3.3.5 Quy tắc ứng xử của nhà hàng, cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống 3.3.6 Quy tắc ứng xử của điểm mua sắm phục vụ khách du lịch 3.3.7 Quy tắc ứng xử của điểm tham quan phục vụ khách du lịch 3.3.8 Quy tắc ứng xử của cộng đồng dân cư địa phương	3	0.5		3,5	9	Độc TLC 1, chương 4 Độc TLC 2, chương 3 và chương 5. Độc TLĐT2, điều 4 => điều 12
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24,5	2	3,5	30	72	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.35. Du lịch bền vững

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Du lịch bền vững**
 - Tiếng Anh: **Sustainable Tourism**
- Mã học phần: STT202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghệ □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Bài tập: 14 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: người học hiểu được các vấn đề liên quan về du lịch, du lịch bền vững, phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững trong phạm vi ngành du lịch Việt Nam; Các kiến thức về phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm: vùng bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái hoang sơ. Từ đó, người học liên hệ các kiến thức đã học với định hướng và các công cụ tăng cường du lịch bền vững, vận dụng những kiến thức và công cụ phát triển bền vững để hoạch định những chiến lược phù hợp trong quá trình lập kế hoạch phát triển cho các điểm du lịch.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của du lịch bền vững như các nguyên tắc và biện pháp tự điều chỉnh nhằm đạt đến sự bền vững của du lịch cùng và ứng dụng vào các vùng sinh thái nhạy cảm trong hoạt động du lịch.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực phát triển du lịch theo hướng bền vững trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Du lịch bền vững là học phần lý thuyết dành cho sinh viên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, trường đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Bùi Thị Hải Yến (2011), *Tài nguyên du lịch*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Nguyễn Văn Đỉnh (2006), *Kinh tế du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Thung (2005), *Hỏi đáp về Luật du lịch năm 2005*, Nxb Chính trị quốc gia.
2. Charles R. Goeldner (2009), *Tourism: Principles, practices, philosophies*, John Wiley & Sons, INC.
3. Stephen Wearing, John Neil (1999), *Ecotourism- Impacts, Potentials and Possibilities*, Elsevier Butterworth-Heinemann.
4. *Making tourism more sustainable* (2005), UNEP, UNWTO.
5. *Indicators of sustainable development for tourism destination* (2004), UNWTO.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Thảo luận nhóm ☒	Bài tập lớn ☐	Thực hành ☐	Khác ☐
---	--------------------------------------	--	--------------------------------------	------------------------------------	-------------------------------

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Vấn đáp ☐	Thực hành ☐
---	--------------------------------------	----------------------------------	------------------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. DU LỊCH VÀ MÔI TRƯỜNG	5	3		8	16	
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển các loại hình du lịch	0,5			0,5	1	Độc TLC 1, chương 1 Độc TLC 2, chương 1 Độc TLC 3, chương 1,2
1.2.Những đặc trưng cơ bản của điểm đến du lịch 1.2.1. Tính xen ghép 1.2.2. Vòng đời của điểm đến du lịch 1.2.3. Khả năng tải của điểm đến du lịch	2,5	1,5		4	8	Độc TLC 1, chương 1 Độc TLC 2, chương 1 Độc TLC 3, chương 1,2
1.3. Ảnh hưởng tác động qua lại của du lịch và môi trường 1.3.1. Tác động tới môi trường của du lịch 1.3.2. Sức ép của môi trường lên phát triển du lịch bền vững	2	1,5		3,5	7	Độc TLC 1, chương 1 Độc TLC 2, chương 1 Độc TLC 3, chương 1,2
CHƯƠNG 2. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	7	2		9	18	
2.1.Khái quát về du lịch bền vững 2.1.1. Khái niệm phát triển bền vững 2.1.2. Khái niệm du lịch bền vững 2.1.3. Phân biệt du lịch bền vững và du lịch không bền vững	2	1		3	6	Độc TLC 1, chương 2 Độc TLC 2, chương 2,3 Độc TLC 3, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Ý nghĩa của phát triển du lịch bền vững	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2,3 Đọc TLC 3, chương 3
2.3. Nguyên tắc đảm bảo phát triển du lịch bền vững 2.3.1. Biểu hiện của phát triển du lịch bền vững 2.3.2. Nguyên tắc	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2,3 Đọc TLC 3, chương 3
2.4. Một số thách thức chủ yếu đối với việc thúc đẩy du lịch bền vững	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2,3 Đọc TLC 3, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. CƠ SỞ KHOA HỌC CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	11	5		16	32	
3.1. Dấu hiệu nhận biết về phát triển du lịch bền vững 3.1.1. Từ góc độ đảm bảo sự phát triển về kinh tế 3.1.2. Từ góc độ đảm bảo sự bền vững về tài nguyên môi trường 3.1.3. Từ góc độ đảm bảo sự bền vững về xã hội 3.1.4. Một số dấu hiệu nhận biết	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 10,11

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
khác						
3.2. Các biện pháp tự điều chỉnh nhằm đạt đến du lịch bền vững 3.2.1. Hoạt động tiếp thị 3.2.2. Phát triển một chính sách tiêu thụ có ý nghĩa môi trường 3.2.3. Quản lý năng lượng 3.2.4. Tiết kiệm nước 3.2.5. Quản lý chất thải 3.2.6. Giao thông vận tải 3.2.7. Hoạt động đào tạo 3.2.8. Giáo dục và thông tin du lịch 3.2.9. Sử dụng các biện pháp can thiệp trong những tình huống cần thiết nhằm bảo vệ đối tượng du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 10,11
3.3. Một số mô hình du lịch bền vững của các nước 3.3.1. Làng du lịch ở Austria 3.3.2. Mô hình du lịch bền vững của cộng đồng Châu Âu 3.3.3. Mô hình du lịch bền vững ở Hoàng Sơn Trung Quốc	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 10,11
3.4. Kinh nghiệm phát triển du lịch ở một số quốc gia 3.4.1. Một số điển hình phát triển du lịch không bền vững 3.4.2. Một số điển hình phát triển du lịch bền vững	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 10,11

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4.3. Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam						
3.5. Đánh giá tính bền vững của du lịch 3.5.1. Đánh giá tính bền vững của du lịch dựa vào sức chứa 3.5.2. Đánh giá tính bền vững của du lịch dựa vào bộ chỉ tiêu môi trường của tổ chức du lịch thế giới UNWTO 3.5.3. Bộ chỉ số đánh giá nhanh tính bền vững của một điểm du lịch	3	1		4	8	Độc TLC 1, chương 3 Độc TLC 2, chương 3,4 Độc TLC 3, chương 10,11
CHƯƠNG 4. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở CÁC VÙNG SINH THÁI NHẠY CẢM	6	4		10	20	
4.1. Một số tính chất của các vùng sinh thái nhạy cảm	0,5			0,5	1	Độc TLC 1, chương 3 Độc TLC 2, chương 4 Độc TLC 3, chương 11
4.2. Du lịch bền vững ở vùng bờ biển 4.2.1. Phạm vi của vùng bờ biển 4.2.2. Các yếu tố sinh thái chính ảnh hưởng đến du lịch 4.2.3. Các bãi biển thích hợp cho du lịch 4.2.4. Các giai đoạn phát triển của điểm du lịch bãi biển	1,5	1,5		3	6	Độc TLC 1, chương 3 Độc TLC 2, chương 4 Độc TLC 3, chương 11

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.5. Các loại hình điểm du lịch bờ biển 4.2.6. Tác động môi trường của du lịch ven biển 4.2.7. Quy hoạch bền vững cho du lịch ven biển						
4.3. Du lịch bền vững ở miền núi 4.3.1. Những đặc trưng sinh thái của miền núi liên quan đến du lịch 4.3.2. Các loại hình du lịch miền núi 4.3.3. Tác động môi trường của du lịch miền núi 4.3.4. Định hướng phát triển du lịch bền vững ở miền núi	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 11
4.4. Du lịch sinh thái hoang sơ 4.4.1. Các khái niệm cơ bản 4.4.2. Những nguyên tắc của du lịch sinh thái 4.4.3. Các yếu tố đảm bảo thành công cho du lịch sinh thái 4.4.4. Định hướng quy hoạch xây dựng và quản lý các điểm du lịch sinh thái	2	1,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 11
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	29	14	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.36. Kế toán tài chính

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán tài chính**
 - Tiếng Anh: **Financial Accounting**
- Mã học phần: KTKE2524
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☑		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu được những kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất.
- Về kỹ năng:
 - + Kỹ năng về nhận thức: Hiểu những công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.
 - + Kỹ năng về nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.
 - + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + Kỹ năng tư duy: Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đưa ra

các biện pháp giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của môn học để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập và bài giải Kế toán tài chính*, NXB lao động – xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB Tài chính
2. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư 200/2014/ TT – BTC Chế độ kế toán doanh nghiệp*
3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập và bài giải Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản lao động – xã hội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	4	2		6	12	
1.1. Kế toán tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình 1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tài sản cố định 1.1.2. Phân loại tài sản cố định 1.1.3. Đánh giá tài sản cố định 1.1.4. Kế toán tổng hợp tài sản cố định 1.1.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định 1.1.6. Kế toán sửa chữa tài	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>sản cố định</i>						
1.2. Kế toán thuê tài sản cố định <i>1.2.1. Khái niệm tài sản cố định thuê tài chính</i> <i>1.2.2. Kế toán tài sản cố định thuê tài chính</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
1.3. Kế toán bất động sản đầu tư <i>1.3.1. Khái niệm bất động sản đầu tư</i> <i>1.3.2. Kế toán bất động sản đầu tư</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
1.4. Kế toán các khoản đầu tư tài chính <i>1.4.1. Khái niệm</i> <i>1.4.2. Nội dung các khoản đầu tư tài chính</i> <i>1.4.3. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i> <i>1.4.4. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con</i> <i>1.4.5. Kế toán các khoản đầu tư khác</i> <i>1.4.6. Kế toán dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
Chương 2. KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ	3	1		4	8	
2.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
toán 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Nhiệm vụ kế toán						chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.2. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.						
2.3. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.3.1. Tính giá vật tư nhập kho 2.3.2. Tính giá vật tư xuất kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.4.Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.4.1. Phương pháp thẻ song song 2.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển 2.4.3. Phương pháp sổ số dư	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.5.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên 2.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chương 3.
Chương 3. KẾ TOÁN LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG	3	1		4	8	
3.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 5.
3.2. Các hình thức tiền lương						
3.3. Phân loại tiền lương						
3.4. Phân loại lao động						
3.5. Kế toán tổng hợp tiền lương 3.5.1. Chứng từ kế toán 3.5.2. Tài khoản sử dụng 3.5.3. Phương pháp kế toán	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 5.
3.6. Kế toán Bảo hiểm xã hội, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp 3.6.1. Chứng từ kế toán 3.6.2. Tài khoản sử dụng 3.6.3. Phương pháp kế toán	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 5.
Chương 4. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM – DỊCH VỤ	4	2		6	12	
4.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm- dịch vụ và nhiệm vụ kế toán 4.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm- dịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 1, chương 6;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>vụ</i> 4.1.2. Nhiệm vụ kế toán						
4.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất - đối tượng tính giá thành 4.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất 4.2.2. Đối tượng tính giá thành						
4.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất						
4.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong xí nghiệp sản xuất côngnghiệp	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLĐT 1, chương 6.
4.5. Phương pháp tính giá thành						
4.6. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành bộ phận sản xuất phụ						
4.7. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của sản xuất chính trong sản xuất công nghiệp 4.7.1. Khái quát về hoạt động sản xuất công nghiệp 4.7.2. Xác định nội dung kinh tế và kết cấu giá thành sản phẩm công nghiệp 4.7.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLĐT 1, chương 6.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.8.Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành ngành sản xuất nông nghiệp	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLĐT 1, chương 6.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM, XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN PHỐI KẾT QUẢ KINH DOANH	5	1		6	12	
5.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chính <i>5.1.1. Kế toán doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh</i> <i>5.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán</i> <i>5.1.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.2. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động tài chính <i>5.2.1. Nội dung chi phí và doanh thu hoạt động tài chính</i> <i>5.2.2. Tài khoản sử dụng</i> <i>5.2.3. Phương pháp kế toán</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.3. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác <i>5.3.1. Nội dung chi phí và thu nhập khác</i> <i>5.3.2. Tài khoản sử dụng</i> <i>5.3.3. Phương pháp kế toán</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7;
5.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh						Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.6. Kế toán phân phối kết quả kinh doanh						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3	1		4	8	
6.1. Tổng quan về hệ thống Báo cáo tài chính	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
6.2. Hệ thống Báo cáo tài chính 6.2.1. Bảng cân đối kế toán 6.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6.2.4. Thuyết minh Báo cáo tài chính	2,5	1		3,5	7	Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
Cộng	21	7	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.37. Quản trị điểm đến du lịch

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị điểm đến du lịch**
 - Tiếng Anh: **Tourism destination management**
- Mã học phần: TDM204
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: người học hiểu được những kiến thức cơ bản về quản trị điểm đến du lịch; lập kế hoạch điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; tổ chức quản lý điểm đến, ứng dụng quản lý điểm đến tại một số điểm đến thực tế. Từ đó, người học biết triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.
- Về kỹ năng:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị điểm đến du lịch.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng hệ thống kiến thức, người học có thể biết được những nội dung cơ bản về quản trị điểm đến du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động quản trị điểm đến du lịch của các doanh nghiệp du lịch và lữ hành.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

Rèn luyện sự cần cù, khả năng phân tích logic, tính chăm chỉ, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, sáng tạo trong vận dụng kiến thức môn học vào điều kiện thực tiễn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị điểm đến du lịch gồm 5 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị điểm đến du lịch; lập kế hoạch điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; tổ chức quản lý điểm đến, ứng dụng quản lý điểm đến tại một số điểm đến thực tế. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2013), *Giáo trình marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Lưu, *Thị trường du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Bùi Thị Hải Yến (2006), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.
3. Tổng cục Du lịch (2006), *Luật Du lịch Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
4. Trung tâm Quốc tế APEC về du lịch bền vững (AICST) (2006), *Quản lý rủi ro du lịch. Hướng dẫn chính thức để quản lý rủi ro du lịch*.
5. UNWTO (2007), *A Practical Guide to Tourism Destination Management*, Madrid, Tây Ban Nha.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (tiết)			Giờ tự học		
	LT	BT	TL, KT			Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	5			5	10	
1.1. Khái quát về điểm đến du lịch <i>1.1.1. Khái niệm và vai trò điểm đến du lịch</i> <i>1.1.2. Phân loại điểm đến du lịch</i> <i>1.1.3. Chu kỳ phát triển của điểm đến du lịch</i> <i>1.1.4. Các yếu tố cấu thành điểm đến du lịch</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Quản lý điểm đến du lịch 1.2.1. Khái niệm và vai trò của quản lý điểm đến du lịch 1.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý điểm đến du lịch 1.2.3. Nội dung quản lý điểm đến du lịch 1.2.4. Tổ chức quản lý điểm đến du lịch	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. HOẠCH ĐỊNH ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	4	1		5	10	
2.1. Phân tích điểm đến du lịch 2.1.1. Phân tích tiềm năng tài nguyên du lịch 2.1.2. Phân tích cơ sở hạ tầng công cộng và cơ sở hạ tầng du lịch 2.1.3. Phân tích các dịch vụ tiện lợi trong du lịch 2.1.4. Phân tích các yếu tố khác 2.1.5. Đánh giá khả năng cạnh tranh của điểm đến du lịch	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 3,5
2.2. Xác định tầm nhìn và chiến lược cho điểm đến du lịch 2.2.1. Xác định tầm nhìn cho điểm đến du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3,5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.2. Xác định mục tiêu và chiến lược cho điểm đến du lịch						
2.3 Kế hoạch hành động phát triển du lịch 2.3.1 Chiến lược cạnh tranh điểm đến du lịch 2.3.2 Những nhân tố của kế hoạch hành động du lịch	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3,5
CHƯƠNG 3. MARKETING ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	6	1		7	14	
3.1. Khái quát về marketing điểm đến du lịch 3.1.1 Khái niệm marketing điểm đến du lịch 3.1.2. Vai trò của marketing điểm đến du lịch 3.1.3 Các thành tố marketing điểm đến du lịch 3.1.4 Nội dung chiến lược marketing điểm đến du lịch 3.1.5 Các yếu tố quyết định marketing điểm đến du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2
3.2. Quy trình thực hiện marketing điểm đến 3.2.1. Nghiên cứu thị trường 3.2.2. Phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu 3.2.3 Định vị thị trường 3.2.4 Xây dựng và quản trị thương hiệu điểm đến	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.5 Xúc tiến điểm đến du lịch						
3.3 Thương hiệu điểm đến du lịch 3.3.1 Khái niệm, vai trò và đặc điểm của thương hiệu điểm đến du lịch 3.3.2 Mô hình và quy trình xây dựng thương hiệu điểm đến du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4,5,6
3.4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả marketing điểm đến 3.4.1 Chỉ tiêu đánh giá định tính 3.4.2. Chỉ tiêu đánh giá định lượng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4,5,6
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	4			4	8	
4.1 Khái niệm và các yếu tố cấu thành chất lượng điểm đến 4.1.1. Khái niệm chất lượng điểm đến du lịch 4.1.2. Các yếu tố cấu thành chất lượng điểm đến du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2,3.
4.2. Quản trị chất lượng điểm đến du lịch 4.2.1. Khái niệm và vai trò của quản trị chất lượng điểm đến	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.2. Các tiêu chí đánh giá và đo lường chất lượng điểm đến du lịch 4.2.3 Quy trình đánh giá chất lượng điểm đến du lịch 4.2.4 Tổ chức thực hiện quản lý chất lượng điểm đến du lịch						
CHƯƠNG 5. MỘT SỐ MÔ HÌNH QUẢN LÝ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH	3	4		7	14	
5.1. Kinh nghiệm quản lý điểm đến trên thế giới	1	2		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
5.2. Mô hình quản lý điểm đến ở Việt nam	2	2		4	8	Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.38. Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành**3TC****1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành**
 - Tiếng Anh: **Operational administration of travel business**
- Mã học phần: OMT203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
 - Bài tập: 12 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: người học hiểu được tổng quan về kinh doanh lữ hành và doanh nghiệp lữ hành; quản trị các hoạt động cung ứng; xây dựng chương trình du lịch, xúc tiến bán, thực hiện chương trình du lịch và quản trị chất lượng sản phẩm du lịch của doanh nghiệp lữ hành. Từ đó áp dụng vào thực tiễn nghề nghiệp sau này.

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những hoạt động tác nghiệp chủ yếu trong kinh doanh lữ hành và những quá trình quản trị các hoạt động đó trong các doanh nghiệp lữ hành.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Sinh viên sau khi học xong học phần này thì có thể vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ các hoạt động tác nghiệp và quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp kinh doanh lẻ hành, tư duy và vận dụng một cách linh hoạt và hiệu quả các kiến thức này trong thực tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

Rèn luyện sự cần cù, khả năng phân tích logic, tính chăm chỉ, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, sáng tạo trong vận dụng kiến thức môn học vào điều kiện thực tiễn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lẻ hành truyền đạt cho sinh viên các nội dung như sau: Tổng quan về kinh doanh lẻ hành và doanh nghiệp lẻ hành; quản trị các hoạt động cung ứng; xây dựng chương trình du lịch, xúc tiến bán, thực hiện chương trình du lịch và quản trị chất lượng sản phẩm du lịch của doanh nghiệp lẻ hành.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), *Quản trị kinh doanh lẻ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Mạnh Ty, Mai Chánh Cường (2014), *Quản trị kinh doanh lẻ hành*, NXB đại học quốc gia Hà Nội.

3. Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2011), *Quản trị tác nghiệp*, **NXB Đại học kinh tế quốc dân**.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Các tình huống quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Thống kê

2. Đồng Ngọc Minh và Vương Lôi Đình (2001), *Kinh tế du lịch và du lịch học*, Tp.HCM, NXB Trẻ

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH LỮ HÀNH VÀ DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH	6			6	12	
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển kinh doanh lữ hành 1.1.1. Nguồn gốc kinh doanh lữ hành 1.1.2. Một số tổ chức và công ty lữ hành trên thế giới	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Kinh doanh lữ hành 1.2.1. Khái niệm kinh doanh lữ hành 1.2.2. Lợi ích của kinh doanh lữ hành 1.2.3. Phân loại kinh doanh lữ hành	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.4. Hệ thống sản phẩm của kinh doanh lẻ hành						
1.3 Doanh nghiệp lẻ hành 1.3.1. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp lẻ hành 1.3.2. Chức năng và vai trò của doanh nghiệp lẻ hành 1.3.3. Phân loại doanh nghiệp lẻ hành	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG TRONG DOANH NGHIỆP LỬ HÀNH	6	3		9	18	
2.1. Nhà cung cấp của doanh nghiệp lẻ hành 2.1.1. Khái niệm nhà cung cấp của doanh nghiệp lẻ hành 2.1.2. Vai trò của các nhà cung cấp đối với doanh nghiệp lẻ hành 2.1.3. Phân loại các nhà cung cấp của doanh nghiệp lẻ hành 2.1.4. Quyền lực của các nhà cung cấp với doanh nghiệp lẻ hành	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3
2.2. Các hình thức quan hệ của doanh nghiệp lẻ hành với nhà cung cấp 2.2.1. Quan hệ theo hình thức ký gửi	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.2. Quan hệ theo hình thức bán buôn						
2.3. Xây dựng chuỗi cung ứng trong kinh doanh lữ hành 2.3.1. Hợp đồng giữa doanh nghiệp lữ hành với các nhà cung cấp 2.3.2. Các hình thức vận dụng chính sách giá của các nhà cung cấp đối với doanh nghiệp lữ hành	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	6	3		9	18	
3.1. Chương trình du lịch 3.1.1. Khái niệm chương trình du lịch 3.1.2. Đặc điểm của chương trình du lịch 3.1.3. Phân loại chương trình du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
3.2. Quá trình xây dựng chương trình du lịch 3.2.1. Nghiên cứu và phân tích thị trường 3.2.2. Phát triển chương trình và các yếu tố cấu thành 3.2.3.Xác định chi phí và giá bán	4	3		7	14	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4.QUẢN TRỊ	7	3		10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN HỖN HỢP, BÁN VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH						
4.1. Quản trị hoạt động xúc tiến hỗn hợp chương trình du lịch 4.1.1. Quản trị hoạt động quảng cáo chương trình du lịch 4.1.2. Quản trị hoạt động tuyên truyền và quan hệ công chúng 4.1.3. Quản trị hoạt động khuyến khích thúc đẩy tiêu thụ, khuyến mãi và khuyến mại	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 6
4.2. Quản trị hoạt động bán các chương trình du lịch 4.2.1. Xác định thị trường mục tiêu 4.2.2. Hoạt động bán các chương trình du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 6
4.3. Quản trị hoạt động thực hiện các chương trình du lịch của doanh nghiệp lữ hành 4.3.1.Quản trị quy trình thực hiện chương trình du lịch 4.3.2. Quản trị hoạt động của hướng dẫn viên du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 6
4.4. Quản trị hoạt động sau khi kết thúc chuyến đi của khách du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 5.QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỦA DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH	6	3		9	18	
5.1. Một số khái niệm về chất lượng sản phẩm lữ hành 5.1.1. Khái niệm chất lượng sản phẩm lữ hành 5.1.2. Khái niệm chất lượng chương trình du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 3, chương 12
5.2. Đánh giá chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành 5.2.1. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành 5.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm lữ hành	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 3, chương 12
5.3. Quản trị hoạt động đảm bảo, duy trì, hoàn thiện và kiểm tra chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành 5.3.1. Quản trị hoạt động đảm bảo, duy trì, hoàn thiện chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành 5.3.2. Quản trị hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 8
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	31	12	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.39. Kỹ năng phát triển nghề du lịch

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kỹ năng phát triển nghề du lịch**
 - Tiếng Anh: **Tourism development skills**
- Mã học phần: KTQU2586
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kỹ năng mềm
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: người học biết áp dụng các kỹ năng vào thực tế nghề nghiệp, bao gồm: kỹ năng đàm phán và thương lượng, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng xử lý tình huống và kỹ năng của một số vị trí cụ thể trong ngành du lịch.
- Về kỹ năng:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Sau khi học xong sinh viên nắm bắt được các nội dung cơ bản của kỹ năng phát triển nghề nghiệp.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác sau khi ra trường.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của rèn luyện các kỹ năng nghề du lịch để nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các các kỹ năng bao gồm: kỹ năng đàm phán và thương lượng, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng của một số vị trí nghề nghiệp trong du lịch.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. ThS. Hoàng Thị Thu Hiền - ThS. Bùi Thị Bích - ThS. Nguyễn Như Khương - ThS. Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm- tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.

2. PGS.TS Ngô Kim Thanh, TS. Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Bùi Thanh Thủy (2012), *Nghệ vụ hướng dẫn du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trương Minh Vũ, Võ Đăng Khoa (2015), *Giáo trình Nghiệp vụ lễ tân*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Hoàng Đức Thân (2014), *Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh*, NXB Thống kê.

3. Lục Bội Minh (2005), *Quản lý khách sạn hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia Viện Nghiên cứu phát triển du lịch.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐

Phân tích, xử lý số liệu ☐ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP	4			4	8	
1.1. Kỹ năng 1.1.1. Khái niệm kỹ năng 1.1.2. Phân loại kỹ năng 1.1.3. Các giai đoạn hình thành kỹ năng	1			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Kỹ năng nghề nghiệp 1.2.1. Khái niệm kỹ năng nghề nghiệp	1			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.2. Tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp						Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Phát triển kỹ năng nghề nghiệp	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.4 Giới thiệu một số kỹ năng nghề nghiệp cơ bản trong ngành Du lịch	0,5			0,5	1	
1.5 Thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của lao động trong ngành Du lịch ở Việt Nam hiện nay	1			1	2	
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN VÀ THƯƠNG LƯỢNG	4	3		7	14	
2.1. Đàm phán 2.1.1. Khái niệm đàm phán 2.1.2. Bản chất của hoạt động đàm phán 2.1.3. Các hình thức đàm phán	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 5
2.2. Thương lượng 2.2.1. Khái niệm thương lượng 2.2.2. Vai trò của thương lượng 2.2.3. Các hình thức thương lượng	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 2
2.3 Quy trình đàm phán và thương lượng	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.1 Giai đoạn chuẩn bị 2.3.2 Giai đoạn tiến hành đàm phán và thương lượng 2.3.3 Kết thúc đàm phán và thương lượng 2.3.4 Đo lường thành công của một cuộc đàm phán						
2.4 Những điều cần tránh trong đàm phán và thương lượng	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG QUẢN LÝ THỜI GIAN VÀ TỔ CHỨC CÔNG VIỆC	4	2		6	12	
3.1 Kỹ năng quản lý thời gian 3.1.1 Khái niệm 3.1.2 Phương pháp quản lý thời gian của S.Covey 3.1.3 Những yếu tố gây lãng phí thời gian 3.1.4 Các bước quản lý thời gian hiệu quả 3.1.5 Kỹ năng tổ chức công việc	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 1 Đọc TLC 2, chương 2
3.2 Kỹ năng tổ chức công việc 3.2.1 Khái niệm tổ chức công việc	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.2 Tổ chức công việc bộ phận 3.2.3 Tổ chức công việc cá nhân						
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG XỬ LÝ TÌNH HUỐNG	4	2		6	12	
4.1. Nguyên tắc xử lý các tình huống 4.1.1. Nguyên tắc chủ động 4.1.2. Nguyên tắc nhanh gọn 4.1.3. chú trọng đến các lợi ích của khách 4.1.4 Đảm bảo lợi ích các bên	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 10
4.2. Các yêu cầu chung trong xử lý tình huống 4.2.1. Bình tĩnh, tự tin 4.2.2. Kịp thời, nhanh chóng và thận trọng 4.2.3. linh hoạt, năng động 4.2.4. Tranh thủ sự giúp đỡ về trí tuệ và sự góp sức của khách 4.2.5 Báo cáo cấp trên kịp thời	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 5,8,9
4.3 Cách xử lý một số tình huống thường gặp		2		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG CỦA MỘT SỐ VỊ TRÍ NGHỀ NGHIỆP TRONG DU LỊCH	3	2		5	10	
5.1 Kỹ năng của vị trí lễ tân 5.1.1 Yêu cầu về diện mạo và đạo đức cá nhân 5.1.2 Kỹ năng sử dụng và trả lời điện thoại 5.1.3 Kỹ năng xử lý đặt buồng 5.1.4 Kỹ năng bán hàng	1	0,5				
5.2 Kỹ năng nghề buồng phòng 5.2.1 Yêu cầu về diện mạo và đạo đức cá nhân 5.2.2 Kỹ năng chăm sóc khách hàng 5.2.2 Kỹ năng tiếp xúc với khách hàng 5.2.3 Kỹ năng xử lý phàn nàn của khách hàng	1	0,5				
5.3 Kỹ năng nghề hướng dẫn viên du lịch 5.3.1 Yêu cầu về diện mạo và đạo đức cá nhân 5.3.2 Kỹ năng giao tiếp	1	1				

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>ứng xử</i> 5.3.3 Kỹ năng thiết lập các mối quan hệ 5.3.4 Kỹ năng xử lý tình huống 5.3.5 Kỹ năng tổ chức các hoạt động tập thể 5.3.6 Một số kỹ năng khác						
Cộng	19	9	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.40. Thiết kế và quản lý điều hành chương trình du lịch 3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thiết kế và quản lý điều hành chương trình du lịch**
 - Tiếng Anh: **Design and executive management in tour operation**
- Mã học phần: KTDL2517
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - Bài tập: 15 tiết

- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: người học hiểu về chương trình du lịch và quản lý điều hành chương trình du lịch; biết xây dựng chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán chương trình du lịch; tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch; quản lý chất lượng chương trình du lịch.

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của việc thiết kế và quản lý điều hành chương trình du lịch cũng như nắm vững các quy trình thiết kế chương trình du lịch, quy trình điều hành một chương trình du lịch.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có thể tự vận dụng để thiết kế và quản lý điều hành một chương trình du lịch.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc thiết kế và quản lý điều hành chương trình du lịch cũng như nắm vững các quy trình thiết kế chương trình du lịch, quy trình điều hành một chương trình du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thiết kế và quản lý điều hành chương trình du lịch bao gồm những nội dung chính sau: Khái quát về chương trình du lịch và quản lý điều hành chương trình du lịch; xây dựng chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán chương trình du lịch; tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch; quản lý chất lượng chương trình du lịch.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), *Giáo trình quản trị kinh doanh lý hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), *Kinh tế du lịch*, NXB Lao động Xã hội.
3. Bùi Thị Hải Yến (2005), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Các tình huống quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Thống kê
2. Nguyễn Văn Thung (2005), *Hỏi đáp về Luật du lịch năm 2005*, NXB Chính trị quốc gia.
3. Charles R. Goeldner (2009), *Tourism: Principles, practices, philosophies*, John Wiley & Sons, INC.
4. Stephen Wearing, John Neil (1999), *Ecotourism- Impacts, Potentials and Possibilities*, Elsevier Butterworth-Heinemann.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☒	Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	----------------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	-----------	--------------------------	------	--------------------------

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Vấn đáp ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH VÀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	5	1		6	12	TLC1, chương 1 TLC2, chương 1
1.1 Khái niệm về chương trình du lịch <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Đặc điểm và vai trò của chương trình du lịch</i>	1			1	2	TLC1, chương 1 TLC2, chương 1
1.2 Nguyên tắc và một số điểm cần lưu ý khi thiết kế chương trình du lịch <i>1.2.1 Nguyên tắc thiết kế chương trình du lịch mới</i> <i>1.2.2 Một số điểm cần lưu ý khi thiết kế chương trình du lịch</i>	1			1	2	TLC1, chương 1 TLC2, chương 1
1.3. Điều hành chương trình du lịch <i>1.3.1. Khái niệm điều hành chương trình du lịch</i> <i>1.3.2. Bộ phận tổ chức điều hành chương trình du lịch</i> <i>1.3.3. Vai trò của bộ phận điều hành chương trình du lịch</i>	1			1	2	TLC1, chương 1 TLC2, chương 1
1.4 Quản lý điều hành chương trình du lịch <i>1.4.1 Khái niệm quản lý điều hành</i>	2	1		3	6	TLC1, chương 1 TLC2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
chương trình du lịch 1.4.2 Các mối quan hệ trong quá trình điều hành chương trình du lịch						
CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	7	4		11	22	TLC1, chương 6
2.1. Nghiên cứu nhu cầu du lịch và khả năng cung cấp các dịch vụ du lịch 2.1.1. Nghiên cứu nhu cầu du lịch 2.1.2. Nghiên cứu khả năng cung ứng dịch vụ du lịch 2.1.3. Xác định khả năng cung ứng dịch vụ du lịch	1	0,5		1,5	3	
2.2. Xây dựng chủ đề của chương trình du lịch	1	0,5		1,5	3	TLC1, chương 6
2.3. Xây dựng tuyến hành trình cơ bản	1	0,5		1,5	3	TLC1, chương 6
2.4. Xây dựng phương án vận chuyển	1	0,5		1,5	3	TLC1, chương 6
2.5. Xây dựng phương án lưu trú	1	0,5		1,5	3	TLC1, chương 6
2.6. Xây dựng phương án ăn uống	1	0,5		1,5	3	TLC1, chương 6
2.7. Xây dựng lịch trình chi tiết	1	1		2	4	TLC1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. ĐỊNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	5	3		8	16	TLC2, chương 9
3.1. Xác định giá thành chương trình du lịch 3.1.1 Khái niệm giá thành chương	2	1,5		3,5	7	TLC2, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trình du lịch</i> <i>3.1.2 Phân loại</i> <i>3.1.3 Nội dung của giá thành</i> <i>3.1.4 Các nhân tố tác động đến giá thành chương trình du lịch</i>						
3.2. Xác định giá bán chương trình du lịch <i>3.2.1 Khái niệm</i> <i>3.2.2 Các nhân tố tác động đến giá bán chương trình du lịch</i> <i>3.2.3 Phương pháp xác định giá bán chương trình du lịch</i>	2	1,5		3,5	7	TLC2, chương 9
3.3. Những điều cần lưu ý khi định giá chương trình du lịch	1			1	2	TLC2, chương 9
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	5	3		8	16	TLC3, chương 2,3,4
4.1 Tổ chức thực hiện chương trình du lịch <i>4.1.1 Quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch</i> <i>4.1.2 Một số lưu ý khi tổ chức thực hiện chương trình du lịch</i>	2	2		4	8	TLC3, chương 2
4.2 Điều hành chương trình du lịch <i>4.2.1 Nội dung quy trình điều hành chương trình du lịch</i> <i>4.2.2 Công việc của nhân viên điều hành chương trình du lịch</i> <i>4.2.3 Một số nghiệp vụ trong điều hành du lịch</i>	3	1		4	8	Đọc TLC2, chương 10

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH	6	4		10	20	
5.1 Khái niệm chất lượng và quản lý chất lượng chương trình du lịch 5.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng chương trình du lịch 5.2.1 Nhóm yếu tố bên trong 5.2.2 Nhóm yếu tố bên ngoài	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 8 Đọc TLC 1, chương 8
5.3 Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá chất lượng chương trình du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 8 Đọc TLC 1, chương 8
5.4 Các biện pháp duy trì và nâng cao chất lượng chương trình du lịch 5.4.1 Mô hình hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ theo quá trình 5.4.2 Những nội dung chủ yếu của duy trì và nâng cao chất lượng chương trình du lịch	2	2		4	8	Đọc TLC 3, chương 8 Đọc TLC 1, chương 8
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	28	15	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.41. Hướng dẫn du lịch

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hướng dẫn du lịch**
 - Tiếng Anh: **Travel guide**
- Mã học phần: TVG203
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
 - Bài tập: 17 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* người học hiểu được những kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch, các yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch và một số nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch. Từ đó, người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của hoạt động hướng dẫn du lịch.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch sinh thái để phát triển các kỹ năng tổ chức và hướng dẫn một chương trình du lịch, từ đó có cách ứng xử hợp lý làm hài lòng và lôi cuốn khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng

giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của các kỹ năng tổ chức và hướng dẫn một chương trình du lịch và các ứng xử hợp lý làm hài lòng và lôi cuốn khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch sinh thái gồm 4 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản như nghề hướng dẫn viên du lịch, các yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch và một số nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Thanh Thủy (2009), *Nghề nghiệp hướng dẫn du lịch*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
2. PGS.TS Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.
3. Bùi Thị Hải Yến (2005), *Giáo trình tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Trung Kiên (2011), *Giáo trình nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Đính (2012), *Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp*, ứng xử trong kinh doanh du lịch, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Trần Văn Mậu (2010), *Giáo trình Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Richard Harril, Ph.D (2003), *Guide to best practices in tourism and destination management*, American hotel and lodging education institute.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH	7	1		8	16	
1.1. Một số vấn đề cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đặc điểm nghề	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Chức năng, nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch <i>1.2.1. Chức năng của hướng dẫn viên du lịch</i> <i>1.2.2. Nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2
1.3. Yêu cầu đối với hướng dẫn viên du lịch <i>1.3.1. Yêu cầu về kiến thức</i> <i>1.3.2. Yêu cầu về phong cách và đạo đức</i> <i>1.3.3. Yêu cầu về kỹ năng</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
1.4. Các mối quan hệ của hướng dẫn viên trong hoạt động hướng dẫn du lịch <i>1.4.1. Quan hệ với đồng nghiệp</i> <i>1.4.2. Quan hệ với đoàn khách</i> <i>1.4.3. Quan hệ với nhà cung cấp dịch vụ cho đoàn khách</i> <i>1.4.4. Các quan hệ khác</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 2. NHỮNG YẾU TỐ KHÁCH QUAN TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN DU LỊCH	6	7		13	26	
2.1. Hình thức và thời gian của chuyến du lịch <i>2.1.1.Hình thức của chuyến du lịch</i> <i>2.1.2. Thời gian của chuyến du lịch</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Cơ cấu khách du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3
2.3. Phương tiện vận chuyển khách du lịch	1	2		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1
2.4. Các điểm của tuyến, trung tâm du lịch và điểm du lịch	1	2		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1
2.5. Sự phối hợp giữa các đơn vị, địa phương liên quan đến hoạt động du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC CÔNG TÁC HƯỚNG DẪN DU LỊCH	6	5		11	22	
3.1. Khái quát quy trình hoạt động hướng dẫn du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 2
3.2. Quá trình chuẩn bị trước chuyến đi 3.2.1. Chuẩn bị lệnh điều động hướng dẫn 3.2.2. Nghiên cứu kế hoạch chương trình 3.2.3. Tìm hiểu thông tin về khách hàng 3.2.4. Chuẩn bị điều kiện phục	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
vụ 3.2.5. Chuẩn bị phương tiện và điều kiện tác nghiệp 3.2.6. Chuẩn bị cá nhân 3.2.7. Công tác chuẩn bị khác						
3.3. Tổ chức việc ăn ở cho khách du lịch 3.3.1. Tổ chức chỗ ở cho khách du lịch 3.3.2. Sắp xếp ăn uống	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3
3.4. Tổ chức việc tham quan du lịch 3.4.1. Trước buổi tham quan 3.4.2. Tại buổi tham quan	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3
3.5. Tổ chức tiễn khách du lịch 3.5.1. Chuẩn bị và kiểm tra 3.5.2. Giúp đỡ khách làm thủ tục theo quy định và tạm biệt 3.5.3. Một số chú ý khi tiễn khách	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3
CHƯƠNG 4. NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN THAM QUAN DU LỊCH	7	4		11	22	
4.1. Khái quát về tham quan du lịch 4.1.1. Khái niệm tham quan du lịch 4.1.2. Khái niệm hướng dẫn tham quan du lịch 4.1.3. Các yếu tố cấu thành tham quan du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Quá trình chuẩn bị hướng dẫn tham quan du lịch 4.2.1. Nghiên cứu, tìm hiểu về tuyến, điểm tham quan du lịch						Đọc TLC 1, chương 4
4.2.2. Thu thập tài liệu 4.2.3. Viết bài thuyết minh	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4
4.3. Nội dung công việc hướng dẫn tham quan	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch 4.4.1. Hướng dẫn tham quan tại một điểm 4.4.2. Hướng dẫn tham quan trên ô tô 4.3.3. Hướng dẫn tham quan đi bộ 4.3.4. Hướng dẫn tham quan theo chuyên đề	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3,4
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	26	17	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.42. Quản trị kinh doanh khách sạn

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Hospitality Management**
- Mã học phần: KTDL2520
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học hiểu được các vấn đề cơ bản như: tổng quan về quản trị kinh doanh khách sạn; vận dụng được các nghiệp vụ quản trị nguồn nhân lực, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị chiến lược, quản trị chất lượng vào trong thực tế việc làm.
- Về kỹ năng:
 - + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản về kinh doanh khách sạn, sản phẩm trong kinh doanh khách sạn; chức năng nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực, marketing, kinh doanh lưu trú và kinh doanh ăn uống trong khách sạn. Đồng thời vận dụng lý thuyết vào kiểm soát và kiểm tra hoạt động doanh thu, chi phí trong khách sạn.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một khách sạn sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc quản trị một khách sạn sao cho hiệu quả và biết ứng xử với các tình huống quản trị trong thực tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh doanh khách sạn; Quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh khách sạn; Quản trị marketing trong kinh doanh khách sạn; Quản trị chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn; Tổ chức kinh doanh lưu trú trong khách sạn; Tổ chức kinh doanh ăn uống trong khách sạn; Kiểm soát hoạt động và kiểm tra kết quả kinh doanh của khách sạn.

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), *Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn*, NXB Lao động-Xã hội.

3. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2011), *Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Hồng Chương, Nguyễn Văn Mạnh (2009), *Giáo trình Quản trị Kinh doanh lưu hành*, Đại học Kinh tế quốc dân, NXB ĐHQG Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Bá Lâm (2009), *Giáo trình Quản lý kinh doanh khách sạn*, Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội

3. Nguyễn Quyết Thắng (2014), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn : từ lý thuyết đến thực tiễn*, NXB Tài chính.

4. Nguyễn Hữu Thắng (2015), *Giáo trình quản trị kinh doanh nhà hàng*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH KHÁCH SẠN	6			6	12	
1.1 Khái niệm và vai trò của	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kinh doanh khách sạn 1.1.1 Các khái niệm cơ bản 1.1.2 Vai trò của kinh doanh khách sạn						chương 1,2 Đọc TLC 3, chương 1
1.2 Sản phẩm trong kinh doanh khách sạn 1.2.1 Khái niệm 1.2.2 Phân loại sản phẩm trong kinh doanh khách sạn 1.2.3 Đặc điểm sản phẩm trong kinh doanh khách sạn	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 1,2 Đọc TLC 2, chương 1
1.3 Đặc điểm trong kinh doanh khách sạn	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3
1.4 Đặc điểm cơ sở vật chất trong kinh doanh khách sạn 1.4.1 Khái niệm 1.4.2 Các khu vực chính của khách sạn 1.4.3 Một số hệ thống kỹ thuật cơ bản trong khách sạn	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 1,2 Đọc TLC 2, chương 1
1.5 Tổ chức bộ máy quản trị trong khách sạn 1.5.1 Khái niệm 1.5.2 Cơ sở khoa học chủ yếu để thiết lập bộ máy của khách sạn 1.5.3 Một số mô hình cơ cấu tổ chức của khách sạn	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 1,2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.6 Khái quát về lịch sử và xu hướng phát triển của kinh doanh khách sạn <i>1.6.1 Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của kinh doanh khách sạn thế giới</i> <i>1.6.2 Lịch sử phát triển ngành du lịch và khách sạn Việt Nam</i> <i>1.6.3 Các xu hướng cơ bản trong phát triển hoạt động kinh doanh khách sạn trên thế giới</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 1,2
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	5	2		7	14	
2.1 Khái niệm vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh khách sạn <i>2.1.1 Khái niệm</i> <i>2.1.2 Vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh khách sạn</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 4,5
2.2 Cơ cấu tổ chức bộ phận quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn <i>2.2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy</i> <i>2.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn</i>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4,5
2.3 Nội dung quản trị nguồn nhân lực của khách sạn	2,5	1		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 4,5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.1 Phân tích công việc 2.3.2 Mô tả công việc 2.3.3 Tiêu chuẩn hóa định mức lao động 2.3.4 Chiêu mộ và tuyển chọn 2.3.5 Bố nhiệm và giao việc 2.3.6 Đánh giá thực hiện 2.3.7 Đào tạo nghề nghiệp 2.3.8 Quản lý thu nhập của người lao động						
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ MARKETING TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	4	2		6	12	
3.1 Khái niệm và vai trò của quản trị trong kinh doanh khách sạn 3.1.1 Khái niệm 3.1.2 Vai trò của quản trị trong kinh doanh khách sạn	2,0			2,0	4	Đọc TLC 1, chương 8
3.2 Cơ cấu tổ chức bộ phận marketing trong kinh doanh khách sạn 3.2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy 3.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận marketing trong khách sạn 3.3 Nội dung quản trị marketing trong kinh doanh khách sạn 3.3.1 Nghiên cứu và xác định thị	2,0	2,0		4,0	8	Đọc TLC 1, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trường mục 3.3.2 Xây dựng chiến lược marketing trong kinh doanh khách sạn						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	5,0	1,0		6,0	12	
4.1 Khái niệm và vai trò của chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn 4.1.1 khái niệm 4.1.2 Vai trò chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 9
4.2 Đặc điểm của chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn 4.2.1 Chất lượng trong kinh doanh khách sạn khó đo lường và đánh giá 4.2.2 Chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn chỉ được đánh giá chính xác qua sự cảm nhận của người tiêu dùng trực tiếp sản phẩm khách sạn 4.2.3 Chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn phụ thuộc vào quá trình cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp khách sạn	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.4 <i>Chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn đòi hỏi tính nhất quán cao</i>						
4.3 <i>Đánh giá chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn</i>	1,0	1,0		2,0	4,0	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 3
4.4 <i>Quản lý chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn</i> 4.4.1 <i>Hiểu biết nhu cầu mong đợi của khách hàng</i> 4.4.2 <i>Thiết lập tiêu chuẩn dịch vụ</i> 4.4.3 <i>Nâng cao chất lượng đội ngũ lao động</i> 4.4.4 <i>Kiểm tra điều đặn thường xuyên quá trình cung cấp dịch vụ</i> 4.4.5 <i>Giải quyết phàn nàn của khách</i>	2,0			2,0	4,0	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 3
CHƯƠNG 5. TỔ CHỨC KINH DOANH LƯU TRÚ TRONG KHÁCH SẠN	3,0	1,0		4,0	8,0	
5.1 <i>Khái niệm và vai trò của kinh doanh lưu trú trong khách sạn</i> 5.1.1 <i>Khái niệm</i> 5.1.2 <i>Vai trò của kinh doanh lưu trú trong khách sạn</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 6
5.2 <i>Tổ chức của bộ phận kinh</i>	2,0	1,0		3,0	6	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
doanh lưu trú trong khách sạn 5.2.1 Mô hình tổ chức của bộ phận kinh doanh lưu trú trong khách sạn 5.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận kinh doanh lưu trú trong khách sạn 5.3 Nội dung kinh doanh lưu trú trong kinh doanh khách sạn 5.3.1 Tổ chức hoạt động của bộ phận lễ tân trong khách sạn 5.3.2 Tổ chức hoạt động của bộ phận buồng ngủ trong khách sạn						chương 6
CHƯƠNG 6. TỔ CHỨC KINH DOANH ĂN UỐNG TRONG KHÁCH SẠN	5,0	2,0		7,0	14	
6.1 Khái niệm và đặc điểm và điều kiện của kinh doanh ăn uống trong khách sạn 6.1.1 Khái niệm 6.1.2 Đặc điểm của kinh doanh doanh ăn uống trong khách sạn 6.1.3 Điều kiện kinh doanh ăn uống trong khách sạn	1,5			1,5	3,0	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 4
6.2 Tổ chức của bộ phận kinh doanh ăn uống trong khách sạn 6.2.1 Mô hình tổ chức của bộ phận kinh doanh ăn uống trong khách sạn	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận kinh doanh ăn uống trong khách sạn						
6.3 Quy trình tổ chức kinh doanh ăn uống trong khách sạn 6.3.1 Xây dựng kế hoạch thực đơn 6.3.2 Tổ chức mua 6.3.3 Tổ chức nhập 6.3.4 Tổ chức lưu trữ và bảo quản trong kho 6.3.5 Tổ chức chế biến thức ăn 6.3.6 Tổ chức phục vụ trực tiếp khách sạn	2,5	2,0		4,5	9,0	Đọc TLC 1, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 7. KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG VÀ KIỂM TRA KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA KHÁCH SẠN	5,0	2,0		7	14	
7.1 Kiểm soát hoạt động trong khách sạn	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 10
7.2 Kiểm tra kết quả nguồn thu và chi phí khách sạn	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc TLC 1, chương 10
7.3 Quản trị tối ưu doanh thu khách sạn	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc TLC 1, chương 10
7.4 Phân tích kết quả kinh doanh của khách sạn	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc TLC 1, chương 10

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.5 Phân tích tài chính của khách sạn	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc TLC 1, chương 10
Cộng	33	10	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.43. Du lịch sinh thái

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Du lịch sinh thái**
 - Tiếng Anh: **Ecotourism**
- Mã học phần: KTDL2519
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sau khi nghiên cứu học phần Du lịch sinh thái, người học trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đặc trưng, các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của du lịch sinh thái, phát triển du lịch sinh thái bền vững, tài nguyên du lịch sinh thái, xây dựng quy hoạch du lịch sinh thái, một số phương pháp trong lập kế hoạch và phát triển du lịch sinh thái, đồng thời biết vận dụng để quản lý các dự án du lịch sinh thái tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia của Việt Nam.

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Vận dụng để quy hoạch và thiết kế, một số phương pháp lập kế hoạch quản lý phát triển du lịch sinh thái tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia,...

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp*: Áp dụng các lý thuyết đã được học để xây dựng các mô hình du lịch sinh thái cho phù hợp với đặc điểm của từng vùng của Việt Nam.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác trong vấn đề quản lý nhà nước về du lịch.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân

Phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý phát triển du lịch sinh thái từ đó đưa ra những đề xuất giúp cho việc xây dựng mô hình du lịch sinh thái phù hợp với đặc điểm của từng khu vực.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của quy hoạch, kế hoạch quản lý phát triển du lịch sinh thái.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần du lịch sinh thái truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng xây dựng quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái. Hoạt động du lịch sinh thái và những vấn đề liên quan. Cuối cùng là những nội dung liên quan đến phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Huy Bá (2006), *Du lịch sinh thái*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), *Giáo trình Kinh tế du lịch*, NXB Lao động xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Chế Đình Lý (2006), *Giáo trình môn học Du lịch sinh thái*, Viện Môi trường và Tài nguyên- ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

2. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

3. IUCN Việt Nam, NEA (2000), *Du lịch sinh thái. Hướng dẫn cho các nhà lập kế hoạch và quản lý* (Bản dịch tiếng Việt. Tập 1, 2)..

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác	☐
	☐		☒	☐	☐		

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH SINH THÁI	5	1		6	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về du lịch sinh thái <i>1.1.1. Khái niệm về du lịch sinh thái</i> <i>1.1.2. Phân loại du lịch sinh thái</i> <i>1.1.3. Các đặc trưng cơ bản của du lịch sinh thái</i> <i>1.1.4. Các nguyên tắc cơ bản của du lịch sinh thái</i> <i>1.1.5. Những yêu cầu cơ bản để phát triển du lịch sinh thái</i>	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 2
1.3. Quan hệ giữ du lịch sinh thái và phát triển <i>1.2.1. Quan hệ giữa du lịch sinh thái và đa dạng sinh học</i> <i>1.2.2. Quan hệ giữa du lịch sinh thái và phát triển cộng đồng</i> <i>1.2.3. Quan hệ giữa du lịch sinh thái và phát triển bền vững</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 2
1.4. Phát triển du lịch sinh thái bền vững	1			1	2	
CHƯƠNG 2. TÀI NGUYÊN DU LỊCH SINH THÁI	5	1		6	12	
2.1. Khái niệm về tài nguyên DLST <i>2.1.1. Lịch sử ra đời và phát triển của ngành du lịch</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, phần 2 Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.2. Công tác quản lý nhà nước về du lịch từ khi thành lập đến nay						
2.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch sinh thái cơ bản	1			1	2	
2.3. Chất lượng tài nguyên du lịch sinh thái 2.3.1. Quy mô của tài nguyên du lịch sinh thái 2.3.2. Độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch sinh thái 2.3.2. Độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch sinh thái 2.3.4. Các tiêu chí khác phản ánh chất lượng của tài nguyên du lịch sinh thái	2	1		3	6	Đọc TLC 1, phần 2 Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG QUY HOẠCH DU LỊCH SINH THÁI	10	3		13	26	
3.1. Giới thiệu chung về quy hoạch du lịch sinh thái 3.1.1. Định nghĩa quy hoạch du lịch sinh thái 3.1.2. Mục đích của việc quy hoạch du lịch sinh thái	1			1	2	Đọc TLC 1, phần 2
3.2. Những đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch sinh thái 3.2.1. Tính giao thoa hóa hợp nhưng độc lập tương đối 3.2.2. Khả năng tải của điểm du lịch	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.Các yêu cầu cần thiết lựa chọn khu vực để phát triển du lịch sinh thái	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 2
3.4.Các nguyên tắc của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái 3.4.1. Yếu tố sinh thái môi trường đặc thù 3.4.2. Yếu tố mỹ thuật sinh thái 3.4.3. Yếu tố kinh tế 3.4.4. Yếu tố xã hội	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 2
3.5. Các bước cơ bản của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái 3.5.1. Quy trình quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái 3.5.2. Những điều lưu ý khi tiến hành quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
3.6. Sản phẩm của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái 3.6.1. Quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái cho Vườn quốc gia Cát Bà 3.6.2. Quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái Cần Giờ	2	1		3	6	Đọc TLC 1, phần 2
Kiểm tra hệ số 2			1	1	2	
CHƯƠNG 4: HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN	8	4		12	24	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
QUAN						
4.1. Những tác động lên môi trường của hoạt động du lịch sinh thái <i>4.1.1. Tác động đến tài nguyên thiên nhiên</i> <i>4.1.2. Tác động đến tài nguyên sinh vật và môi trường ở các khu du lịch sinh thái</i> <i>4.1.3. Tác động đến các mặt của đời sống xã hội</i>	2	2		4	8	
4.2. Sự cố và hiểm họa du lịch sinh thái	2			2	4	
4.3. Đánh giá tác động môi trường một khu hay một tour du lịch sinh thái <i>4.3.1. Định nghĩa đánh giá tác động môi trường</i> <i>4.3.2. Mục đích của đánh giá tác động môi trường du lịch sinh thái</i> <i>4.3.2. Lợi ích của đánh giá tác động môi trường du lịch sinh thái</i> <i>4.3.4. Các bước tiến hành đánh giá tác động môi trường du lịch sinh thái</i> <i>4.3.5. Những nguyên tắc chính trong đánh giá tác động môi trường du lịch sinh thái</i> <i>4.3.6. Những điểm cần cho</i>	4	2		6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>đánh giá tác động du lịch sinh thái thành công</i>						
CHƯƠNG 5: PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI Ở VIỆT NAM	5	1		6	12	
5.1. Những điều kiện để phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam	1			1	2	
5.2. Một số điểm du lịch sinh thái điển hình ở Việt Nam	2			2	4	
5.3. Tiềm năng và thực trạng du lịch sinh thái của các khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam	1	1		2	4	
5.4. Tiềm năng và thực trạng du lịch sinh thái biển - đảo Việt Nam	1			1	2	
Kiểm tra hệ số 2			1	1	2	
Cộng	33	10	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.44. Du lịch văn hóa Việt Nam

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Du lịch văn hóa Việt Nam**
 - Tiếng Anh: **Vietnam cultural tourism**
- Mã học phần: KTDL2621
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam, cơ sở văn hóa Việt Nam, các loại hình du lịch văn hóa Việt Nam, vận dụng các kỹ năng nghiệp vụ của du lịch văn hóa Việt Nam vào định hướng phát triển du lịch văn hóa Việt Nam.

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của du lịch văn hóa Việt Nam.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng hệ thống kiến thức của du lịch văn hóa Việt Nam để nâng cao hiểu biết về các loại hình du lịch văn hóa tại Việt Nam, từ đó cung cấp các kỹ năng nghiệp vụ du lịch văn hóa Việt Nam và định hướng phát triển du lịch văn hóa Việt Nam.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể ghi nhớ được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của du lịch văn hóa Việt Nam để nâng cao hiểu biết về các loại hình du lịch văn hóa tại Việt Nam.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam, cơ sở văn hóa Việt Nam, các loại hình du lịch văn hóa Việt Nam, các kỹ năng nghiệp vụ của du lịch văn hóa Việt Nam và định hướng phát triển du lịch văn hóa Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Thúy Anh (2011), *Giáo trình Du lịch văn hóa - Những vấn đề lý luận và nghiệp vụ*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Trần Quốc Vượng (2017), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

3. PGS.TS. Hoàng Văn Thành (2014), *Giáo trình văn hóa du lịch*, NXB Chính trị quốc gia – Sự Thật.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Ngọc Thêm, 2001, *Tìm về bản sắc Văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Tp. HCM.

2. Trần Diễm Thúy (2008), *Văn hóa du lịch*, NXB Văn hóa thông tin Hà Nội.

3. Phạm Trung Lương (chủ biên) (2000), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐

Phân tích, xử lý số liệu ☐ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH VĂN HÓA VIỆT NAM	4			4	8	Đọc TLC 1 từ trang 01 – 21 Đọc TLC 2 từ trang 09 – 222 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Văn hóa và du lịch văn hóa Việt Nam	2			2	4	
<i>1.1.1. Văn hóa</i>						
<i>1.1.1.1 Định nghĩa văn hóa</i>						
<i>1.1.1.2 Đặc trưng và chức năng văn hóa</i>						
<i>1.1.1.3 Định vị văn hóa Việt Nam</i>						
<i>1.1.2. Du lịch văn hóa Việt Nam</i>						
<i>1.1.2.1 Khái niệm du lịch văn</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hóa Việt Nam</i> <i>1.1.2.2 Tài nguyên du lịch văn hóa Việt Nam</i> <i>1.1.3. Sản phẩm du lịch văn hóa Việt Nam</i>						
1.2. Đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của du lịch văn hóa Việt Nam <i>1.2.1. Đối tượng của du lịch văn hóa Việt Nam</i> <i>1.2.2. Mục tiêu của du lịch văn hóa Việt Nam</i> <i>1.2.3. Nhiệm vụ của du lịch văn hóa Việt Nam</i>	2			2	4	
Chương 2. CÁC YẾU TỐ CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM	10	5		15	30	
2.1. Văn hóa nhận thức <i>2.1.1. Tư tưởng xuất phát về bản chất của vũ trụ: triết lý âm dương</i> <i>2.1.2. Cấu trúc không gian của vũ trụ: mô hình tam tài - ngũ hành</i> <i>2.1.3. Triết lý về cấu trúc thời gian của vũ trụ: lịch âm dương và hệ can chi</i> <i>2.1.4. Nhận thức về con người</i>	2	1		3	6	
2.2. Văn hóa tổ chức đời sống tập thể <i>2.2.1. Tổ chức nông thôn</i> <i>2.2.2. Tổ chức quốc gia</i> <i>2.2.3. Tổ chức đô thị</i>	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân 2.3.1. Tín ngưỡng 2.3.2. Phong tục 2.3.3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ 2.3.4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối	2	1		3	6	
2.4. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên 2.4.1. Tận dụng môi trường tự nhiên 2.4.2. Ứng phó với môi trường tự nhiên	2	1		3	6	
2.5 Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội 2.5.1 Giao lưu với văn hóa Ấn Độ 2.5.2 Phật giáo 2.5.3. Nho giáo 2.5.4. Đạo giáo 2.5.5. Văn hóa phương Tây 2.5.6. Tính dung hợp về văn hóa	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. CÁC KỸ NĂNG NGHIỆP VỤ DU LỊCH VĂN HÓA VIỆT NAM	3	2		5	10	Đọc TLC 1 từ trang 38 – 161 Chuẩn bị bài, tự học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1. Kỹ năng nhận diện và khai thác giá trị văn hóa <i>3.1.1. Nhận diện và khai thác giá trị văn hóa vật thể</i> <i>3.1.2. Nhận diện và khai thác giá trị văn hóa phi vật thể</i>	1			1	2	và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Xây dựng, xúc tiến và quảng bá chương trình du lịch văn hóa Việt Nam	1	1		2	4	
3.3 Tổ chức và hướng dẫn du lịch văn hóa Việt Nam	1	1		2	4	
Chương 4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA VIỆT NAM	3	1		4	8	Đọc TLC1 từ trang 177 – 192
4.1. Hàng số văn hóa Việt Nam và ảnh hưởng tới du lịch văn hóa Việt Nam	1			1	2	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.2. Thực trạng phát triển du lịch văn hóa Việt Nam	1	1		2	4	
4.3. Định hướng phát triển du lịch văn hóa Việt Nam bền vững	1			1	2	
<i>Kiểm tra</i>			1	1	2	
Cộng	20	08	02	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

4.5.45. Thực tập khách sạn

4TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực tập khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Practice hospitality**
- Mã học phần: KTDL2722
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch, Quản trị doanh nghiệp du lịch.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động kiến tập môn học: 5,5 tuần (28 ngày)
- Thời gian tự học: 56 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: biết được mô hình cơ cấu tổ chức và đánh giá được quy trình hoạt động của các đơn vị kinh doanh hoạt động lưu trú, khách sạn.
- *Về kỹ năng*:
 - + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị tại các đơn vị kinh doanh hoạt động lưu trú, khách sạn.
 - + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
 - + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động quản trị tại đơn vị kinh doanh hoạt động lưu trú, khách sạn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thực tập đã ngoại yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập.
 - + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
 - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi thực tập

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Lesley Pender, Richard Sharpley (2005), *The management of Tourism*, SAGE Publications

3. Sơn Hồng Đức (2012), *Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng lý luận và thực tiễn*, NXB Phương Đông

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình Quản trị chất lượng du lịch*, Trường đại học Thương Mại.

2. Nguyễn Văn Mạnh (2010), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lễ hành*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Đoàn Mạnh Cường (2011), *Giáo trình tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao Động.

4. Trần Văn Mậu (2010), *Giáo trình Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình thực tập

- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành thực hành tại địa điểm thực tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.

- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%; Bao gồm 01 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☒
Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung	28	56	
Liên hệ và làm quen với đơn vị thực tập là các đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú			Nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo của người hướng dẫn và nội quy kiến tập tại đơn vị
Tìm hiểu hoạt động điều hành tại đơn vị thực tập 1: + Hoạt động Tài chính – kế toán + Hoạt động kỹ thuật + Hoạt động marketing và bán hàng + Hoạt động nhân sự			
Tìm hiểu hoạt động điều hành tại đơn vị thực tập 1: + Nghiệp vụ buồng phòng (house keeping) + Nghiệp vụ lễ tân (front office) + Nghiệp vụ nhà hàng – bếp, bàn, bar			
Viết báo cáo			
Cộng	28	56	

4.5.46. Thực tập lý hành

4TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực tập lý hành**
 - Tiếng Anh: **Practice Travel**
- Mã học phần: KTDL2723
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lý hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch, Quản trị doanh nghiệp du lịch.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động kiến tập môn học: 5,5 tuần (28 ngày)
- Thời gian tự học: 56 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lý hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được mô hình cơ cấu tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lý hành.;
 - + Đánh giá được quy trình hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lý hành.
- Về kỹ năng:
 - + Kỹ năng nghề nghiệp: Sử dụng thành thạo các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh dịch vụ lý hành.;
 - + Kỹ năng tư duy: Các kiến thức đã học trong chuyên ngành, sinh viên có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác lý hành.;

- + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về lữ hành;
- + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ lữ hành trong công tác quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;
- + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về lữ hành trong công tác quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ;
- + Ý thức được tầm quan trọng của các hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành.
- + Đúng đắn, nghiêm túc, yêu thích học phần.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thực tập đã ngoại yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập.
 - + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
 - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi thực tập

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2019), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Giáo trình quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, **NXB Thống kê**.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình Quản trị chất lượng du lịch*, Trường đại học Thương Mại.
2. Nguyễn Văn Mạnh (2010), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Đoàn Mạnh Cường (2011), *Giáo trình tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao Động.
4. Trần Văn Mậu (2010), *Giáo trình Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐

Dạy học theo dự án ☐ Dạy học thực hành ☒ Thu thập số liệu ☒
 Phân tích, xử lý số liệu ☒ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

- Sinh viên tiến hành thực hành tại đơn vị thực tập dựa trên những kiến thức đã được trang bị của học phần.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình thực tập
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành thực hành tại địa điểm thực tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.
- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☒ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung	27	54	
Liên hệ và làm quen với đơn vị thực tập là các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành			

Tìm hiểu hoạt động điều hành tại đơn vị thực tập + Hoạt động Tài chính - kế toán + Hoạt động kỹ thuật + Hoạt động marketing và bán hàng + Hoạt động nhân sự			
- Quan sát, thực tập tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ thông qua các tour du lịch + Nghiệp vụ điều hành + Nghiệp vụ hướng dẫn - Tổng kết thực tập			
Viết báo cáo			
Cộng	28	56	

4.5.47. Thực tập tốt nghiệp

6TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực tập tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Internship**
- Mã học phần: IST204
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 08 tuần (40 ngày)
- Thời gian tự học: 80 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

- + Hiểu và củng cố hóa được kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

- + Tiếp cận và mô tả được công tác Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tại các doanh nghiệp, tổ chức thông qua các kênh tìm kiếm thông tin như internet, thông tin thu thập từ doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước,...

- + Phân tích và đánh giá được tình hình quản lý, quản trị và các nội dung khác trong các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ du lịch và lữ hành;

- + Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế để đưa ra được các quyết định quản trị trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch và lữ hành;

- Về kỹ năng:

- + Sinh viên củng cố kiến thức chuyên ngành thông qua việc tiếp cận, tìm hiểu thực tiễn của ngành và chuyên ngành đào tạo tại doanh nghiệp, tổ chức;

- + Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tại doanh nghiệp, tổ chức thực tập;

- + Phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức thực tập cần nghiên cứu để đề xuất nội dung viết khóa luận tốt nghiệp (đối với những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận).

- + Tìm hiểu yêu cầu và môi trường làm việc trong lĩnh vực thực tập để chủ động thích nghi trong công việc thực tiễn;

- + Rèn luyện kỹ năng giao tiếp với khách hàng, với đồng nghiệp, xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh trong các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức.

- + Củng cố kỹ năng thực hành cũng như phương pháp học tập, nghiên cứu cho sinh viên nhằm mục đích đạt chuẩn chất lượng trong đào tạo và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- + Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, công việc liên quan đến công tác quản trị trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch và lữ hành;

- + Thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức...

- + Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ về quản trị trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch và lữ hành;

+ Biết cách lập kế hoạch thực tập, đánh giá các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình thực tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu về các hoạt động nghiệp vụ và kinh doanh;
- Thực tập các nghiệp vụ tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành

4. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch*, Trường đại học Thương Mại.
2. Ngô Kim Thanh (2011), *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Văn Mạnh (2011), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Vân Điềm (2012), *Giáo trình quản trị nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
5. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Phải có thái độ nghiêm cứu, học tập nghiêm túc;
- Có tinh thần trách nhiệm khi nhận công việc được giao, làm đến nơi đến chốn, chính xác, kịp thời. Đảm bảo nguyên tắc bí mật của số liệu kinh tế tài chính;
- Chủ động chuẩn bị và tích lũy tài liệu, số liệu để viết báo cáo thực tập;
- Giữ mối quan hệ lành mạnh với tất cả cán bộ công nhân viên tại đơn vị thực tập;
- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động và phong trào tại đơn vị thực tập;
- Hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp đúng thời hạn quy định;
- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.
- Tiêu chí đánh giá bài thực tập:

+ Về kết cấu chung: Báo cáo thực tập tốt nghiệp phải đảm bảo hoàn thiện đủ 3 nội dung đã nêu trong nội dung chi tiết học phần. Đảm bảo đủ các yếu tố cấu thành: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;

+ Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;

+ Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp của khoa.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40%

8.2. Điểm đánh giá của Trường: Trọng số 60%

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1: Tổng quan về đặc điểm kinh tế - kĩ thuật và tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập	15	30	
Bài 1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị thực tập	3	6	Nêu các thông tin sơ lược về công ty, cơ sở hình thành và phát triển của công ty, các mốc lịch sử cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển, các thành tựu cơ bản của đơn vị thực tập...
Bài 2. Chức năng nhiệm vụ/ Đặc điểm hoạt động sản xuất - kinh doanh của đơn vị thực tập	3	6	Nêu các thông tin về chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
			phẩm của đơn vị thực tập
Bài 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động, sản xuất - kinh doanh của đơn vị thực tập	5	10	Xác định được mô hình tổ chức bộ máy, vẽ sơ đồ bộ máy và nêu chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận trong đơn vị thực tập
Bài 4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị thực tập/ Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị thực tập	4	8	Thông tin cơ bản về doanh thu, chi phí, tài sản, nguồn vốn, các thông tin về cơ sở vật chất, lao động... của đơn vị thực tập trong ít nhất 03 năm gần năm thực tập nhất, đồng thời cần phân tích sơ lược ý nghĩa của các thông tin đó
Nội dung 2: Tìm hiểu về hoạt động nghiệp vụ của đơn vị thực tập	16	32	
Bài 5. Vấn đề liên quan đến hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập (kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành) + Nghiệp vụ buồng phòng (house keeping) + Nghiệp vụ lễ tân (front office) + Nghiệp vụ nhà hàng - bếp, bàn, bar			Trình bày về thực trạng của các hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập.
Bài 5. Vấn đề liên quan đến hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập (kinh doanh dịch khách sạn) + Nghiệp vụ điều hành + Nghiệp vụ hướng dẫn			Trình bày về thực trạng của các hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập.

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
- Tổng kết thực tập			
Nội dung 3: Đánh giá về tình hình hoạt động, sản xuất, kinh doanh tại đơn vị thực tập	9	18	
Bài 7. Đánh giá chung về các công tác nghiệp vụ và mối quan hệ tại đơn vị thực tập	4	8	Nếu được các ưu điểm và nhược điểm, nguyên nhân của các hoạt động nghiệp vụ của đơn vị thực tập.
Bài 8. Kiến nghị, đề xuất.	5	10	Đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện công tác công tác quản lý các hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập.
Cộng	40	80	

4.5.48. Khóa luận tốt nghiệp

6TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Khóa luận tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Dissertation**
- Mã học phần: DST209
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒	
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học hết các môn trong chương trình đào tạo
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 08 tuần (40 ngày)

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

- Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:
- *Về kiến thức:*
 - + Nhận diện và khái quát hóa được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;
 - + Xây dựng, lập được kế hoạch thu thập và phân tích, xử lý tài liệu, số liệu tại các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ du lịch và lữ hành.
- *Về kỹ năng:*
 - + Có khả năng vận dụng các kiến thức nghề nghiệp, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế về quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn tại doanh nghiệp, tổ chức và tổng hợp viết báo cáo;
 - + Thu thập được các tài liệu, số liệu phục vụ cho quá trình thực tập và viết báo cáo đồ án tốt nghiệp tại địa bàn thực tập, trên mạng internet, ...
 - + Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng giao tiếp cộng đồng, ứng xử giao tiếp trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, tổ chức;
 - + Phân tích, hệ thống hóa dữ liệu, so sánh và lập được các bảng, biểu đồ tổng hợp số liệu đánh giá;
 - + Thực hiện được việc đánh giá tổng hợp về tình hình nghiên cứu cụ thể tại doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, biết liên hệ, cho ý kiến và viết được khóa luận tốt nghiệp.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành nói chung và các chuyên môn như nghiệp vụ về hướng dẫn du lịch, quá trình điều hành và quản lý tour du lịch, thiết kế tour, thiết kế và quản trị sự kiện du lịch, PR và truyền thông cho sự kiện...;
 - + Có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu, tài liệu; thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: tại các doanh nghiệp, tổ chức du lịch và lữ hành, các khách sạn và dịch vụ du lịch...
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;
 - + Có khả năng đưa ra một số kết luận liên quan đến các hoạt động quản lý của doanh nghiệp, tổ chức về dịch vụ du lịch và lữ hành;
 - + Có năng lực lập kế hoạch để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong quá

trình thực tập, thu thập tài liệu, số liệu và quá trình tổng hợp viết khóa luận, thuyết trình bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Tổng quan đề tài nghiên cứu
- Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý luận về lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.
- Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập.
- Những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch*, Trường đại học Thương Mại.
2. Ngô Kim Thanh (2011), *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Văn Mạnh (2011), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Vân Điềm (2012), *Giáo trình quản trị nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
5. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Thống kê.

5. Cách thức triển khai thực hiện khóa luận

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc và có chất lượng chương trình thực tập tốt nghiệp theo quy định của nhà trường, chấp hành đầy đủ các quy định và kỷ luật lao động của cơ sở nơi thực tập.
- Trong quá trình thực tập, sinh viên phải thu thập đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết để viết khóa luận tốt nghiệp.
- Sau khi chọn đề tài các sinh viên viết đề cương chi tiết và liên hệ với các giáo viên hướng dẫn được phân công hướng dẫn để được góp ý, sửa chữa cho đề cương hoàn chỉnh, tạo điều kiện khi viết khóa luận được thuận lợi.
- Trên cơ sở đề cương chi tiết được sửa, sinh viên tiến hành viết và hoàn thiện khóa luận.

- Kết thúc quá trình thực tập, mỗi sinh viên phải hoàn thành một khóa luận tốt nghiệp (có nhận xét của cơ quan thực tập và giáo viên hướng dẫn) nộp cho khoa đúng thời gian quy định....

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

Điểm đánh giá khóa luận theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN, ngày 10 tháng 01 năm 2018 của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành Quy trình bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học, chính quy;

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá khóa luận theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN, ngày 10 tháng 01 năm 2018 của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành Quy trình bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học, chính quy;

9. Nội dung chi tiết học phần

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
Ngày 1÷5	Đăng ký đề tài khóa luận tốt nghiệp	- Sinh viên liên hệ với đơn vị thực tập, giáo viên hướng dẫn được khoa phân công để lựa chọn đề tài viết khóa luận - Gửi bản đăng ký đề tài khóa luận theo lớp và nộp về khoa theo đúng thời gian quy định
Ngày 6÷10	Duyệt đề cương chi tiết của khóa luận tốt nghiệp	Viết đề cương chi tiết theo định hướng của giáo viên hướng dẫn
Ngày 11÷13	Đi thực tế thu thập số liệu	Liên hệ với đơn vị thực tập
Ngày 14÷18	Tổng hợp số liệu và viết tổng quan	
Ngày 19÷28	Xử lý số liệu, viết khóa luận sơ bộ thông qua giáo viên hướng dẫn	
Ngày 29÷31	Báo cáo tiến độ	Khi đã được giáo viên hướng dẫn chỉnh sửa, sinh viên sẽ nộp một bản để báo cáo tiến độ
Ngày 32÷36	Hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp	
Ngày	Nộp khóa luận tốt nghiệp về khoa	Kết thúc thực tập, sinh viên hoàn

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
37÷38		thiện Khóa luận, gửi về Khoa kèm theo xác nhận của cơ sở thực tập và Nhận xét của GVHD đồng ý cho bảo vệ
Ngày 39÷40	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	Chuẩn bị công tác để bảo vệ khóa luận tốt nghiệp

4.5.49. Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam**
 - Tiếng Anh: **Customary festival of Viet nam**
- Mã học phần: CFV102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: sinh viên biết được những phong tục tập quán, lễ hội Việt Nam. Hiểu được những đặc trưng và đặc điểm của phong tục, tín ngưỡng, tập quán, lễ hội truyền thống, những nét đặc sắc của phong tục tập quán lễ hội các vùng miền trên đất nước, đồng thời là sự thể hiện văn hóa trong phong tục, tín ngưỡng, lễ hội Việt Nam. Biết vận dụng kiến thức đã học vào lĩnh vực du lịch văn hóa.

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Sau khi học xong sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản của phong tục tập quán lễ hội Việt nam.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác liên quan đến lĩnh vực văn hóa dân gian sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ làm bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của tài nguyên và hoạt động kinh doanh du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam gồm 4 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: tín ngưỡng các dân tộc Việt Nam, các phong tục tập quán của người Việt, các lễ hội dân gian và bản sắc văn hóa người Việt trong các phong tục lễ hội. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB TP.HCM.
2. Phan Kế Bính (2006), *Việt Nam phong tục*, NXB Văn học
3. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

2. Hội văn nghệ dân gian Việt Nam và trường Đại học Cần thơ (2004), *Tìm hiểu đặc trưng di sản văn hóa văn nghệ dân gian Nam Bộ*, NXB Khoa học xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:
- Hình thức đánh giá:
Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. PHONG TỤC VIỆT NAM	4	2		6	12	
1.1. Khái quát chung về phong tục Việt Nam 1.1.1. Các loại phong tục	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
truyền thống của người Việt 1.1.2. Cưới hỏi 1.1.3. Sinh dưỡng 1.1.4. Tang lễ 1.1.5. Giỗ, tết 1.1.6. Chọn ngày giờ						
1.2.Những phong tục độc đáo ở các địa phương 1.2.1.Phong tục độc đáo ở miền Bắc 1.2.2.Phong tục độc đáo ở miền Trung 1.2.3. Phong tục độc đáo ở miền Nam	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM	6	2		8	16	
2.1. Khái quát chung về tín ngưỡng dân gian Việt nam 2.1.1. Khái niệm tín ngưỡng dân gian Việt nam 2.1.2. Đặc điểm tín ngưỡng dân gian Việt nam	3	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 4
2.2. Các loại tín ngưỡng dân gian truyền thống của Người Việt 2.2.1. Tín ngưỡng phồn thực 2.2.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên	3	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.3. Tín ngưỡng sùng bái con người 2.2.4. Tín ngưỡng sùng bái thần linh						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. LỄ HỘI VIỆT NAM	6	2		8	16	
3.1. Khái quát chung về lễ hội dân gian Việt Nam 3.1.1. Khái niệm về lễ hội dân gian Việt nam 3.1.2. Các đặc trưng của lễ hội Việt Nam.	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2
3.2. Các loại lễ hội dân gian truyền thống của người Việt	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. BẢN SẮC VĂN HÓA NGƯỜI VIỆT TRONG PHONG TỤC TẬP QUÁN LỄ HỘI	6			6	12	
4.1. Mối quan hệ giữa phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	3			3	6	Đọc TLC 3, chương 6
4.2. Bản sắc văn hóa người Việt thể hiện trong phong tục tập quán lễ hội 4.2.1. Các giá trị vật chất 4.2.2. Các giá trị tinh thần	3			3	6	Đọc TLC 3, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.50. Văn hóa các dân tộc Việt Nam

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Văn hóa các dân tộc Việt Nam**
 - Tiếng Anh: **Culture of nations in Vietnam**
- Mã học phần: CNV102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* hiểu được văn hóa đặc trưng của các dân tộc trên mọi miền tổ quốc. Biết vận dụng những kiến thức về văn hóa của các dân tộc Việt Nam trong nghiệp vụ du lịch và lễ hành của mình sau này.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của văn hóa các dân tộc Việt Nam.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các kiến thức đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực du lịch và lễ hành trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần văn hóa các dân tộc Việt Nam bao gồm 6 chương, giới thiệu tổng quan về bức tranh văn hóa của các dân tộc Việt Nam, đi sâu vào từng đặc trưng văn hóa của người Việt – tộc người chủ thể và giới thiệu khái quát về các dân tộc khác theo từng khu vực, kết hợp với ngôn ngữ khác nhau.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa – Thông tin.
2. Trần Quốc Vượng (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục.
3. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Tp. Hồ Chí Minh.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Đức Thanh (2003), *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Thung (2005), *Hỏi đáp về Luật du lịch năm 2005*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

3. Charles R. Goeldner (2009), *Tourism: Principles, practices, philosophies*, John Wiley & Sons, INC.

4. Stephen Wearing, John Neil (1999), *Ecotourism- Impacts, Potentials and Possibilities*, Elsevier Butterworth-Heinemann.

5. *Making tourism more sustainable* (2005), UNEP, UNWTO.

6. *Indicators of sustainable development for tourism destination* (2004), UNWTO.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT – MUỜNG	4	1		5	10	
1.1.Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Việt-Mường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
1.2.Dân tộc Việt-Kinh 1.2.1.Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng 1.2.2.Sinh hoạt kinh tế truyền thống 1.2.3.Văn hóa vật chất 1.2.4. Văn hóa tinh thần	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Các dân tộc Mường, Chứt, Thổ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
CHƯƠNG 2.VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ MÃ LAI - ĐA ĐẢO	4	1		5	10	
2.1.Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Mãlai-Đa đảo	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Dân tộc Chăm 2.2.1. Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng. 2.2.2. Sinh hoạt kinh tế truyền thống 2.2.3. Văn hóa vật chất 2.2.4. Văn hóa tinh thần	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
2.3.Các dân tộc Gia rai, Ê-đê, Chu ru, Raglai	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
CHƯƠNG 3.VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ MÔN - KHƠ ME	3	1		4	8	
3.1. Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
3.2. Dân tộc Khơ me 3.2.1. Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng. 3.2.2. Sinh hoạt kinh tế truyền thống 3.2.3. Văn hóa vật chất 3.2.4. Văn hóa tinh thần	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
3.3. Các dân tộc Môn - Khơ me phía Bắc. Mảng, Kháng, Ô đù, Khơ mú, Xinh mún	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 4. VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ TÀY - THÁI	4	2		6	12	
4.1. Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái 4.1.1. Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng. 4.1.2. Sinh hoạt kinh tế truyền thống 4.1.3. Văn hóa vật chất 4.1.4. Văn hóa tinh thần	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
4.2. Các dân tộc Tày, Nùng, Sán Chay, Giáy, Lào, Lự, Bô y	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 5.VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ MÔNG - DAO	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
5.1. Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
5.2. Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
5.3. Sinh hoạt kinh tế truyền thống	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
5.4. Văn hóa vật chất	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.5. Văn hóa tinh thần	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
CHƯƠNG 6.VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ HỖN HỢP (KA ĐAI)	3	1		4	8	
6.1. Khái quát về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Ka đai	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
6.2. Tộc danh, dân số, địa bàn phân bố, đặc trưng ngôn ngữ, nhân chủng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
6.3. Sinh hoạt kinh tế truyền thống	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
6.4. Văn hóa vật chất	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
6.5. Văn hóa tinh thần	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	21	7	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.51. Lịch sử văn minh thế giới

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lịch sử văn minh thế giới**
 - Tiếng Anh: **History of world civilization**
- Mã học phần: HWC102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghệ ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25tiết
 - Bài tập: 03tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: sinh viên biết những kiến thức cơ bản về các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới. Nhận diện và phân biệt được các nền văn minh với nhau.
- Về kỹ năng:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản về nền văn minh lịch sử của thế giới qua các thời kì.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về sự phát triển văn minh nhân loại (qua những nền văn minh tiêu biểu); về bước chuyển sang nền văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp; những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới với việc giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2006), *Lịch sử thế giới cận đại*, NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Anh Thái (2006), *Lịch sử thế giới hiện đại 1917 - 1995*, NXB Giáo dục.
3. Vũ Dương Ninh (2003), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đặng Đức An (1996), *Một số vấn đề về lịch sử thế giới*, NXB Giáo dục.
2. Doãn Chính (1992), *Đại cương lịch sử triết học Phương Đông cổ đại*, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp.
3. Ngô Minh Oanh (2005), *Tiếp xúc và giao lưu giữa các nền văn minh trong lịch sử nhân loại*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT	4			4	8	
1.1. Định nghĩa văn hóa, văn minh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Các yếu tố của văn minh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.3. Đối tượng nghiên cứu của Lịch sử văn minh thế giới	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.4. Các nền văn minh lớn trên thế giới	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 2. VĂN MINH BẮC PHI VÀ TÂY Á	3			3	6	
2.1. Văn minh Lưỡng hà cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Văn minh Ai cập cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 5
2.3. Văn minh Arập	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 3. VĂN MINH ẤN ĐỘ	2	1		3	6	
3.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Ấn Độ	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 2
3.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Ấn Độ	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 2
CHƯƠNG 4. VĂN MINH TRUNG QUỐC	2	1		3	6	
4.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Trung hoa	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 15
4.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung hoa	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 15
CHƯƠNG 5. VĂN MINH HI LẠP CỔ ĐẠI	2			2	4	
5.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Hi Lạp cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
5.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Hi Lạp cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 6. VĂN MINH LA MÃ CỔ ĐẠI	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.1. Cơ sở hình thành nền văn minh La mã cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 3, chương 5
6.2.Những thành tựu chủ yếu của văn minh La mã cổ đại	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 8
CHƯƠNG 7. VĂN MINH TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI	2	1		3	6	
7.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Tây âu thời trung đại	1				2	Đọc TLC 1, chương 7
7.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Tây âu thời trung đại	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7
CHƯƠNG 8. VĂN MINH CÔNG NGHIỆP	2	1		3	6	
8.1. Điều kiện ra đời của văn minh công nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 17
8.2. Cuộc cách mạng công nghiệp	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 17
CHƯƠNG 9. VĂN MINH THẾ GIỚI THẾ KỈ 20	4			4	8	
9.1. Văn minh thế giới nửa đầu thế kỉ 20	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 17 Đọc TLC 3, chương 8
9.2. Chiến tranh thế giới và sự phá hoại văn minh nhân loại	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 8 Đọc TLC 3, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.3. Văn minh thế giới nửa sau thế kỉ 20	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 3, chương 8
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	23	5	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.52. Lịch sử Việt Nam đại cương

2TC

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Lịch sử Việt Nam đại cương**

Tiếng Anh: **General history of Vietnam**

Mã học phần: GHV102

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 24tiết

Bài tập: 04 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lễ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: sinh viên biết được các kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam từ xưa đến nay. Hiểu và nhận thức được đặc điểm của từng thời kỳ trong lịch sử Việt Nam.

Về kỹ năng:

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam từ xưa đến nay.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các kiến thức đã được học vào thực tế hoạt động du lịch và lễ hành sau này.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần lịch sử Việt Nam đại cương bao gồm 6 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học có được những kiến thức về: Việt Nam thời nguyên thủy, thời kỳ dựng nước và giữ nước thời đại Hùng Vương – An Dương Vương, thời đại Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập (năm 179 trước công nguyên – 938 sau công nguyên), thời đại xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập (938 – 1958), thời kỳ đấu tranh chống thực dân Pháp (1858 – 1945), thời kỳ chiến tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1945 đến nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trương Hữu Quýnh (1997), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục.

2. Đinh Xuân Lâm (2000), *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, NXB Giáo dục.

3. Lê Mậu Hãn (2006), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Bá Đệ (1998), *Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay*, NXB ĐHQG Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp

Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ

Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng g cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. THỜI ĐẠI NGUYÊN THỦY TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	3			3	6	
1.1.Những dấu vết đầu tiên	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.2.Các giai đoạn phát triển của	2			2	4	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
xã hội nguyên thủy ở Việt Nam <i>1.2.1.Sự xuất hiện người khôn ngoan</i> <i>1.2.2.Cư dân Hòa Bình, Bắc Sơn – Chủ nhân nền văn hóa sơ kì thời đại đá mới</i> <i>1.2.3.Cách mạng đá mới và cư dân nông nghiệp trồng lúa</i> <i>1.2.4. Cư dân sơ kì thời đại đồng thau – tiền Đông Sơn</i>						chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2.THỜI KỲ DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC (THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG – AN DƯƠNG VƯƠNG)	4			4	8	
2.1.Thời đại các vua Hùng dựng nước <i>2.1.1.Niên đại và địa bàn cư trú của người Việt cổ thời Hùng Vương</i> <i>2.1.2.Sự chuyển biến về kinh tế - xã hội</i> <i>2.1.3.Sự ra đời của nước Văn Lang</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Nước Âu Lạc thời An Dương Vương <i>2.2.1. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Tần và sự hình thành nhà nước Âu Lạc</i> <i>2.2.2. Tình hình kinh tế - xã hội và nền văn minh Văn Lang – Âu</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lạc 2.2.3. Cuộc xâm lược của nhà Triệu						
CHƯƠNG 3.THỜI ĐẠI BẮC THUỘC VÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP (NĂM 179 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN – 938 SAU CÔNG NGUYÊN)	4	1		5	10	
3.1. Sự thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc 3.1.1.Chính sách đô hộ của các triều đại phương Bắc 3.1.2.Những biến chuyển về kinh tế, xã hội, văn hóa	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3
3.2. Những cuộc đấu tranh độc lập 3.2.1.Phong trào đấu tranh vũ trang giành độc lập của nhân dân 3.2.2. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng nhằm bảo vệ các di sản văn hóa cổ truyền	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3
CHƯƠNG 4. THỜI ĐẠI XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐỘC LẬP (938 – 1958)	4	1		5	10	
4.1.Nước Đại Việt từ thế kỷ X – XIV 4.1.1. Thế kỷ X: bước đầu xây	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>dựng và bảo vệ quốc gia độc lập, thống nhất thời Khúc – Ngô – Đinh – Tiền Lê</i> <i>4.1.2. Đại Việt ở thế kỷ XI – XII – Thời Lý</i> <i>4.1.3. Đại Việt ở thế kỷ XIII – XIV – Thời kỳ Trần – Hồ</i> <i>4.1.4. Tình hình văn hóa – xã hội ở các thế kỷ X – XIV</i>						
<i>4.2. Nước Đại Việt từ năm 1400 – 1527</i> <i>4.2.1. Phong trào kháng chiến chống Minh và khởi nghĩa Lam Sơn</i> <i>4.2.2. Đại Việt ở thế kỷ XV – Thời Lê Sơ</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4
<i>4.3. Nước Đại Việt từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX</i> <i>4.3.1.Đại Việt trong các thế kỷ chia cắt (thế kỷ XVI – giữa XVIII)</i> <i>4.3.2.Tình hình kinh tế, văn hóa ở các thế kỷ XVI – XVIII</i> <i>4.3.3.Giai đoạn khủng hoảng của chế độ phong kiến Đại Việt</i> <i>4.3.4.Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XIX – Thời Nguyễn</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng g cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 5. THỜI KỲ ĐẦU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1858 – 1945)	5	2		7	14	
5.1. Cuộc đầu tranh buổi đầu chống thực dân Pháp <i>5.1.1. Việt Nam đối diện với nguy cơ thực dân Pháp xâm lược. Cuộc kháng chiến bắt đầu</i> <i>5.1.2. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống xâm lược mở rộng ra Bắc Kì và Trung Kì (1873 – 1884)</i> <i>5.1.3. Phong trào đầu tranh của nhân dân Việt Nam chống chiến tranh bình định của thực dân Pháp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
5.2. Phong trào yêu nước và Cách mạng đầu thế kỷ 20 <i>5.2.1. Những biến đổi của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX</i> <i>5.2.2. Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5
5.3. Phong trào Cách mạng Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến năm 1930 <i>5.3.1. Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất</i> <i>5.3.2. Bước phát triển mới của phong trào dân tộc ở Việt Nam</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>sau chiến tranh</i> <i>5.3.3. Phong trào dân tộc ở Việt Nam từ 1925 đến 1930</i>						
5.4. Phong trào cách mạng năm 1930 – 1945 <i>5.4.1.Phong trào cách mạng sau khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời</i> <i>5.4.2. Cuộc vận động dân chủ (1936 – 1939)</i> <i>5.4.3. Cao trào vận động giải phóng dân tộc (1939 – 1945) và cách mạng tháng tám</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5
CHƯƠNG 6. THỜI KỲ CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY	4			4	8	
6.1. Cách mạng Việt Nam 1945 – 1954 <i>6.1.1.Thuận lợi và khó khăn sau cách mạng tháng tám</i> <i>6.1.2. Kháng chiến chống Pháp 1946 – 1954</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) <i>6.2.1. Giai đoạn 1954 – 1960</i> <i>6.2.2. Giai đoạn 1961 – 1965</i> <i>6.2.3. Giai đoạn 1965 – 1968</i> <i>6.2.4. Giai đoạn 1969 – 1972</i> <i>6.2.5. Giai đoạn 1973 – 1975</i> <i>6.2.6. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 1
6.3. Lịch sử Việt Nam từ sau 1975 đến nay <i>6.3.1. Việt Nam trong hơn năm đầu đấu tranh chống Mỹ cứu nước</i> <i>6.3.2. Việt Nam bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh bảo vệ tổ quốc</i> <i>6.3.3. Việt Nam đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.53. Cơ sở văn hóa Việt Nam

2TC

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

* Tiếng Việt: **Cơ sở văn hóa Việt Nam**

* Tiếng Anh: **Introduction to Vietnam Culture**

- Mã học phần: VNC102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - *Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - *Bài tập: 0 tiết
 - *Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - *Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được những tri thức cơ bản của một nền văn hóa; Phân tích được các đặc trưng cơ bản và các quy luật hình thành, phát triển của văn hóa Việt Nam;

- *Về kỹ năng:* Vận dụng và phát triển được kiến thức về văn hóa Việt Nam để tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch lữ hành;

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm::*

NL1: Có năng lực nhận diện được các hiện tượng văn hóa, phát triển nhận thức và hành động ứng xử có văn hóa trong học tập và cuộc sống; góp phần nâng cao tinh thần, trách nhiệm trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Trần Ngọc Thêm (2011), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh
2. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin
3. Trần Quốc Vượng (2017), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. DẪN NHẬP VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM	3		1	4	8	Đọc TLC từ trang 09 – 49
1.1. Văn hóa và văn hóa học <i>1.1.1. Định nghĩa văn hóa</i> <i>1.1.2. Đặc trưng và chức năng của văn hóa</i> <i>1.1.3. Văn hóa với văn minh, văn hiến, văn vật</i> <i>1.1.4. Cấu trúc của hệ thống văn hóa</i> <i>1.1.5. Cơ sở văn hóa và các bộ môn văn hóa học</i>	1			1	2	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.2. Định vị văn hóa Việt Nam <i>1.2.1. Loại hình văn hóa gốc nông nghiệp</i> <i>1.2.2. Chủ thể và thời gian văn hóa Việt Nam</i> <i>1.2.3. Hoàn cảnh địa lý, không gian văn hóa và các vùng văn hóa Việt Nam</i> <i>1.2.4. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội của văn hóa Việt Nam</i>	1			1	2	
1.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam <i>1.3.1. Lớp văn hóa bản địa</i> <i>1.3.2. Lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực</i> <i>1.3.3. Lớp văn hóa giao lưu với văn hóa phương Tây</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. VĂN HÓA NHẬN THỨC	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 50 –87 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Tư tưởng xuất phát về bản chất của vũ trụ: triết lý âm dương <i>2.1.1. Triết lý âm dương: bản chất và khái niệm</i> <i>2.1.2. Hai quy luật của triết lý âm dương</i> <i>2.1.3. Triết lý âm dương và tính cách người Việt</i> <i>2.1.4. Hai hướng phát triển của triết lý âm dương</i>	1		1	2	4	
2.2. Cấu trúc không gian của vũ trụ: mô hình tam tài - ngũ hành <i>2.2.1. Tam tài</i> <i>2.2.2. Những đặc trưng khái quát của ngũ hành</i> <i>2.2.3. Hà Đồ - cơ sở của ngũ hành</i> <i>2.2.4. Ngũ hành theo Hà Đồ</i> <i>2.2.5. Ứng dụng của ngũ hành</i>	2			1	6	
2.3. Triết lý về cấu trúc thời gian của vũ trụ: lịch âm dương và hệ can chi <i>2.3.1. Lịch và lịch âm dương</i> <i>2.3.2. Hệ đếm can chi</i>	1			1	2	
2.4. Nhận thức về con người <i>2.4.1. Nhận thức về con người tự nhiên</i> <i>2.4.2. Cách nhìn cổ truyền về</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
con người xã hội						
Chương 3. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG TẬP THỂ	4		2	6	12	Đọc TLC từ trang 88 – 125 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Tổ chức nông thôn 3.1.1. Tổ chức nông thôn theo huyết thống: gia đình và gia tộc 3.1.2. Tổ chức nông thôn theo địa bàn cư trú: xóm và làng 3.1.3. Tổ chức nông thôn theo nghề nghiệp và sở thích: phường, hội 3.1.4. Tổ chức nông thôn theo truyền thống nam giới: giáp đình và gia tộc 3.1.5. Tổ chức nông thôn theo đơn vị hành chính: thôn và xã 3.1.6. Tính cộng đồng và tính tự trị - hai đặc trưng cơ bản của nông thôn Việt Nam 3.1.7. Làng Nam Bộ	1		1	2	4	
3.2. Tổ chức quốc gia 3.2.1. Từ làng đến nước và việc quản lý xã hội 3.2.2. Nước với truyền thống dân chủ của văn hóa nông nghiệp	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3 Tổ chức đô thị 3.3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia 3.3.2. Đô thị trong quan hệ với nông thôn 3.3.4. Quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống	1		1	2	4	Độc TLC từ trang 126 – 185 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 4. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG CÁ NHÂN	3		2	5	10	
4.1. Tín ngưỡng 4.1.1. Tín ngưỡng phồn thực 4.1.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên 4.1.3. Tín ngưỡng sùng bái con người	1		1	2	4	
4.2. Phong tục 4.2.1. Phong tục hôn nhân 4.2.2. Phong tục tang ma 4.2.3. Phong tục lễ tết và lễ hội	1		1	2	4	
4.3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ 4.3.1. Các đặc trưng giao tiếp cơ bản của người Việt 4.3.2. Các đặc trưng cơ bản của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối <i>4.4.1. Tính biểu trưng của nghệ thuật thanh sắc và hình khối</i> <i>4.4.2. Tính biểu cảm của nghệ thuật thanh sắc và hình khối</i> <i>4.4.3. Tính tổng hợp của nghệ thuật thanh sắc và hình khối</i>	0.5			0.5	1	Đọc TLC từ trang 186 –225 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 5. VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN	3		1	4	8	
5.1. Tận dụng môi trường tự nhiên: ăn <i>5.1.1. Quan niệm về ăn và dấu ấn nông nghiệp trong bữa ăn</i> <i>5.1.2. Tính tổng hợp trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt</i> <i>5.1.3. Tính cộng đồng và tính mực thước trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt</i> <i>5.1.4. Tính biến chứng và linh hoạt trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt</i>	1		0.5	1.5	3	
5.2. Ứng phó với môi trường tự nhiên: Mặc <i>5.2.1. Quan niệm về mặc và dấu ấn nông nghiệp trong chất liệu may mặc của người Việt</i> <i>5.2.2. Trang phục qua các thời đại và tính linh hoạt trong cách mặc</i>	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3. Ứng phó với môi trường tự nhiên: ở và đi lại 5.3.1. Ứng phó với khoảng cách: Giao thông 5.3.2. Ứng phó với thời tiết, khí hậu: nhà cửa, kiến trúc	1			1	2	Độc TLC từ trang 226 – 313 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 6. VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI	3		1	4	8	
6.1. Giao lưu với Ấn Độ: văn hóa Chăm 6.1.1. Bàlamôn giáo và ba nguồn gốc của văn hóa Chăm 6.1.2. Những đặc điểm của kiến trúc Chăm 6.1.3. Những đặc điểm của điêu khắc Chăm 6.1.4. Sức mạnh bản địa hóa ảnh hưởng Bàlanôm giáo	0.5			0.5	1	
6.2. Phật giáo và văn hóa Việt Nam 6.2.1. Sự hình thành và nội dung cơ bản của Phật Giáo 6.2.2. Quá trình thâm nhập và phát triển của Phật giáo Việt Nam 6.2.3. Những đặc điểm của Phật Giáo Việt Nam	0.5		0.5	1	2	
6.3. Nho giáo và văn hóa Việt Nam 6.3.1. Sự hình thành của Nho	0.5		0.5	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
giáo 6.3.2. Nội dung cơ bản và sự phát triển của Nho giáo 6.3.3. Quá trình thâm nhập, phát triển và những đặc điểm của Nho giáo						
6.4. Đạo giáo và văn hóa Việt Nam 6.4.1. Từ Đạo gia đến đạo giáo 6.4.2. Sự thâm nhập và phát triển của Đạo giáo ở Việt Nam	0.5			0.5	1	
6.5. Phương tây với văn hóa Việt Nam 6.5.1. Ki –tô giáo với văn hóa Việt Nam 6.5.2. Văn hóa phương Tây và văn hóa Việt Nam	0.5			0.5	1	
6.6. Văn hóa ứng phó với môi trường xã hội: tính dung hợp 6.6.1. Văn hóa ứng phó với môi trường xã hội, quân sự, ngoại giao 6.6.2. Dung hợp và dung hợp văn hóa khu vực: Tam giáo 6.6.3. Dung hợp văn hóa Đông Tây: Từ lăng Khải Định đến đạo Cao Đài 6.6.4. Tích hợp văn hóa Đông – Tây với lý tưởng Cộng sản: Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.	0.5			0.5	1	
Kiểm tra			01	01	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Cộng	21		09	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.54. Tin học ứng dụng

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tin học ứng dụng**
 - Tiếng Anh: **Applied Informatics**
- Mã học phần: API202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 13 tiết
 - Bài tập, thực hành: 15tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm:
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

+ *Về kiến thức*: Sau khi nghiên cứu học phần tin học ứng dụng, người học phải trình bày được những kiến thức ứng dụng phần mềm Excel cơ bản trong tổng hợp, xử lý và phân tích các số liệu điều tra.

+ *Về kỹ năng*

– Kỹ năng nhận thức: sử dụng thành thạo các lệnh cơ bản trong Excel như cách nhập, xóa, sửa số liệu, sắp xếp, phân tổ, phân tích số liệu, vào các công thức, hàm trong Excel và giải mô hình toán trên máy tính.

– Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng các tiện ích của phần mềm Excel để phân tích các số liệu thống kê và làm các công việc trong công tác quản lý du lịch.

– Kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác: thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

– Kỹ năng tư duy: rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.

+ *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến

thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo việc sử dụng công nghệ trong công việc, mở rộng quy mô doanh nghiệp, có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức liên quan đến công nghệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Tin học ứng dụng giới thiệu những vấn đề cơ bản về ứng dụng phần mềm Excel trong công tác tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu điều tra. Và một số hàm tài chính được ứng dụng để tính khấu hao tài sản cố định, phân tích hiệu quả của vốn đầu tư và đầu tư chứng khoán.

Nội dung kiến thức của học phần được phân bổ thành 5 chương:

Chương 1. Mở đầu: Giới thiệu mục đích, ý nghĩa, khả năng đáp ứng của Tin học đối với ngành du lịch, cũng như đối tượng và nhu cầu sử dụng tin học ứng dụng trong ngành.

Chương 2. Chương trình Excel ứng dụng trong chuyên ngành: giới thiệu chung về chương trình Excel, một số lệnh cơ bản trong Excel như cách nhập, xóa, sửa số liệu, các lệnh sắp xếp, phân tổ, phân tích tài liệu, cách vào các công thức và hàm trong Excel ứng dụng trong quản lý nói chung và ngành du lịch nói riêng.

Chương 3. Quản lý tài chính: các hàm sử dụng trong tính khấu hao tài sản cố định, phân tích hiệu quả đầu tư và đầu tư chứng khoán.

Chương 4. Các phương pháp dự báo- lập kế hoạch kinh doanh và bảo toán điểm hòa vốn: giới thiệu những kiến thức về phân tích tương quan, hồi qui, phương sai và các phân tích khác trên Excel cũng như bài toán điểm hòa vốn trong quản lý.

Chương 5. Phân tích rủi ro trong kinh doanh bằng Crystal ball: giới thiệu các kiến thức về crystal Ball và ứng dụng trong quản lý.

Chương 6. Giải bài toán quy hoạch tuyến tính: Giới thiệu về bài toán tối ưu và giải bằng Solver.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Ngô Thị Thuận (2010), *Giáo trình tin học ứng dụng*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

2 PGS.TS Hàn Viết Thuận (2009), *Giáo trình tin học ứng dụng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Trần Công Nghiệp (2011), *Giáo trình tin học ứng dụng*, Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, *Bài giảng Tin học ứng dụng*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2 Phan Hiếu Hiền (2001), *Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu*, Nhà xuất bản nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

3Website: Hossein Arsham, *Statistical Data Analysis, Prove it with Data*, <http://ubmail.ubalt.edu/harsham/stat-data/ope330.htm>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. MỞ ĐẦU	2				2	5	
1.1 Mục đích, ý nghĩa của tin học chuyên ngành 1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về tin học 1.1.2 Ý nghĩa của tin học chuyên ngành	0,75				0,75		Đọc TLC 1 chương 1
1.2 Khả năng ứng dụng của tin học chuyên ngành 1.2.1 Nhu cầu ứng dụng tin học chuyên ngành 1.2.2 Các chương trình ứng dụng	0,75				0,75		Đọc TLC 1 chương 1
1.3 Đối tượng và phạm vi của tin học chuyên ngành 1.3.1 Đối tượng 1.3.2 Phạm vi ứng dụng	0,5				0,5		Đọc TLC 1 chương 1
Chương 2. CHƯƠNG TRÌNH	2			2	4,0	15	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
EXCEL ỨNG DỤNG TRONG CHUYÊN NGÀNH							
2.1 Giới thiệu chung về chương trình Excel 2.1.1 Cấu tạo 2.1.2 Tác dụng	0,25				0,25		Đọc TLC 1 chương 1 Đọc TLC 2 chương 2
2.2 Cách nhập, xoá, sửa số liệu 2. 2.1 Cách nhập thông tin 2.2.2 Cách xoá và sửa chữa	0,5				1,0		Đọc TLC 1 chương 2 Đọc TLĐT 1 chương 2
2.3 Sử dụng các lệnh trong Excel 2.3.1 Các lệnh sắp xếp tài liệu 2.3.2 Các lệnh phân tổ tài liệu 2.3.3 Các lệnh phân tích tài liệu	0,5			0,5	1,0		Đọc TLC 1 chương 2 Đọc TLĐT 1 chương 2
2.4 Cách vào các công thức và hàm trong Excel 2.4.1 Các hàm thống kê 2.4.2 Các hàm tài chính 2.4.3 Các hàm phân tích khác	0,5			0,5	1,5		Đọc TLC 1 chương 2 Đọc TLC 2 chương 2 Đọc TLC 3 chương 2
2.5 Đồ thị và biểu đồ trong Excel	0,25			0,5	0,75		
Chương 3.QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	3			3	6	15	
3.1 Khấu hao tài sản cố định	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 3 Đọc TLC 2 chương 3
3.2 Phân tích hiệu quả vốn đầu tư	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 3 Đọc TLC 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							chương 3
3.3 Đầu tư chứng khoán	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 3 Đọc TLC 2 chương 3
Chương 4 . CÁC PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO - LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ BÀI TOÁN ĐIỂM HÒA VỐN	3	0	1	4	8	10	
4.1 Dự báo kinh tế 4.1.1 Ý nghĩa của dự báo kinh tế 4.1.2 Phương pháp dự báo kinh tế	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 4 Đọc TLC 2 chương 4
4.2 Phân tích tương quan 4.2.1 Nhập tài liệu 4.2.2 Chọn lệnh và chạy mô hình 4.2.3 Đọc và phân tích lời giải 4.2.4 Hàm CORREL 4.2.5 Hàm COVAR 4.2.6 Hàm LINEST 4.2.7 Sử dụng chức năng Regression để tính hồi quy và dự báo.	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 4 Đọc TLC 3 chương 4 Đọc TLĐT 1 chương 4
4.3 Tìm kiếm mục tiêu với Goal Seek 4.3.1 Bài toán tìm mục tiêu 4.3.2 Bài toán tìm điểm giao giữa đường cung và cầu	0,5			0,5	1,0		Đọc TLC 1 chương 4 Đọc TLĐT 1 chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.4. Bài Toán điểm hòa vốn	0,5			0,5	1,0		Đọc TLC 1 chương 4 Đọc TLC 2 chương 5
Kiểm tra			1,0		1,0		
Chương 5. PHÂN TÍCH RỦI RO TRONG KINH DOANH BẰNG CRYSTAL BALL	2			3	5	10	
5.1 Cài đặt Crystal Ball vào môi trường Excel	0,25			0,5	0,75		Đọc TLC 1 chương 5 Đọc TLC 2 chương 6
5.2 Khai báo biến giả thiết, biến kết quả	0,25			0,5	0,75		Đọc TLC 1 chương 5 Đọc TLC 2 chương 2
5.3 Chạy mô phỏng	0,5			0,5	1,0		Đọc TLC 1 chương 5 Đọc TLC 2 chương 2
5.4 Xem kết quả chạy được	0,25			0,5	0,75		Đọc TLC 1 chương 5
5.5 Lập báo cáo và phân tích	0,5			0,5	1,0		Đọc TLC 1 chương 5 Đọc TLC 2 chương 6 Đọc TLC 3 chương 6
5.6 Chạy lại bài toán với các biến giả thiết và biến kết quả	0,25			0,5	0,75		Đọc TLC 1 chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
mới							
Chương 6. GIẢI BÀI TOÁN QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH	3		1	3	7	10	
6.1 Cách lập bài toán tối ưu 6.1.1 Những bài toán tối ưu trong kinh tế 6.1.2 Mô hình tổng quát	1,0			1,0	2,0		Đọc TLC 1 chương 6 Đọc TLC 3 chương 5 Đọc TLĐT 1 chương 5
6.2 Giải bài toán bằng Solver 6.2.1 Cách nhập số liệu 6.2.2 Cách xoá, sửa số liệu 6.2.3 Chạy mô hình 6.2.4 Đọc và phân tích lời giải	2			2,0	4,0		Đọc TLC 1 chương 6 Đọc TLC 3 chương 5 Đọc TLĐT 1 chương 5
Kiểm tra			1,0		1,0		
Cộng	13	0	2	15	30	65	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

4.5.55. Phân tích định lượng

2TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phân tích định lượng**
 - Tiếng Anh: **Quantitative Analysis**
- Mã học phần: QNA203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 17 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học phải trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về bản chất của phân tích định lượng, cách xây dựng mô hình kinh tế, tìm ra những phương án tối ưu hoá trong sản xuất và kinh doanh cũng như trong tiêu dùng. Đồng thời người học trình bày được kiến thức cơ bản về lý thuyết, phương pháp và các mô hình hồi quy tuyến tính đơn biến, hồi quy tuyến tính đa biến.
- *Về kỹ năng:* Xây dựng được các mô hình, phân tích mô hình và nâng cao tư duy để đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội qua mô hình kinh tế. Vận dụng toán kinh tế, mô hình kinh tế và dự báo để áp dụng vào trong thực tiễn kinh tế và cụ thể là hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm đưa ra các chiến lược, chính sách và dự báo được các hiện tượng kinh tế xã hội.

Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic... nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Nhận thức được tầm quan trọng của tính trung thực trong quá trình thu thập, trình bày và phân tích số liệu; cũng như những kết luận, dự báo mang tính khoa học, khách quan.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức ; có khả năng lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1. Giới thiệu về phân tích định lượng: Bao gồm những khái niệm cơ bản nhất về phân tích định lượng như quy trình, phương pháp phân tích và các phần mềm ứng dụng phổ biến.

Chương 2. Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu: Trong chương này sẽ trình bày các ứng dụng của phép đạo hàm và vi phân trong phân tích kinh tế; giới thiệu các mô hình toán kinh tế để giải các bài toán tối ưu trong thực tiễn.

Chương 3. Phân tích hồi quy: Giới thiệu về mô hình hồi quy bao gồm mô hình hồi quy đơn, hồi quy bội; ước lượng khoảng tin cậy, kiểm định các giả thuyết về các tham số trong mô hình; từ đó có thể lựa chọn mô hình hồi quy phù hợp với vấn đề thực tiễn.

Chương 4. Phương pháp dự báo định lượng: Chương này giới thiệu 2 nhóm phương pháp dự báo định lượng được sử dụng phổ biến, bao gồm dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo bằng phương pháp dự báo nhân quả. Các phương pháp này có ý nghĩa vận dụng trong việc lập kế hoạch cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Phạm Đình Phùng (2012), *Giáo trình Mô hình toán kinh tế*, NXB Tài chính.

2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

3. Lê Đình Thúy (2010), *Toán cao cấp cho các nhà kinh tế*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2010), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Giao

thông vận tải.

2. TS Trần Đình Phụng (2013), *Ứng dụng các phương pháp định lượng trong kế toán quản trị*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Quá trình học tập và tham khảo mở rộng: Học tập nghiên cứu ở nhà, thư viện, nghe giảng trên lớp và nghe hướng dẫn bài tập...theo những nội dung được hướng dẫn, yêu cầu.
- Tham gia các hoạt động: Chuẩn bị bài, làm bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận, bài thi hết học phần.
- Ý thức tổ chức kỷ luật: Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG	3			3	6	
1.1. Khái niệm phân tích định lượng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.2. Mục tiêu của nghiên cứu định lượng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.3. Phương pháp và các bước tiến hành <i>1.3.1. Các phương pháp toán ứng dụng trong phân tích định lượng</i> <i>1.3.2. Các bước tiến hành phân tích định lượng</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1.
1.4. Các phần mềm ứng dụng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. MÔ HÌNH TOÁN KINH TẾ VÀ PHƯƠNG PHÁP TỐI ƯU	5	4	1	10	20	
2.1. Khái niệm về mô hình kinh tế và mô hình toán kinh tế <i>2.1.1. Mô hình kinh tế</i> <i>2.1.2. Mô hình toán kinh tế</i> <i>2.1.3. Ứng dụng mô hình toán kinh tế trong nghiên cứu lựa chọn giải pháp tối ưu</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2, 3. Chuẩn bị bài và tự học
2.2. Toán cao cấp và một số ứng dụng <i>2.2.1. Cực trị của một hàm số</i> <i>2.2.2. Đạo hàm riêng và tối ưu hóa nhiều biến</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 3, chương 2, 3. Chuẩn bị bài, tự học và làm bài tập theo hướng

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.3. Tối ưu hóa bị ràng buộc						dẫn của giảng viên
2.3. Mô hình quy hoạch tuyến tính 2.3.1. Giới thiệu quy hoạch tuyến tính 2.3.2. Các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính 2.3.3. Phân tích độ nhạy cho bài toán quy hoạch tuyến tính và ứng dụng Solver	2	2	1	5	10	Đọc TLC 1, C3. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận, làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. PHÂN TÍCH HỒI QUY	6	5		11	22	
3.1. Một số vấn đề cơ bản về phân tích hồi quy 3.1.1.Khái niệm phân tích hồi quy 3.1.2. Hồi quy tổng thể và hồi quy mẫu 3.1.3. Một số dạng hàm cơ bản trong phân tích hồi quy	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2, 3. Chuẩn bị bài và tự học
3.2. Mô hình hồi quy đơn biến 3.2.1.Giới thiệu về mô hình hồi quy đơn biến 3.2.3.Phương pháp bình phương nhỏ nhất - OLS 3.2.3. Phương sai và độ lệch chuẩn của các hệ số hồi quy ước lượng 3.2.4.Ước lượng khoảng tin cậy	3	2		5	10	Đọc TLC 2, chương 2, 3. Chuẩn bị bài, tự học và làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
và kiểm định các giả thuyết thống kê cho các hệ số hồi quy 3.2.5. Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy 3.2.6.Dự báo bằng mô hình hồi quy tuyến tính dạng đơn						
3.3. Mô hình hồi quy đa biến 3.3.1.Giới thiệu về mô hình hồi quy đa biến 3.3.3.Ước lượng các tham số của mô hình hồi quy đa biến 3.3.3.Ước lượng khoảng tin cậy và kiểm định cho các hệ số hồi quy 3.3.4. Hệ số xác định bội R^2 và hệ số xác định bội đã hiệu chỉnh 3.3.5. Kiểm định ý nghĩa của hàm hồi quy	2	3		5	10	Đọc TLC 2, chương 3. Chuẩn bị bài, tự học và làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 4. PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO ĐỊNH LƯỢNG	3	1		4	8	
4.1. Giới thiệu về phương pháp dự báo định lượng 4.1.1.Khái niệm dự báo định lượng 4.1.2. Quy trình dự báo định lượng 4.1.3. Các phương pháp dự báo định lượng	0,5			0,5	1	Đọc TLĐT 2, chương 4,5. Chuẩn bị bài, tự học và làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên
4.2. Dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian	1	0,5		1,5	3	Đọc TLĐT 2, chương 4.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
42.1.Khái quát về dữ liệu chuỗi thời gian 4.2.2. Các phương pháp dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian						Chuẩn bị bài, tự học và làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên
4.3. Dự báo bằng phương pháp dự báo nhân quả 4.3.1.Khái niệm về phương pháp dự báo nhân quả 4.3.2. Các phương pháp dự báo nhân quả	1,5	0,5		2	4	Đọc TLĐT 2, chương 5. Chuẩn bị bài, tự học và làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	17	10	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.56. Quản trị chiến lược

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị chiến lược**
 - Tiếng Anh: **Strategic management**
- Mã học phần: SMN204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, field of Service Management and Travel and Tourism
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☑
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 34tiết
 - Bài tập : 09 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên hiểu được một số khái niệm cơ bản về quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược; Biết nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Thiết lập mục tiêu chiến lược; Xác định các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp; Hoạch định chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp chức năng; Thực hiện và đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích được các mục tiêu chiến lược và có các quyết định hoạch định chiến lược phù hợp; Lựa chọn mục tiêu chiến lược phù hợp với doanh nghiệp qua đó có thể lựa chọn, đánh giá và điều chỉnh chiến lược phù hợp.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các công cụ hoạch định chiến lược nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những phân tích, đánh giá về hoạt động hoạch định chiến lược có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định trong kinh doanh giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác nghiên cứu chiến lược kinh doanh trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Quản trị chiến lược,

nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, viễn cảnh, sứ mạng và mục tiêu của doanh nghiệp, lợi thế cạnh tranh, định vị và ra các quyết định về chiến lược của doanh nghiệp. Học phần không chỉ tập trung vào việc lựa chọn, và tổ chức thực hiện chiến lược mà còn đề cập tới việc đánh giá và điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp. Từ đó có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ngô Kim Thanh (2011), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Fredr. David (2012), *Khái luận về Quản trị chiến lược*, NXB thống kê.
3. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi (2011), *Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống*, NXB Phương Đông.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Porter, M.E (1996), *What is strategy in Havard Business Review*.
2. Porter, M., Michael Porter on Strategy (2005), *Leadership Excellence*.
3. Henri, J.-F (2006), *Management control systems and strategy: A resource-based perspective. Accounting, Organizations and Society*.
4. Dixit, A.K. and B.J. Nalebuff (2006), *Tư duy chiến lược: Thinking strategically*, ed. NXB.Tri Thức.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐ Bài tập lớn ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC	3	1		4	8	
1.1. Khái quát về chiến lược 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đặc trưng của chiến lược kinh doanh 1.1.3. Các cấp chiến lược	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Khái niệm, vai trò của quản trị chiến lược 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Vai trò của quản trị chiến lược 1.2.3. Các mô hình quản trị chiến lược 1.2.4. Các giai đoạn quản trị chiến lược 1.2,5. Ra quyết định chiến lược	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
Chương 2. NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	
2.1.Môi trường kinh doanh 2.1.1. Môi trường bên ngoài 2.1.2. Môi trường nội bộ doanh nghiệp	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3, 4
2.2. Tạo lập hệ thống thông tin phục vụ cho phân tích và dự báo	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
môi trường kinh doanh 2.2.1. Xác định nhu cầu thông tin 2.2.2. Xác định các nguồn cung cấp thông tin 2.2.3. Xây dựng hệ thống thu thập và xử lý thông tin 2.2.4. Dự báo diễn biến của các yếu tố môi trường 2.2.5. Tổng hợp kết quả phân tích và dự báo môi trường kinh doanh 2.2.6. Phân tích cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh và điểm yếu của Doanh nghiệp 2.2.7. Đề xuất các phản ứng chiến lược						
Chương 3. VIỄN CẢNH, SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	
3.1. Viễn cảnh của doanh nghiệp 3.1.1. Khái quát về viễn cảnh của doanh nghiệp 3.1.2. Các yếu tố cấu thành của Viễn cảnh (Cấu trúc của viễn cảnh)	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2
3.2. Sứ mạng (nhiệm vụ) của doanh nghiệp 3.2.1. Khái quát về sứ mạng và bản tuyên bố sứ mạng 3.2.2. Vai trò của mục tiêu 3.2.3. Các yêu cầu đối với hệ	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thống mục tiêu chiến lược</i> 3.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc hình thành hệ thống mục tiêu chiến lược 3.3.5. Lựa chọn các mục tiêu chiến lược						
Chương 4. LỢI THẾ CẠNH TRANH	4	1		5	10	
4.1. Khái niệm và bản chất của lợi thế cạnh tranh 4.1.1. Cạnh tranh, lợi thế cạnh tranh và quan điểm tạo lợi thế cạnh tranh 4.1.2. Bản chất của lợi thế cạnh tranh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
4.2. Tạo dựng lợi thế cạnh tranh 4.2.1. Nguồn gốc của lợi thế cạnh tranh 4.2.2. Các khối tạo lợi thế cạnh tranh 4.2.3. Các tiêu chuẩn để xác định lợi thế cạnh tranh bền vững 4.2.4. Lựa chọn lợi thế cạnh tranh	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
4.3. Duy trì lợi thế cạnh tranh 4.3.1. Phân tích tính lâu bền chiến của lợi thế cạnh tranh 4.3.2. Duy trì lợi thế cạnh tranh 4.3.3. Các yếu tố tác động đến việc xây dựng lợi thế cạnh tranh	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5
Chương 5. CHIẾN LƯỢC	4	1		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CẤP DOANH NGHIỆP						
5.1. Chiến lược tăng trưởng 5.1.1. Chiến lược tăng trưởng tập trung 5.1.2. Chiến lược tăng trưởng bằng con đường hội nhập (liên kết) 5.1.3. Chiến lược tăng trưởng bằng cách đang dạng hoá	1	0,5		1,5	3	Độc TLC 1, chương 7
5.2. Chiến lược suy giảm 5.2.1. Cắt giảm chi phí 5.2.2. Thu lại vốn đầu tư 5.2.3. Thu hoạch 5.2.4. Chiến lược rút lui	2	0,5		2,5	5	Độc TLC 1, chương 7
5.3. Chiến lược đổi mới	1			1	2	Độc TLC 1, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. CHIẾN LƯỢC CẤP ĐƠN VỊ KINH DOANH VÀ CẤP CHỨC NĂNG	4	1		5	10	
6.1. Chiến lược cấp đơn vị kinh doanh 6.1.1. Khái quát về chiến lược cấp đơn vị kinh doanh 6.1.2. Các chiến lược cấp đơn vị kinh doanh	1	0,5		1,5	3	Độc TLC 1, chương 8
6.2. Các chiến lược chức năng 6.2.1. Chiến lược sản xuất/tác nghiệp 6.2.2. Chiến lược tài chính 6.2.3. Chiến lược nghiên cứu và phát triển	3	0,5		3,5	7	Độc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.4. Chiến lược quản trị nguồn nhân lực 6.2.5. Chiến lược Quản trị hệ thống thông tin 6.2.6. Chiến lược marketing						
Chương 7.LỰA CHỌN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC	3	1		4	8	
7.1. Lựa chọn chiến lược 7.1.1. Yêu cầu của lựa chọn chiến lược 7.1.2. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược 7.1.3. Quy trình lựa chọn chiến lược 7.1.4. Mô hình phân tích và lựa chọn chiến lược	1	0,5		1,5	3	Độc TLC 1, chương 11; Đọc TLC 3, chương 7
7.2. Thực hiện chiến lược 7.2.1. Bản chất và nguyên tắc của quá trình thực hiện chiến lược 7.2.2. Nội dung chủ yếu của quá trình thực hiện chiến lược 7.2.3. Quản trị thay đổi trong thực hiện chiến lược 7.2.4. Tạo môi trường văn hoá hỗ trợ cho chiến lược	2	0,5		2,5	5	Độc TLC 1, chương 11; Đọc TLC 3, chương 7
Chương 8. ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC	4	1		5	10	
8.1. Bản chất của việc đánh giá chiến lược	1	0,5		1,5	3	Độc TLC 1, chương 15

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.1.1. Mục tiêu của việc kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh 8.1.2. Yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh						
8.2. Quy trình kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược kinh doanh 8.2.1. Xác định nội dung kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh 8.2.2. Xây dựng các tiêu chuẩn kiểm tra 8.2.3. Phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh 8.2.4. Thực hiện kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh theo tiêu chuẩn 8.2.5. Tổ chức điều chỉnh chiến lược kinh doanh 8.2.6. Điều kiện kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh có hiệu quả	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 15; Đọc TLC 3, chương 8
Chương 9. CHIẾN LƯỢC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU	4	1		5	10	
9.1. Toàn cầu hóa và những vấn đề cần quan tâm trong quản trị chiến lược 9.1.1. Những vấn đề đặt ra trong xu thế toàn cầu hóa	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.1.2. Những áp lực mà các doanh nghiệp phải đối mặt trước xu thế toàn cầu						
9.2. Lựa chọn chiến lược kinh doanh toàn cầu 9.2.1. Chiến lược đa quốc gia 9.2.2. Chiến lược xuyên quốc gia 9.2.3 Chiến lược toàn cầu 9.2.4. Chiến lược quốc tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10
9.3. Các phương thức thâm nhập thị trường nước ngoài 9.3.1. Xuất khẩu 9.3.2. Bán bản quyền 9.3.3. Nhượng quyền kinh doanh 9.3.4. Liên doanh 9.3.5. Lập các công ty con sở hữu hoàn toàn	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10
9.4. Các liên minh chiến lược toàn cầu 9.4.1. Các lợi thế của liên minh chiến lược 9.4.2. Bất lợi của các liên minh chiến lược	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	34	9	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.57. Tài nguyên và kinh doanh du lịch

3TC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tài nguyên và kinh doanh du lịch**
 - Tiếng Anh: **Resources and Tourism business**
- Mã học phần: RTB204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghiep ☑
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: sinh viên hiểu những kiến thức tổng quát về tài nguyên du lịch và kinh doanh du lịch, hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, và phân biệt được các loại tài nguyên được sử dụng trong du lịch, nhận diện được các hoạt động kinh doanh du lịch, mối liên hệ giữa tài nguyên và kinh doanh du lịch.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài nguyên và kinh doanh du lịch.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể hiểu được những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch và kinh doanh du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên vào các hoạt động kinh doanh du lịch.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của tài nguyên và hoạt động kinh doanh du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tài nguyên và kinh doanh du lịch gồm 5 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: tài nguyên du lịch như các loại tài nguyên du lịch, các nhân tố tác động đến tài nguyên và kinh doanh du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, định hướng và các giải pháp nhằm khai thác và bảo vệ tài nguyên và kinh doanh du lịch theo hướng bền vững. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Thị Hải Yến (2012), *Giáo trình Tài nguyên du lịch*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), *Giáo trình Kinh tế du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lục Bội Minh (2005), *Quản lý khách sạn hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia Viện Nghiên cứu phát triển du lịch.

2. Nguyễn Trọng Đăng, Nguyễn Doãn Thị Liễu, 2008, *Quản trị doanh nghiệp khách sạn - du lịch*, NXB Thống kê.

3. Nguyễn Doãn Thị Liễu, 2015, *Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒

Dạy học theo dự án ☐ Dạy học thực hành ☐ Thu thập số liệu ☐
 Phân tích, xử lý số liệu ☐ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐ Bài tập lớn ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI NGUYÊN VÀ KINH DOANH DU LỊCH	6			6	12	
1.1. Tài nguyên du lịch 1.1.1. Khái quát về tài nguyên du lịch 1.1.2. Phân loại tài nguyên du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
1.2.Kinh doanh du lịch 1.2.1. Khái quát về kinh	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
doanh du lịch 1.2.2. Các loại hình kinh doanh du lịch						
1.3. Mối quan hệ giữa tài nguyên du lịch và kinh doanh du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TÀI NGUYÊN VÀ KINH DOANH DU LỊCH	6	2		8	16	
2.1.Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên 2.1.1.Vị trí, địa hình 2.1.2.Khí hậu 2.1.3. Đặc điểm tự nhiên	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2
2.2.Các nhân tố khác 2.2.1.Kinh tế 2.2.2.Chính trị , pháp luật 2.2.3. Văn hóa, xã hội	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 3. TÀI NGUYÊN DU LỊCH	8	2		10	20	
3.1.Tài nguyên du lịch tự nhiên 3.1.1. Khái niệm tài nguyên du lịch tự nhiên 3.1.2.Các loại tài nguyên du lịch tự nhiên	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 1, chương 4,5,6
3.2.Tài nguyên du lịch nhân	3	1		4	8	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
văn 3.2.1. Khái niệm tài nguyên du lịch nhân văn 3.2.2.Các loại tài nguyên du lịch nhân văn						chương 5
3.3.Thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. KINH DOANH DU LỊCH	8	2		10	20	
4.1.Kinh doanh lễ hành 4.1.1.Khái quát về hoạt động kinh doanh lễ hành 4.1.2.Tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh lễ hành	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 4, chương 2
4.2.Kinh doanh lưu trú 4.2.1. Khái quát về hoạt động kinh doanh lưu trú 4.2.2.Tổ chức và quản lý hoath động kinh doanh lưu trú	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 4, chương 3
4.3. Kinh doanh nhà hàng 4.3.1.Khái quát về kinh doanh nhà hàng 4.3.2.Tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh nhà hàng	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 4 , chương 4
4.4. Kinh doanh các dịch vụ khác 4.1.1. Khái quát về một số	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 4, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>loại dịch vụ khác</i> <i>4.4.1. Tổ chức và quản lý một số dịch vụ khác</i>						
CHƯƠNG 5. ĐỊNH HƯỚNG KHAI THÁC, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN VÀ KINH DOANH DU LỊCH	7	2		9	18	
5.1.Định hướng khai thác và bảo vệ tài nguyên và kinh doanh du lịch theo hướng bền vững	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 5
5.2.Một số giải pháp khai thác và bảo vệ tài nguyên và kinh doanh du lịch <i>5.2.1.Khai thác và sử dụng các tài nguyên một cách hợp lý</i> <i>5.2.2.Phát triển gắn với bảo tồn tính đa dạng</i> <i>5.2.3. Phát triển phải phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội</i> <i>5.2.4. Hạn chế sử dụng quá mức tài nguyên và giảm thiểu chất thải</i>	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	8	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành, đảm bảo đủ theo danh mục trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác đào tạo của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
1	Phòng học	154	13.854	Máy chiếu	104	Tất cả các môn	13.854
				Màn chiếu	107		
				Bảng chống loá	154		
				Bàn giáo viên	154		
				Bàn học sinh	3.650		

b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm thực hành

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
1	Phòng máy 701	1	103	Máy vi tính DELL	54	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
2	Phòng	1	103	Máy vi tính DELL	49	2016	Các	103

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
	máy 702			Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016	môn tin học	
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
3	Phòng máy 703	1	103	Máy vi tính DELL	47	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
4	Phòng máy 704	1	103	Máy vi tính DELL	66	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
5	Phòng máy 705	1	103	Máy vi tính DELL	40	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
6	Phòng máy 706	1	103	Máy vi tính DELL	40	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
7	Phòng máy 708	1	103	Máy vi tính DELL	49	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				Sony				
8	Phòng máy 710	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
9	Phòng máy 806	1	103	Máy vi tính DELL	39	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
10	Phòng máy 808	1	103	Máy vi tính DELL	48	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
11	Phòng máy 810	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học	103

c. Thư viện

Tổng diện tích thư viện: 890 m² trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m²

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu (tài liệu giấy và số): 100

Số chỗ ngồi đọc: 200

Phần mềm Thư viện (tích hợp quản lý thư viện truyền thống và thư viện điện tử): iLibme

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Thành phố Hồ Chí Minh các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình của trường: 9.915 sách, giáo trình, tài liệu tham khảo.

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	TÊN MÔN HỌC	TÀI LIỆU CHÍNH
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, HN.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo (2013), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
5	Kỹ năng mềm	1. Bùi Thị Thu (2018), <i>Giáo trình kỹ năng mềm</i> , NXB Xây dựng
		2. Lại Thế Luyện (2014), <i>Kỹ năng tìm việc làm</i> , NXB Thời đại.
		3. Dương Thị Liễu (2013), <i>Kỹ năng thuyết trình</i> , NXB Kinh tế quốc dân.
6	Pháp luật đại cương	1. TS. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), <i>Pháp luật đại cương</i> , NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
		2. Nguyễn Minh Đoan (2016), <i>Lý luận về Nhà nước và Pháp luật</i> , NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
		3. Vũ Quang (2015), <i>Giáo trình Pháp luật đại cương</i> , NXB Bách Khoa Hà Nội.
7	Tiếng Anh 1	1. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge, Elementary</i> . Harlow: Pearson Longman.
8	Tiếng Anh 2	New cutting Edge (Pre- Intermediate)
9	Tiếng Anh 3	1, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), <i>New cutting Edge (Pre- Intermediate)</i> , Pearson Longman
10	Toán cao cấp	1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2012, <i>Toán học cao cấp (Tập 1,2,3)</i> , Nhà xuất bản Giáo Dục.
		2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2019, <i>Bài tập Toán cao cấp</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
11	Tin học đại cương	1. Phạm Thị Anh Lê (2014), <i>Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)</i> , Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
		2. Phạm Quang Huy (2019), <i>Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu</i> , Nhà xuất bản Thanh niên.

		3. Phạm Quang Hiến (2019), Phạm Phương Hoa, <i>Giáo trình thực hành Excel</i> , Nhà xuất bản Thanh niên.
12	Kinh tế vi mô	1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), <i>GT Kinh tế vi mô</i>, Nhà xuất bản xây dựng. 2. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), <i>GT Nguyên lý kinh tế học vi mô</i>, NXB Lao động – Xã hội. 3. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2014), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i>, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội. 4. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2011), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Chính trị hành chính.
13	Kinh tế vĩ mô	1. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên, Tống Thị Thu Hòa (2018), <i>GT Kinh tế vĩ mô</i>, NXB Tài chính. 2. Nguyễn Văn Công (2008), <i>Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô</i>, NXB Giáo dục Việt Nam 2. Nguyễn Văn Ngọc (2013), <i>Bài giảng Kinh tế vĩ mô</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
14	Kinh tế tài nguyên và môi trường	1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>, Nhà xuất bản Tài chính. 2. Nguyễn Thế Chinh (2011), <i>Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê. 3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), <i>Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Tài chính.
15	Nguyên lý thống kê kinh tế	1. Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu(2014), <i>Giáo Trình thống kê Kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Khoa Thống kê, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, <i>Giáo trình Lý thuyết thống kê</i> (2014), NXB ĐH Kinh tế Quốc dân 3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS</i>, NXB Hồng Đức
16	Nguyên lý kế toán	1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên, (2018), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>, NXB Lao động xã hội 2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính 3. Phan Đức Dũng (2014), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>

		và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực, NXB Thống kê.
17	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	1. Vũ Cao Đàm (2014), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật. 2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i>, NXB Tài chính. 3. Nguyễn Văn Thắng (2014), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
18	Điểm đến du lịch	1. Bùi Thị Hải Yến (2005), <i>Tuyển điểm du lịch Việt Nam</i>, NXB Giáo dục. 2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), <i>Địa lý du lịch Việt Nam</i>, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. 3. Nguyễn Phi Hạnh (2007), <i>Những vấn đề địa lý toàn cầu</i>, Đại học sư phạm Hà Nội.
19	Quản trị học	1. Nguyễn Hoàn (2019), <i>Giáo trình Quản trị học</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật 2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), <i>Quản trị học</i>, NXB Văn hóa - Nghệ thuật.
20	Marketing căn bản	1. Trần Minh Đạo (2012), <i>Marketing căn bản</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Marketing căn bản</i>, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
21	Tài chính - Tiền tệ	1. Phạm Ngọc Dũng (2014), <i>Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Tài chính. 2. Lê Thị Mận (2014), <i>Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Lao động Xã hội. 3. Nguyễn Hữu Tài (2012), <i>Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
22	Tổng quan du lịch	1. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), <i>Giáo trình Kinh tế du lịch</i>, NXB Lao động – Xã hội. 2. Trần Thị Mai (2008), <i>Giáo trình Tổng quan du lịch</i>, NXB Lao động – Xã hội 3. Nguyễn Minh Tuệ (2012), <i>Địa lý du lịch Việt Nam</i>, NXB Giáo dục Việt Nam
23	Quản lý nhà nước	1. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), <i>Cẩm nang nghiệp</i>

	về du lịch	<i>vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn</i>, NXB Lao động – Xã hội. 2. Đỗ Văn Phúc (2009), <i>Quản lý doanh nghiệp</i>, NXB Bách khoa – Hà Nội 3. Trần Thị Mai (2008), <i>Giáo trình tổng quan du lịch</i>, NXB Lao động – Xã hội
24	Quản trị doanh nghiệp du lịch	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2. Lesley Pender, Richard Sharpley (2005), <i>The management of Tourism</i>, SAGE Publications 3. Sơn Hồng Đức (2012), <i>Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng lý luận và thực tiễn</i>, NXB Phương Đông
25	Quản trị nguồn nhân lực	1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), <i>Giáo trình quản trị nhân lực căn bản</i>, NXB Thống kê. 2. Nguyễn Ngọc Quân (2012), <i>Quản trị nhân lực</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Trần Kim Dung (2016), <i>Quản trị nguồn nhân lực</i>, NXB Kinh tế TP HCM
26	Quản trị sự kiện	1. Lưu Văn Nghiêm (2012), <i>Tổ chức sự kiện</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội. 2. TS. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2013), <i>Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội</i>, NXB Lao động – Xã hội. 3. TS. Thái Trí Dũng (2012), <i>Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh</i>, NXB Lao động – Xã hội.
27	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	1. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2012), <i>Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch</i>, NXB Lao động – Xã hội 2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
28	Quản trị chất lượng du lịch	1. Nguyễn Doãn Thị Liễu, Nguyễn Trọng Đăng (2008), <i>Quản trị doanh nghiệp khách sạn – du lịch</i>, NXB Thống kê 2. Nguyễn Đình Phan (2005), <i>Quản lý chất lượng trong các tổ chức</i>, NXB Lao động xã hội 3. Phan Thắng (2009), <i>Quản trị chất lượng</i>, NXB Thống kê
29	Marketing du lịch	1. Trần Ngọc Nam, Trần Huy Khang (2005), <i>Marketing du</i>

		lịch, NXB Thành phố Hồ Chí Minh
		2. Nguyễn Trùng Khánh (2006), <i>Giáo trình marketing du lịch</i> , NXBLao động – Xã hội
		3. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình marketing căn bản</i> , ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
30	Quản trị lễ tân	1. Phạm Thị Cúc (2005), <i>Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân</i> , NXB Hà Nội
		2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		3. Nguyễn Văn Đình, Hoàng Thị Lan Hương (2007), <i>Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân
31	Thương mại điện tử	1. Trần Văn Hòe (2015), <i>Thương mại điện tử căn bản</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
		2. Nguyễn Văn Hồng (2012), <i>Thương mại điện tử căn bản</i> , NXB Hồng Đức
32	Tâm lý khách hàng du lịch	1. Phan Thị Dung (2010), <i>Tâm lý du khách</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
		2. Trần Thị Thu Hà (2005), <i>Giáo trình tâm lý học kinh doanh du lịch</i> , NXB Hà Nội
		3. Thái Trí Dũng (2012), <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i> , NXB Lao động – Xã hội
33	Văn hóa ẩm thực	1. Nguyễn Thị Bấy, Trần Quốc Vượng (2010), <i>Văn hóa ẩm thực Việt Nam nhìn từ lý luận và thực tiễn</i> , NXB Từ điển Bách Khoa & Viện văn hóa
		2. Nguyễn Thị Diệu Thảo (2014), <i>Ẩm thực Việt Nam và thế giới</i> , NXB Phụ nữ
		3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
34	Đạo đức nghề du lịch	1. Nguyễn Mạnh Quân (2012), <i>Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân
		2. Dương Thị Liễu (2013), <i>Giáo trình văn hóa kinh doanh</i> , Nxb Đại học kinh tế quốc dân
		3. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2008), <i>Đạo đức học Mác – Lênin</i> , NXB chính trị quốc gia

35	Du lịch bền vững	1. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu (2001), <i>Du lịch bền vững</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
		2. Bùi Thị Hải Yến (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i> , Nxb Giáo dục
		3. Nguyễn Văn Đính (2006), <i>Kinh tế du lịch</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
36	Kế toán tài chính	1. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i> , NXB Tài chính
		2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i> , NXB Tài chính
		3. Phan Đức Dũng (2014), <i>Bài tập và bài giải Kế toán tài chính</i> , NXB lao động – xã hội
37	Quản trị điểm đến du lịch	1. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2013), <i>Giáo trình marketing du lịch</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), <i>Địa lý du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục Việt Nam
38	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), <i>Quản trị kinh doanh lữ hành</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		2. Nguyễn Mạnh Ty, Mai Chánh Cường (2014), <i>Quản trị kinh doanh lữ hành</i> , NXB đại học quốc gia Hà Nội
		3. Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2011), <i>Quản trị tác nghiệp</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân.
39	Kỹ năng phát triển nghề du lịch	1. ThS. Hoàng Thị Thu Hiền - ThS. Bùi Thị Bích - ThS. Nguyễn Như Khương - ThS. Nguyễn Thanh Thủy (2014), <i>Giáo trình kỹ năng mềm- tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác</i> , NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
		2. PGS.TS Ngô Kim Thanh, TS. Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		3. Bùi Thanh Thủy (2012), <i>Nghệ vụ hướng dẫn du lịch</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
40	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch	1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), <i>Kinh tế</i>

		du lịch, NXB Lao động Xã hội.
		3. Bùi Thị Hải Yến (2005), <i>Tuyển điểm du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục
41	Hướng dẫn du lịch	1. Bùi Thanh Thủy (2009), <i>Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i> , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội 2. PGS.TS Dương Thị Liễu (2013), <i>Kỹ năng thuyết trình</i> , NXB Kinh tế quốc dân 3. Bùi Thị Hải Yến (2005), <i>Giáo trình tuyển điểm du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục.
42	Quản trị kinh doanh khách sạn	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân 2. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), <i>Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn</i> , NXB Lao động-Xã hội 3. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2011), <i>Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch</i> , NXB Lao động – Xã hội
43	Du lịch sinh thái	1. Lê Huy Bá (2006), <i>Du lịch sinh thái</i> , NXB Khoa học kỹ thuật 2. Nguyễn Văn Đỉnh, Trần Thị Minh Hòa (2006), <i>Giáo trình Kinh tế du lịch</i> , NXB Lao động xã hội
44	Du lịch văn hóa Việt Nam	1. Trần Thúy Anh (2011), <i>Giáo trình Du lịch văn hóa - Những vấn đề lý luận và nghiệp vụ</i> , NXB Giáo dục Việt Nam 2. Trần Quốc Vượng (2017), <i>Cơ sở Văn hóa Việt Nam</i> , Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam 3. PGS.TS. Hoàng Văn Thành (2014), <i>Giáo trình văn hóa du lịch</i> , NXB Chính trị quốc gia – Sự Thật
45	Thực tập khách sạn	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2. Lesley Pender, Richard Sharpley (2005), <i>The management of Tourism</i> , SAGE Publications 3. Sơn Hồng Đức (2012), <i>Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng lý luận và thực tiễn</i> , NXB Phương Đông
46	Thực tập lễ hành	1. Nguyễn Hoàn (2019), <i>Giáo trình Quản trị học</i> , NXB

		Khoa học và kỹ thuật.
		2. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), <i>Giáo trình quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch</i> , NXB Thống kê
47	Thực tập tốt nghiệp	1. Phạm Xuân Hậu (2011), <i>Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch</i> , NXB Thống kê.
		2. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Giáo trình quản trị chiến lược</i> , NXB Kinh tế quốc dân
		3. Nguyễn Văn Mạnh (2011), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		4. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), <i>Giáo trình quản trị nhân lực</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		5. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), <i>Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch</i> , NXB Thống kê
48	Khóa luận tốt nghiệp	1. Phạm Xuân Hậu (2011), <i>Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch</i> , NXB Thống kê.
		2. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Giáo trình quản trị chiến lược</i> , NXB Kinh tế quốc dân
		3. Nguyễn Văn Mạnh (2011), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		4. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), <i>Giáo trình quản trị nhân lực</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		5. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), <i>Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch</i> , NXB Thống kê
49	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	1. Trần Ngọc Thêm (1996), <i>Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam</i> , NXB TP.HCM
		2. Phan Kế Bính (2006), <i>Việt Nam phong tục</i> , NXB Văn học
		3. Phan Ngọc (1998), <i>Bản sắc văn hóa Việt Nam</i> , NXB Văn hóa thông tin
50	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	1. Phan Ngọc (1998), <i>Bản sắc văn hóa Việt Nam</i> , NXB Văn hóa – Thông tin
		2. Trần Quốc Vượng (1998), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> , NXB Giáo dục
		3. Trần Ngọc Thêm (1996), <i>Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam</i> , NXB Tp. Hồ Chí Minh

51	Lịch sử văn minh thế giới	1. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2006), <i>Lịch sử thế giới cận đại</i> , NXB Giáo dục
		2. Nguyễn Anh Thái (2006), <i>Lịch sử thế giới hiện đại 1917 - 1995</i> , NXB Giáo dục.
		3. Vũ Dương Ninh (2003), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i> , NXB Giáo dục Hà Nội
52	Lịch sử Việt Nam đại cương	1. Trương Hữu Quýnh (1997), <i>Đại cương lịch sử Việt Nam</i> , NXB Giáo dục
		2. Đinh Xuân Lâm (2000), <i>Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập</i> , NXB Giáo dục
		3. Lê Mậu Hãn (2006), <i>Đại cương lịch sử Việt Nam</i> , NXB Giáo dục
53	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1. Trần Ngọc Thêm (2011), <i>Cơ sở Văn hóa Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Giáo dục
54	Tin học ứng dụng	1. PGS.TS Ngô Thị Thuận (2010), <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i> , Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
		2 PGS.TS Hàn Viết Thuận (2009), <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		3. Trần Công Nghiệp (2011), <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i> , Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh
55	Phân tích định lượng	1. PGS.TS Phạm Đình Phùng (2012), <i>Giáo trình Mô hình toán kinh tế</i> , NXB Tài chính
		2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân
		3. Lê Đình Thúc (2010), <i>Toán cao cấp cho các nhà kinh tế</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân
56	Quản trị chiến lược	1. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Giáo trình Quản trị chiến lược</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		2. Fredr. David (2012), <i>Khái luận về Quản trị chiến lược</i> , NXB thống kê
		3. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi (2011), <i>Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống</i> , NXB Phương Đông
57	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	1. Bùi Thị Hải Yến (2012), <i>Giáo trình Tài nguyên du lịch</i> , NXB Giáo dục Việt Nam

	2. Nguyễn Minh Tuệ (2012), <i>Địa lý du lịch Việt Nam</i> , NXB Giáo dục Việt Nam
	3. Nguyễn Văn Đỉnh, Trần Thị Minh Hòa (2006), <i>Giáo trình Kinh tế du lịch</i> , NXB Lao động.

4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ GS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH
1	Nguyễn Viết Thành			x		
2	Nguyễn Thị Khuy			x		
3	Nguyễn Khắc Lĩnh				x	
4	Lê Thị Thoa				x	
5	Nguyễn Hà Linh				x	
6	Nguyễn Khánh Linh				x	
7	Nguyễn Khắc Thành				x	
8	Đào Thị Thùy Linh				x	
9	Đào Hồng Vân				x	
10	Đỗ Thị Ngọc Thúy				x	
11	Trần Thị Thu Hoài				x	
12	Nguyễn Ngọc Hồng				x	
13	Đinh Thị Thanh Huyền				x	
14	Nguyễn Thị Thu Hương				x	
15	Võ Diệu Linh				x	
16	Phạm Thị Mai				x	
17	Tạ Thị Thu				x	
18	Trần Minh Tiến				x	
19	Lưu Thùy Dương				x	
20	Đỗ Hải Hà				x	
21	Nguyễn Thị Hoài Thương				x	
22	Mai Hương Lam				x	
23	Đặng Thị Hiền				x	
24	Tạ Thị Bẩy				x	
25	Trần Thu Hằng				x	
26	Phạm Thị Lam				x	
27	Nguyễn Gia Thọ				x	
28	Bùi Thị Thu Hường				x	
29	Nguyễn Tiến Quang				x	

30	Mai Tiến Tú				x	
31	Cao Thị Bích Ngọc				x	
32	Phạm Khắc Nam				x	
33	Vũ Văn Khoa				x	
34	Mai Thị Thanh				x	

4.7.Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập, tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Lưu ý khi sắp xếp lịch học thực hành, thực tập giữa các học phần trong cùng một học kỳ phải so le nhau, tránh chồng chéo./.
